

THƯA

50.NQUA-1

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

**MINH TRIẾT &
Duy Lý**

TOM II

Thiên Địa Nhân Hợp Nhất

NHẤT NGUYÊN TÔN TẠI ÂM DƯƠNG &
CÁC NHẤT NGUYÊN DI LẠC



TẬP VI

CON ĐƯỜNG

THẦN MÌNH - TÂM LINH - THẾ GIAN

**QUÁ KHỨ & TƯƠNG LAI
NHẤT NGUYÊN NHÂN QUẢ**

Hà Nội , 2000 - 2001

601

8

III. CÁC LOẠI DẤU ÂM & VÀ DẤU ÂM NGỮ NGHĨA TRONG KINH DỊCH

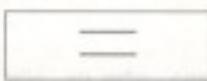
Xin nhắc lại những cách hiểu chúng tôi về dấu Âm.

- 1). Dấu Âm thuộc trường số phức C. Các dấu Âm này có thể triệt tiêu lẫn nhau được : - x - = +.
 2) Dấu Âm của bình phương các quẻ như : Li \diamond Li = - Kiến , Tốn \diamond Tốn = Kiến v.v....
 Chúng tôi cho rằng dấu Âm này có thể cũng không thuộc trường C.
 3) Dấu Âm thời tiết (hay phương hướng) (-T) :
 Hai quẻ có hào hoàn toàn trái dấu ngược nhau (đối xứng trục) trở những nghĩa ngược nhau

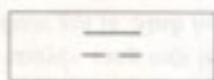
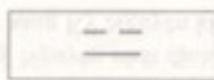
TRƯỜNG HỢP HAI HÀO.

Không có tương đương với cấu trúc toán học Tây phương

ÔNG HỌP HAI HÀO	1991
ng có tương đương với cấu trúc toán học Tây phương	1994



-

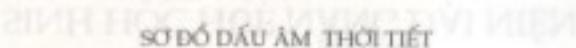


Mùa Xuân

Mùa Thu



Mùa Đông



Dấu Âm Thời tiết ký hiệu là (-T). Ví dụ với bốn mùa ta có các quan hệ sau

Xuân = (- T) Thu hay Thu = (- T) Xuân.

$Hg = (-T) Dòng$ hay $Dòng = (-T) Hg$.

Bài toán giải phương trình trên Hình Vuông Mặt Trời chia thành nhiều loại, tùy theo trong số các lượng a, b, A, B có hiện diện Thái Dương 1 hay Kiến 1 hay không.

1. TRƯỜNG HỢP TRẠNG HUỐNG ĐẦU LÀ MỘT TRẠNG THÁI ĐƠN

1A. TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ THÁI DƯƠNG VÀ KIẾN Ở TRẠNG THÁI ĐẦU.

Nếu ta có trạng thái đầu sau

$$\mathcal{A} = | In \rangle = \alpha (a \otimes A), a \neq 1, A \neq I,$$

tức là

$$a^2 = a \diamond a = -1, A^2 = A \diamond A = -I,$$

các dấu - này thuộc trường C !

$$\begin{aligned}\mathcal{A}^2 &= \mathcal{A} \diamond \mathcal{A} = \alpha^2 (a \otimes A) \diamond (a \otimes A) = \alpha^2 (a \diamond a) \otimes (A \diamond A) \\ &= \alpha^2 (-1) \otimes (-I) = \alpha^2 (1 \otimes I) = \alpha^2 E,\end{aligned}$$

$$E = (1 \otimes I) \text{ Đơn vị, Unity}$$

do các dấu - trên thuộc trường C .

Tiếp theo, do tính luân phiên của Đại số Octonion, ta có

$$M \diamond (M \diamond N) = (M \diamond M) \diamond N \quad \& \quad (M \diamond N) \diamond N = M = M \diamond (N \diamond N), \forall M, N$$

và sau khi nhân trái hai vế của phương trình với \mathcal{A} , ta được nghiệm sau :

$$\begin{aligned}\mathcal{A} \diamond (\mathcal{A} \diamond X) &= \mathcal{A} \diamond p \Rightarrow (\mathcal{A} \diamond \mathcal{A}) \diamond X = \alpha^2 X = \mathcal{A} \diamond p \\ X &= (\mathcal{A} \diamond p) / \alpha^2\end{aligned}\tag{II}$$

Ví dụ 1. Cho

$$\mathcal{A} = | In \rangle = \alpha (\text{Thiếu Dương} \otimes \text{Tối}) = \alpha (i \otimes j),$$

α cho trước, $a = \text{Thiếu Dương} = i, A = \text{Tối} = j;$

$$p = | Out \rangle = \lambda (\text{Thiếu Âm} \otimes \text{Chấn}) = \lambda (j \otimes ie), \text{ cho trước.}$$

Vậy

$$X = \mathcal{A} \diamond p / \alpha^2 = [\alpha (i \otimes j) \diamond \lambda (j \otimes ie)] / \alpha^2 = \lambda \alpha (i \diamond j) \otimes (j \diamond ie) =$$

Ví dụ

$$\mathcal{A}^T \diamond \mathcal{A} = \mathcal{A} \diamond \mathcal{A} = (\alpha(a \otimes A) + \beta(b \otimes B))^T =$$

Cho phương trình

$$\mathcal{A} \diamond X = p$$

và

$$\mathcal{A} = |In> = 0 (Thái Dương \otimes Chấn) = 0 (1 \otimes ie)$$

0 cho trước, a = Thái Dương = 1, A = Chấn = ie, cho trước.

$$p = |Out> = \lambda (Thiếu Âm \otimes Cấn) = \lambda (j \otimes je), \text{cho trước.}$$

Vậy

$$\begin{aligned} X &= \mathcal{A} \diamond p / -\theta^2 = [0(1 \otimes ie) \diamond \lambda(j \otimes je)] / -\theta^2 = \\ &= -\lambda(j \otimes (ie \diamond je)) / 0. \end{aligned}$$

Thứ lại

Ta có

$$\begin{aligned} \mathcal{A} \diamond X &= 0(1 \otimes ie) \diamond (-\lambda(j \otimes (ie \diamond je)) / 0) = -\lambda(j \otimes ie) \diamond (ie \diamond (ie \diamond je)) = \\ &= -\lambda(j \otimes (ie \diamond ie) \diamond je) = -\lambda(j \otimes (-) \diamond je) = \lambda(j \otimes je) = p, \text{đpcm.} \end{aligned}$$

2. TRƯỜNG HỢP TRẠNG HUỐNG DẤU LÀ MỘT TRẠNG THÁI KHÔNG ĐƠN

2.1. TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ THÁI DƯƠNG VÀ KIẾN Ở TRẠNG THÁI DẤU

Bây giờ ta xét những trường hợp phức tạp hơn của trạng thái dấu của phương trình (f)

$$\mathcal{A} \diamond X = p$$

với

$$\mathcal{A} = |In> = \alpha(a \otimes A) + \beta(b \otimes B), \alpha \neq 0, \beta \neq 0,$$

$$a \neq 1, A \neq I, b \neq 1, B \neq I.$$

Nhìn trái hai vế của phương trình với \mathcal{A} ta được

$$\mathcal{A} \diamond (\mathcal{A} \diamond X) = \mathcal{A} \diamond p,$$

nhưng - như trên - lại do tính luân phiên (alternative) của đại số Octonion, ta được đẳng thức

(14) ta được

$$\mathcal{A}^T \diamond X = \mathcal{A} \diamond p.$$

Ta tính

$$\mathcal{A}^2 = \mathcal{A} \diamond \mathcal{A} = [\alpha(a \otimes A) + \beta(b \otimes B)]^2 = \\ \alpha^2(a \diamond a) \otimes (A \diamond A) + \beta^2(b \diamond b) \otimes (B \diamond B) + \\ + \alpha\beta [(a \otimes A) \diamond (b \otimes B) + (b \otimes B) \diamond (a \otimes A)].$$

Theo giả thiết, ta có

$$a \diamond a = -I, A \diamond A = -I, b \diamond b = -I \text{ và } B \diamond B = -I$$

Từ đó, đẳng thức trên biến thành

$$\text{Đẳng thức } (\alpha^2 + \beta^2)E + \\ \alpha\beta [(a \otimes A) \diamond (b \otimes B) + (b \otimes B) \diamond (a \otimes A)],$$

hay là

$$\mathcal{A}^2 = (\alpha^2 + \beta^2)E + \alpha\beta F, \quad (\alpha)$$

$$F = (a \otimes A) \diamond (b \otimes B) + (b \otimes B) \diamond (a \otimes A) =$$

Nhưng do tính phản giao hoán, ta được trong phạm vi ngữ nghĩa

$$F = (a \diamond b) \otimes (A \diamond B) + (b \diamond a) \otimes (B \diamond A) = \\ = (a \diamond b) \otimes (A \diamond B) + (-s)(a \diamond b) \otimes (-S)(A \diamond B),$$

chữ (-s) nhỏ là dấu Âm ngữ nghĩa Tứ Tượng, tương ứng với tính phản giao hoán của Tứ Tượng (xem A).

Đẳng thức trên có thể viết dưới dạng sau

$$\text{Hay giờ như } F = (a \diamond b) \otimes (A \diamond B) + (-s) \diamond (a \diamond b) \otimes (-S) \diamond (A \diamond B), \\ \text{hay là}$$

$$F = (a \diamond b) \otimes (A \diamond B) [1 + (-s) \otimes (-S)],$$

hay là

$$F = (a \diamond b) \otimes (A \diamond B) [1 + g],$$

với (xem A)

$$g = (-s) \otimes (-S).$$

Cần nhớ rằng (xem B).

$$g \diamond E = E \quad (*)$$

Từ (*) , ta được

$$\mathcal{A}^2 = [(\alpha^2 + \beta^2)E + \alpha\beta F]^2 = [\alpha^2 + \beta^2]^2 + \alpha^2\beta^2 F^2 + 2\alpha\beta[\alpha^2 + \beta^2]F. \quad (\beta)$$

Ta tính

$$\begin{aligned} \mathcal{A} \diamond \mathbf{P} = \mathbf{F}^2 &= [(a \diamond b) \otimes (A \diamond B) \diamond (1+g)]^2 = \\ &= 2g(a \diamond b)^2 \otimes (A \diamond B)^2 \end{aligned}$$

theo tính idempotent (C),

Nhưng do

$$(a \diamond b)^2 \otimes (A \diamond B)^2 = -I \otimes -I = I \otimes I = E$$

nên theo (*) ta được

$$\mathbf{F}^2 = 2gE = 2E \quad (**)$$

Thành thử, trong trường hợp 1, khi a, b, A, B đều khác 1, I thì do (**), ta có từ (β)

$$\mathcal{A}' = -(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 4\alpha^2\beta^2 + 2\alpha\beta(\alpha^2 + \beta^2)\mathbf{F}. \quad (\gamma)$$

Phối hợp (α) với (γ) để khử \mathbf{F} , ta được

$$\mathcal{A}' - 2[\alpha^2 + \beta^2]\mathcal{A}^2 = -(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 4\alpha^2\beta^2 = -(\alpha^2 + \beta^2)^2 \quad (\delta)$$

Nhưng từ (I) ta có

$$\mathcal{A}' \diamond \mathbf{X} = \mathcal{A} \diamond \mathbf{P} \Rightarrow$$

$$\mathcal{A}' \diamond (\mathcal{A}' \diamond \mathbf{X}) = \mathcal{A}' \diamond (\mathcal{A} \diamond \mathbf{P}) \Rightarrow$$

$$(\mathcal{A}' \diamond \mathcal{A}') \diamond \mathbf{X} = \mathcal{A}' \diamond (\mathcal{A} \diamond \mathbf{P}) \Rightarrow$$

Vậy

$$\mathcal{A}' \diamond \mathbf{X} = \mathcal{A}' \diamond (\mathcal{A} \diamond \mathbf{P}). \quad (\epsilon)$$

Bây giờ nhân (δ) với \mathbf{X} và chú ý đến (ε) và (I) ta được

$$-(\alpha^2 + \beta^2)^2 \mathbf{X} = \{\mathcal{A}' - 2[\alpha^2 + \beta^2]\} \diamond (\mathcal{A} \diamond \mathbf{P})$$

Như vậy, khi a, b, A, B đều khác 1, I , thì nghiệm \mathbf{X} có giá trị sau:

$$\mathbf{X} = -[\{\mathcal{A}' - 2(\alpha^2 + \beta^2)\} \diamond (\mathcal{A} \diamond \mathbf{P})] / (\alpha^2 + \beta^2)^2, \alpha \neq \beta.$$

Ví dụ

$$\mathcal{A} = \alpha(i \otimes j) + \beta(k \otimes ie), \mathbf{P} = \gamma(j \otimes ke) + \delta(k \otimes je).$$

$$\mathcal{A}' - 2(\alpha^2 + \beta^2) = -(\alpha^2 + \beta^2) + 2\alpha\beta(-j \otimes ke),$$

$$\mathcal{A} \diamond \mathbf{P} = \alpha\gamma(k \otimes -ie) + \alpha\delta(-j \otimes -e) + \beta\gamma(-i \otimes j) + \beta\delta(-l \otimes -k).$$

$$X = -[(\alpha^2 + \beta^2) + 2\alpha\beta(-j \otimes ke)] \diamond \\ [\alpha\gamma(k \otimes -ie) + \alpha\delta(-j \otimes -e) + \beta\gamma(-i \otimes j) + \beta\delta(-l \otimes -k)] / (\alpha^2 + \beta^2)^2$$

2B. TRƯỜNG HỢP CÓ MẶT THÁI DƯƠNG HAY KIẾN Ở TRẠNG THÁI DẦU

$$\mathcal{A} = \alpha(1 \otimes A) + \beta(b \otimes B), \quad a=1, b \neq 1, A \neq I, B \neq I,$$

(hay tương tự như vậy khi

$$\mathcal{A} = \alpha(a \otimes I) + \beta(b \otimes B), \quad a \neq 1, b \neq 1, A = I, B \neq I.)$$

Với trường hợp thứ nhất chẳng hạn ta có

$$\mathcal{A}^2 = \alpha^2(1 \otimes -I) + \beta^2(-1) \otimes (-I) + \alpha\beta K,$$

hay theo cách riêng,

$$\mathcal{A}^2 = (\beta^2 - \alpha^2)E + \alpha\beta K,$$

với

$$K = (1 \diamond b) \otimes (A \diamond B) + (b \diamond 1) \otimes (B \diamond A).$$

Ta có kết quả trên là đúng.

Ta phân ra hai lĩnh vực như sau (chính ở đây biểu hiện sự khác nhau giữa hình thức toán học và ngữ nghĩa hay giữa Tùy và Động):

2B1. LĨNH VỰC HOÀN TOÀN ĐẠI SỐ QUATERNION - OCTONION

$$K = [(1 \diamond b) - (b \diamond 1)] \otimes (A \diamond B) = (b - b) \otimes (A \diamond B) = 0.$$

Từ đây ta được

$$\mathcal{A}^2 = (\beta^2 - \alpha^2)E + \alpha\beta K = (\beta^2 - \alpha^2)E,$$

và từ

$$\mathcal{A}^2 \diamond X = \mathcal{A} \diamond P$$

cuối cùng ta được nghiệm

$$X = (\mathcal{A} \diamond P) / (\beta^2 - \alpha^2). \quad (III)$$

2B2. LĨNH VỰC NGỮ NGHĨA NẰM NGOÀI ĐẠI SỐ QUATERNION - OCTONION

Thành thử (a) biến thành

Trước hết, đặt (xem A, tương tự như $-S$ và $-S$)

$$p(I \diamond b) = b \diamond I, P(I \diamond A) = A \diamond I, p^2 = I, P^2 = I, fE = (p \otimes P)E = E$$

Thế thì ta có

$$K = (I \diamond b) \otimes (A \diamond B) [I + p \otimes (-S)].$$

Và ta được

$$c\mathcal{A}^2 = (\beta^2 - \alpha^2)E + \alpha\beta K \quad (\lambda)$$

với

$$K = [(I \diamond b) \otimes (A \diamond B)] \diamond v \quad (\mu)$$

và (xem C)

$$v = I + p \otimes (-S). \quad (\nu)$$

Tiếp theo, nhớ rằng

$$p^2 = I, (-S)^2 = I, [p \otimes (-S)]^2 = E = I, (A \diamond B)^2 = -I, (I \diamond b)^2 = -I,$$

từ (μ) ta được (xem C)

$$K^2 = v^2 = 2v.$$

Với các kết quả trên, ta được từ (λ)

$$\begin{aligned} c\mathcal{A}^4 &= [\beta^2 - \alpha^2 + \alpha\beta K]^2 = (\beta^2 - \alpha^2)^2 + (\alpha\beta K)^2 + 2(\beta^2 - \alpha^2)\alpha\beta K = \\ &= (\beta^2 - \alpha^2)^2 + \alpha^2\beta^2 k^2(p, S) + 2(\beta^2 - \alpha^2)\alpha\beta K = \\ &= (\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 [I + p \otimes (-S)] + 2(\beta^2 - \alpha^2)\alpha\beta K. \end{aligned}$$

Ta cũng có thể biểu hiện bằng cách sau đây

Tiếp theo, từ các biểu thức của \mathcal{A}^4 và \mathcal{A}^2 , trừ K, ta được :

$$\mathcal{A}^4 - 2(\beta^2 - \alpha^2)\mathcal{A}^2 = -(\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 v \quad (\rho)$$

Từ đó, nhân phải (ρ) với X, ta được

$$(\mathcal{A}^4 - 2(\beta^2 - \alpha^2)\mathcal{A}^2) \diamond X = -[(\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 v]X. \quad (\sigma)$$

Nhưng do

$$\mathcal{A}^2 \diamond X = \mathcal{A} \diamond p$$

ta lại có ở vế trái của (σ) :

$$(\mathcal{A}^4 - 2(\beta^2 - \alpha^2)\mathcal{A}^2) \diamond X = \mathcal{A}^2 \diamond (\mathcal{A} \diamond p) - 2(\beta^2 - \alpha^2)\mathcal{A} \diamond p =$$

$$= \{ \mathcal{A}^2 - 2(\beta^2 - \alpha^2) \} \diamond (\mathcal{A} \diamond p).$$

Thành thử (σ) biến thành

$$\{ (\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 v \} \diamond X = - \{ \mathcal{A}^2 - 2(\beta^2 - \alpha^2) \} \diamond (\mathcal{A} \diamond p) \quad (0)$$

Nhân trái (0) với $(\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 u$ và chú ý đến tính chất luân phiên, ta được từ (0)

$$\begin{aligned} & [(\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 v]^2 \diamond X = \\ & = - [(\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 v] \diamond \{ [\mathcal{A}^2 - 2(\beta^2 - \alpha^2)] \diamond (\mathcal{A} \diamond p) \} \quad (q) \end{aligned}$$

Vẽ trái của phương trình (q) sẽ có dạng

$$\begin{aligned} & [(\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 v]^2 \diamond X = \{ (\beta^2 - \alpha^2)^4 + 4\alpha^2\beta^2 v^2 + 4(\beta^2 - \alpha^2)^2 \alpha^2\beta^2 v \} \diamond X = \\ & = \{ (\beta^2 - \alpha^2)^4 + 4\alpha^2\beta^2 [2\alpha^2\beta^2 + (\beta^2 - \alpha^2)^2] v \} \diamond X, \end{aligned}$$

tức là ta có phương trình sau

$$\begin{aligned} & \{ (\beta^2 - \alpha^2)^4 + 4\alpha^2\beta^2 [2\alpha^2\beta^2 + (\beta^2 - \alpha^2)^2] v \} \diamond X = \\ & = - [(\beta^2 - \alpha^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2 v] \{ [\mathcal{A}^2 - 2(\beta^2 - \alpha^2)] \diamond (\mathcal{A} \diamond p) \} \quad (0) \end{aligned}$$

Cuối cùng, khử toán tử v từ các vẽ trái các phương trình (0) và (0), ta sẽ được nghiệm X của bài toán.

Ta cũng có tình hình tương tự như trên với

$$\mathcal{A} = \alpha (a \otimes I) + \beta (b \otimes B), a \neq 1, b \neq 1, A = I, B \neq I,$$

và ở đây ta sử dụng toán tử $v' = 1 + (-s) \otimes P$, với P là hoán vị trên các Octonion.

cho vé phải ta được phương trình

2C. TRƯỞNG HỢP CÓ MẶT CÁ HAI THÄI DƯƠNG HAY CÁ HAI KIËN

$$\mathcal{A} = \alpha (1 \otimes A) + \beta (1 \otimes B), 1, A \neq I, B \neq I,$$

(hay

$$\mathcal{A} = \alpha (a \otimes 1) + \beta (b \otimes 1), 1, a \neq 1, b \neq 1).$$

Ta hãy giải trường hợp thứ nhất chẳng hạn

Ta có

$$\mathcal{A}^2 = \alpha^2 (1 \otimes -I) + \beta^2 (1 \otimes -I) + \alpha\beta K,$$

hay

$$\mathcal{A}^2 = -(\alpha^2 + \beta^2)E + \alpha\beta K,$$

với

$$K = (1 \diamond A) \otimes (1 \diamond B) + (1 \diamond B) \otimes (1 \diamond A) =$$

$$= (1 \diamond 1) \otimes (A \diamond B) + (1 \diamond 1) \otimes (B \diamond A)$$

tức là

$$K = [(1 \diamond 1) \otimes (A \diamond B)] \diamond [(1 \diamond 1) \otimes (-S)],$$

$$K = [(1 \diamond 1) \otimes (A \diamond B)] \diamond v,$$

nhớ rằng $p(1 \diamond 1) = 1 \diamond 1$. Ta có

$$K^2 = I \otimes (-I) v^2 = -2Ev.$$

Từ đó

$$\begin{aligned}\mathcal{A}^4 &= [-(\alpha^2 + \beta^2)E + \alpha\beta K]^2 = (\alpha^2 + \beta^2)^2 + \alpha^2\beta^2 K^2 - 2(\alpha^2 + \beta^2)\alpha\beta K = \\ &= (\alpha^2 + \beta^2)^2 - 2\alpha^2\beta^2 v + 2(\alpha^2 + \beta^2)\alpha\beta K.\end{aligned}$$

Thành thử

$$\mathcal{A}^4 + 2(\alpha^2 + \beta^2)\mathcal{A}^2 = (\alpha^2 + \beta^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2(\alpha^2 + \beta^2)v.$$

Nhân phải đẳng thức trên với X , ta được

$$\{(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2(\alpha^2 + \beta^2)v\} \diamond X = \{\mathcal{A}^4 + 2(\alpha^2 + \beta^2)\mathcal{A}^2\} \diamond X.$$

Sử dụng các đẳng thức sau

$$\begin{aligned}\mathcal{A}^2 \diamond X &= \mathcal{A} \diamond p, \\ \mathcal{A}^4 \diamond X &= \mathcal{A}^2 \diamond \mathcal{A}^2 \diamond X = \mathcal{A}^2 \diamond (\mathcal{A} \diamond p)\end{aligned}$$

cho về phải ta được phương trình

$$\begin{aligned}\{(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2(\alpha^2 + \beta^2)v\} \diamond X &= \\ = [\mathcal{A}^2 + 2(\alpha^2 + \beta^2)] \diamond (\mathcal{A} \diamond p). &\quad (5)\end{aligned}$$

Tiếp theo nhân trái phương trình trên với $\{(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2(\alpha^2 + \beta^2)v\}$, ta được

GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH VỀ CHỈ MỘT ẨM
 $\left\{ \begin{array}{l} (\alpha^2 + \beta^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2(\alpha^2 + \beta^2) v Y \diamond X = \\ = \{(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2(\alpha^2 + \beta^2) v\} \diamond [c\ell^2 + 2(\alpha^2 + \beta^2)] \diamond (c\ell \diamond p). \end{array} \right.$

Tiếp theo nữa ta được

$$\begin{aligned} & \{(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2(\alpha^2 + \beta^2) v Y \diamond X = \\ & = \{(\alpha^2 + \beta^2)^4 + 4\alpha^4\beta^4(\alpha^2 + \beta^2)^2 u^2 + 4(\alpha^2 + \beta^2)^4\alpha^2\beta^2 v\} \diamond X = \\ & = \{(\alpha^2 + \beta^2)^4 + 8[\alpha^4\beta^4(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 4(\alpha^2 + \beta^2)^4\alpha^2\beta^2] v\} \diamond X \\ \text{tức là} & = \{(\alpha^2 + \beta^2)^4 + 8[\alpha^4\beta^4(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 4(\alpha^2 + \beta^2)^4\alpha^2\beta^2] v\} \diamond X = \\ & = \{(\alpha^2 + \beta^2)^2 + 2\alpha^2\beta^2(\alpha^2 + \beta^2) v\} \diamond [c\ell^2 + 2(\alpha^2 + \beta^2)] \diamond (c\ell \diamond p). \quad (5) \end{aligned}$$

Khử v giữa hai phương trình (5) và (5') ta sẽ được nghiệm X.

$$\begin{aligned} c\ell^2 \diamond X + c\ell \diamond [c\ell \diamond (B + Y)] &= c\ell^2 \diamond c\ell \diamond p \quad (5) \\ c\ell \diamond X + c\ell^4 \diamond [c\ell \diamond (B + Y)] &= \ell^2 \diamond B \diamond q \quad (5') \end{aligned}$$

Hai式 (1) và (3) và (2) với (4) như trên, ta sẽ được bài phán sau dưới đây

$$p(X + f(Y)) = P(P)$$

$$q(X + g(Y)) = Q(Q)$$

p, q là các ẩn không xác định, f, g là các ẩn xác định
 Cuối cùng, khai X, ta có bài phán sau:

**TÍNH TÍCH TRỤC TIẾP CỦA PHÉP NHÂN QUÉ 6 HÀO → QUÝ 6 HÀO
 HAY QUÉ 4 HÀO → QUÉ 4 HÀO**

*Thay chayen la Phap Biêu dien bieu thuc Thuy hoa
 tren Sao Hoc va Phap Biêu dien giao Hinh Vuong
 o Mat Tram*

Chúng ta hãy giả thiết rằng , ta có

c ℓ = (k ℓ) \diamond (k ℓ) \diamond Q ℓ (k ℓ là k ℓ hoa)

GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH HAI ẨN, QUY VỀ CHỈ MỘT ẨN

Ta chuyển sang hệ phương trình dạng

$$\begin{aligned}\mathcal{A} \diamond X + \mathcal{B} \diamond Y &= p, \\ \mathcal{C} \diamond X + \mathcal{D} \diamond Y &= q.\end{aligned}$$

$\mathcal{A}, \mathcal{B}, \mathcal{C}, \mathcal{D}, p, q$ biết trước và không chứa hai ẩn là X và Y .

Ta cũng theo thuật toán tương tự như trước, và được lần lượt

$$\mathcal{A}' \diamond X + \mathcal{A} \diamond (\mathcal{B} \diamond Y) = \mathcal{A} \diamond p, \quad (1)$$

$$\mathcal{C}' \diamond X + \mathcal{C} \diamond (\mathcal{D} \diamond Y) = \mathcal{C} \diamond q, \quad (2)$$

$$\mathcal{A}' \diamond X + \mathcal{A}^2 \diamond [(\mathcal{A} \diamond (\mathcal{B} \diamond Y))] = \mathcal{A}^2 \diamond (\mathcal{A} \diamond p), \quad (3)$$

$$\mathcal{C}' \diamond X + \mathcal{C}^2 \diamond [(\mathcal{C} \diamond (\mathcal{D} \diamond Y))] = \mathcal{C}^2 \diamond (\mathcal{C} \diamond q), \quad (4).$$

Phối hợp (1) với (3) và (2) với (4) như trên, ta sẽ được hệ phương trình dạng

$$\rho X + f(Y) = F(p),$$

$$\sigma X + g(Y) = G(q),$$

$\rho, \sigma \in C$ là trường số phức f, F, g, G là những hàm nào đó.

Cuối cùng, khử X , ta sẽ được phương trình chỉ của Y .

TÍNH TÍCH TRỰC TIẾP CỦA PHÉP NHÂN QUÈ 6 HÀO \diamond QUÈ 6 HÀO HAY QUÈ 4 HÀO \diamond QUÈ 4 HÀO

Sự chuyển từ Phép Biểu diễn trên Sao Thủy hay
trên Sao Mộc tới Phép Biểu diễn trên Hình Vuông
Mặt Trời

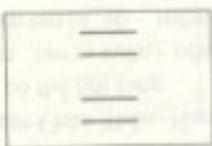
Chúng ta hãy giả thiết rằng, thay vì

chúng ta có $\mathcal{A} = |In> = a(a \otimes A)$, a : Què 2 hào, A : Què 3 hào,

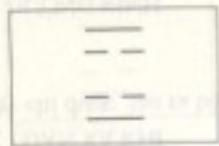
2. TRƯỜNG HỢP BỐN HÀO : TÍCH CỦA HAI QUATERNION

$$I \diamond I = I$$

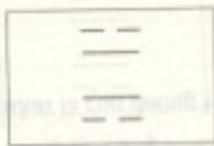
Mùa Hạ



ANSWER

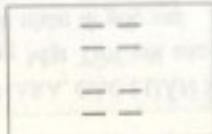


$$j \diamond i = (\cdot^*\Gamma) \cdot k$$



$$i \diamond j = k$$

Mùa Xuân



$$K \diamond K = (-\mathbf{T})I$$

Mùa Thu

Mùa Đông

Jiaxin Dong

SƠ ĐỒ DẤU ÂM THỜI TIẾT BỐN HÀO

$\text{Yield} = (-T_0) \cdot T_{\text{Hyp}}$

$X_{\text{mid}} = (-T)$ Thus

		$H_a = (-T) \cdot Dòng$	
4) Cuối cùng là dấu Âm Ngữ nghĩa (-S) do tính phản giao hoán các quẻ với tính đối xứng khối (khối đây hiểu là toàn bộ quẻ). Dấu này cũng không thuộc trường C.			

4) Cuối cùng là dấu Âm Ngữ nghĩa (-S) do tính phản giao hoán các quẻ với tính đổi xứng khôi (khôi đây hiểu là toàn bộ quẻ). Dấu này cũng không thuộc trường C.

MÁI MÔI TỘI PHÙ HỢP DÙNG PHƯƠT ĐỀU TÌM RA VÀO KHI

$\mathcal{A} = [In] = a(C \diamond A)$, C: Quẻ 3 hào, A: Quẻ 3 hào,

TÀNH

và thay vì

chúng ta có

$$(a \otimes A) \diamond (b \otimes B)$$

$$(C \diamond A) \diamond (D \diamond B), D: Quẻ 3 hào$$

(*)

Chúng ta nhớ lại rằng

$$(a \otimes A) \diamond (b \otimes B) = (a \diamond b) \otimes (A \diamond B) \quad (**)$$

phép nhân \diamond ở (*) quy về phép nhân Âm Dương của các hào với tính chất sau: (hoán vị giữa A và D)

$$\begin{aligned} & [hào(C) \diamond hào(D)] \diamond [hào(A) \diamond hào(B)] = \\ & = [hào(C) \diamond hào(A)] \diamond [hào(D) \diamond hào(B)]. \end{aligned}$$

Thành thử (*) trở thành

$$(C \diamond A) \diamond (D \diamond B) = (C \diamond D) \diamond (A \diamond B) \quad (***)$$

Các đẳng thức (**) và (***+) có cùng cấu trúc, từ đó ta có thể viết (***+) dưới dạng sau với ký hiệu $\underline{\diamond}$

$$(C \diamond A) \diamond (D \diamond B) = (C \diamond D) \diamond (A \diamond B) \Rightarrow$$

$$(C \underline{\diamond} A) \diamond (D \underline{\diamond} B) = (C \diamond D) \underline{\diamond} (A \diamond B) \quad (****)$$

So sánh (**) với (****), ta thu được quan hệ sau

$$\underline{\diamond} \approx \otimes$$

Hệ quả. Tất cả các kết quả thu được liên quan đến các quẻ 2 hào - Quẻ 3 hào trên Hình vuông Mặt Trời có thể vận dụng vào các trường hợp khi các quẻ nhiều hào là những quẻ 3 hào trên Sao Thủy, với sự liên quan sau:

$$\underline{\diamond} \approx \otimes.$$

Cụ thể là chúng ta có quy tắc sau :

Tích \diamond của hai quẻ 6 hào (ở một số nước, người ta đã nói tới 12 hào !)

$$(C \diamond A) \diamond (D \diamond B)$$

có thể xem như tích trực tiếp của hai quẻ 6 hào :

$$(C \diamond A) \diamond (D \diamond B) = (C \underline{\diamond} A) \diamond (D \underline{\diamond} B) = \\ = (C \diamond D) \underline{\diamond} (A \diamond B), \\ \underline{\diamond} \approx \otimes.$$

Kết quả trên có thể vận dụng cho phép nhân các quẻ 4 hào trên Sao Mộc.

Các hệ quả trên chính là cơ sở toán học cho phép biểu diễn trên Hình vuông Mặt Trời với tích trực tiếp quẻ hai hào \otimes quẻ 3 hào.

SƠ ĐỒ TÍCH TRỰC TIẾP CỦA HAI QUẺ 6 HÀO VÀ SƠ ĐỒ TÍCH TRỰC TIẾP ĐỐI VỚI CÁC QUẺ 5 HÀO TƯƠNG ỨNG

	Phép nhân dọc			Phép nhân ngang		
	C	.D		(C \diamond D)		
$(C \diamond A)$	$\diamond (D \diamond B)$	=	\diamond	\diamond	$=$	$(a \diamond b)$
$(a \diamond A)$	$\otimes (b \diamond B)$		\diamond	\diamond		\otimes
	A	B				$(A \diamond B)$
						$(A \diamond B)$

Các trình bày toán học

Các trình bày dạng
truyền thống
Phép biểu diễn trên
các Hình vuông kỳ
diệu Sao Thủy hay
Sao Mộc

Các trình bày theo
dạng tích trực tiếp
Phép biểu diễn trên
Hình vuông Kỳ diệu
Mặt Trời

VẼ DẤU ÂM NGỮ NGHĨA (-S)

Tất nhiên, dấu Âm Ngữ nghĩa (-S) là liên quan tới phép nhân dọc sau

$$C \diamond A, D \diamond B$$

và phép nhân ngang tương ứng sau

$$(C \diamond A) \diamond (D \diamond B).$$

Chẳng hạn, giả sử rằng chúng ta có phép nhân dọc sau:

1. $C \diamond A = (-S)_{AC} A \diamond C = (-S)_{AB} M, M = A \diamond C,$
2. $D \diamond B = (-S)_{BD} B \diamond D = (-S)_{BD} N, N = B \diamond D,$

và với phép nhân ngang tiếp theo

$$3. M \diamond N = (-S)_{MN} N \diamond M.$$

Thế thì , sau các phép nhân ngang saus :

$$4. C \diamond D,$$

$$5. A \diamond B,$$

và phép nhân dọc tiếp theo

$$6. (C \diamond D) \diamond (A \diamond B),$$

chúng ta sẽ thu được các sự kiện sau :

I. Về mặt toán học , chúng ta phải quy trở lại các dấu Âm Nhữ nghĩa sau :

$$(-S)_{BD}, (-S)_{BD}, (-S)_{MN}.$$

khi nói tới ý nghĩa của kết quả cuối cùng của các phép nhân phải thực hiện :

C	D
\diamond	\diamond
A	B

II . Nhưng theo ý nghĩa của dấu Âm Ngữ nghĩa, các dấu Âm loại này là gắn bó hữu cơ ngay lúc dấu với ý nghĩa của các văn bản , và sẽ không xuất hiện tưởng minh !

TIỂU SỬ TÁC GIÀ

GSTS Nguyễn Hoàng Phương sinh năm 1927, tại Miền Nam Việt Nam.

Từ năm 1954, ông đã dạy các môn Toán, Vật Lý Lý Thuyết, đặc biệt là Lý thuyết Nhóm, Cơ Lý thuyết, Lý thuyết Tương Đối, Cơ Học Lượng Tử, Lý thuyết Hạt Cơ bản tại Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, nay là Trường Đại Học Tự Nhiên thuộc Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

Từ năm 1970, ông chuyên sang nghiên cứu những vấn đề thuộc Triết Đông phương, Trường Sinh học trên các mặt Triết học, Phương pháp Luận và Cơ chế, trong mối quan hệ với các Khoa học Tây phương. Và từ năm 1985, ông đã định hướng được con đường Tích hợp Triết cổ Đông phương với Lý thuyết Tập mờ (Fuzzy Set), sáng tạo bởi L.A. Zadeh (Đại học Berkeley – California) và một số Cập Khoa học (Parasciences).

Ông đã viết được một số sách và công trình nghiên cứu sau:

01. Cơ Lý thuyết
02. Nhập môn Cơ Lượng Tử, Cơ sở và Phương pháp luận (Tích hợp Toán Lý Học),
03. Lý thuyết Nhóm và Ứng dụng vào Vật lý Lượng tử,
04. Xác lý tín hiệu rời rạc, 05. Toán tập mờ cho kỹ sư,
06. Đông Y học dưới ánh sáng của Lý thuyết Tập mờ,
07. Con Người và Trường Sinh học,
08. Oriental Philosophy Fundamentals and Fuzzy Set. East and West,
09. Albert Einstein, 10. Galiléo Galilée,
11. Tích hợp Đa văn hóa Đông Tây, cho một chiến lược giáo dục tương lai.

Bắt đầu năm 1997, ông đã dìu dắt hơn và tính Thống nhất Đông Tây Kim Cổ bao gồm cả Vật chất, Sự sống, Nhân văn. Và đầu năm 1998, đã ra đời công trình sau:

12. Octonion, Cơ sở Phổ Quát của Khoa học Đông Tây Thống nhất -Octonion, Universal Basis of the East West Unified Science (báo cáo tại Hội Thảo Quốc tế về Việt Nam Học, Hà Nội, 15-17 tháng 7 năm 1998). Có thể nói rằng Octonion là xương Tây phương của Bát Quái. Công trình 12 này – với 7 Tập = 1.000 trang - đã tạo nên được một Vũ Trụ Quan mới cho Thiên Niên Kỷ III, gọi là

Thiên Niên Kỷ ĐI Lạc Dương Minh Thành Đức, Thiên Nhân hợp nhất,

thay cho Thiên niên Kỷ II- đã qua là Thiên Niên Kỷ Mạt Pháp, Địa Nhân- hợp nhất. Phương pháp luận công trình dựa vào Octonion và một số Sơ đồ gọi là Hình Vương Kỷ Diệu Thái tinh.

Đặc biệt, qua công trình 12 ông đã

- A. Xây dựng được mô hình của hệ 49 Cửi, 49 Luân Xa, 49 Cửu chủng Nhân loại khác nhau trên cơ sở của hệ Tam linh Hệ 49 Ngón Lửa của Mẫu, từ đó để cập đến các Thiên Tài lịch sử lớn ,
- B. Chứng minh được và chính lý bằng toán học Octonion Cấu trúc Thứ tự (hay Tự Quái truyền) của Hệ Văn Vương, tức là phần Duy Lý của nó, đồng thời làm sáng tỏ được một phần logic ngữ nghĩa của nó, tức là phần Minh Triết của Nhân Văn Đông phương.
- C. Xây dựng được mô hình Thống nhất Sinh-Tử và giải đáp được 4 Câu hỏi thiên thu của Nhân loại
- D. Chứng minh Thời gian là không liệu hưu và xây dựng được một phương án của cái gọi là 10 Phương Phật hay " Chiếu thứ tư " của Không gian,
- E. Xây dựng được mô hình của Đôn Giáp Dương Minh, Thái Ất Dương Minh và đặc biệt nhất là của Kinh Dịch (mới) Dương Minh, trong đó bước đầu

Thống nhất được Minh Triết Đông phương và Duy Lý Tây phương

Đây là vấn đề chiến lược cao nhất được quan tâm bởi Hệ thống Phật Giáo cao nhất của Nhân loại là

TAM VI: Phật Bản Cố, Phật ĐI Lạc, Phật Đại Thông cùng

TAM VI: Thánh Sư Morya, Koot Hoomi và Jesus.

III. VỀ CÁCH ĐÁNH GIÁ CÁC MỨC CỦA QUAN HỆ MỜ KHÔNG ĐỒNG TÍNH

Dến đây, chúng ta hãy tìm cách xác định tính mờ của dấu Âm Ngũ nghĩa - S hay là cách đánh giá các mức của quan hệ không đồng tính (và cả không đồng tính) như sau.

Mỗi quẻ 6 hào chia thành 3 cặp như thường lệ:

* Cặp hào 1- 4 gọi là cặp Gốc, (Thiên). Cặp hào 3- 6 gọi là cặp Ngọn. (Địa)

* Cặp hào 2- 5 gọi là cặp Trung, (Nhân)

như cũ trong học duy

Khi cần xét hai quẻ khác nhau / giống nhau về mặt Âm Ngũ nghĩa, ta có các thuật toán sau:

A. Ta hãy đối chiếu các cặp 1- 4, 2- 5, 3 - 6 của quẻ thứ nhất với các cặp tương ứng của quẻ thứ hai.

B. Trường hợp phép nhân giao hoán (tức là có sự tham gia của quẻ Thiên)- là những trường hợp khá linh động - thì sẽ xuất hiện hai khả năng và hai cách đánh giá : đánh giá quan hệ đồng tính (DT) và cả quan hệ không đồng tính (KDT) tùy trường hợp.

C. Các trường hợp khác với B là thuộc quan hệ không đồng tính (KDT). Do tính phản giao hoán xuất hiện trong các trường hợp này, ta không kể đến các quan hệ đồng tính.

D. Các hệ số đồng tính và không đồng tính được tính quy ước theo 2 phương án như sau :

PHƯƠNG ÁN I (II)

* Mức đồng tính (không đồng tính) ở các cặp gốc được đánh giá là 4/7 %,

* Mức đồng tính (không đồng tính) ở các cặp trung được đánh giá là 2/7 %, (1/7 %),

* Mức đồng tính (không đồng tính) ở các cặp ngọn được đánh giá là 1/7 %, (2/7 %).

Sau đây ta sử dụng phương án I với hệ số thấp 1/7% của Đất, vì sao ? Do Đất di dời với Trời, nên hệ số thấp 1/7% của Đất đã được bù với hệ số cao 4/7% của Trời.

Như vậy, tính đồng tính/ không đồng tính được mềm (mờ) hoá như sau:

TRƯỜNG HỢP 1	TRƯỜNG HỢP 2	TRƯỜNG HỢP 3	TRƯỜNG HỢP 4	TRƯỜNG HỢP 5	TRƯỜNG HỢP 6	TRƯỜNG HỢP 7
KDT Ba cặp không đồng tính Hệ số 1	KDT tương đối Cặp gốc và trung Hệ số 6/7	KDT tương đối Cặp gốc và ngọn Hệ số 5/7	KDT tương đối Cặp gốc và ngọn Hệ số 4/7	KDT tương đối Cặp ngọn và trung Hệ số 3/7	KDT tương đối Cặp trung và ngọn Hệ số 2/7	KDT tương đối Cặp ngọn Hệ số 1/7
DT 3 cặp khg đồng tính Hệ số 0	DT Cặp ngọn Hệ số 1/7	DT Cặp trung Hệ số 2/7	DT Cặp trung và ngọn Hệ số 3/7	DT Cặp gốc và ngọn Hệ số 4/7	DT Cặp gốc và ngọn Hệ số 5/7	DT Cặp trung và gốc Hệ số 6/7

Chúng ta bắt đầu vào cụ thể, bắt đầu bằng họ Thiên, gồm những quẻ có chứa Nội quái hay Ngoại quái Thiên, gọi là họ Thiên, họ này gồm 8 cặp sau :

Họ Thiên (CHUNG CHO CÁC HỆ 64 QUẺ ?)

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ

KIẾN KIẾN	LÝ QUÁI	CẨU TIỂU SỨC	TỰNG NHƯ	ĐG NHÂN ĐẠI HỮU	VÔ VỌNG D. TRẮNG	ĐỘN ĐẠI SỨC	BÌ THÁI
↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓
I	i	j	k	e	ie	je	ke

ví dụ. (Val) Thiên Trạch Lý = I \diamond i = i , (Val) Trạch Thiên Quái = i \diamond I = i v.v...

SƠ ĐỒ NGŨ NGHĨA MINH TRIẾT

Ý nghĩa sau đây của các quẻ lấy từ Kinh Dịch truyền thống [35] và theo cấu trúc Chân Thiện Mỹ [05] với dấu @.

Phản tham gia của Âm Ngũ nghĩa có hai dạng :

- * Trực tiếp (TT) khi quan hệ giữa hai quẻ 6 hào có dạng quẻ A \diamond quẻ B và quẻ B \diamond quẻ A hay
- * Gián tiếp (GT) khi quan hệ giữa có dạng quẻ A \diamond quẻ B và quẻ C \diamond quẻ D , C khác B và D khác A . Lý do : thoả hiệp (compromis) do ảnh hưởng của thứ tự các quẻ .

Ký hiệu . Trong mỗi ô sau thì

- * Hàng đầu : Tên quẻ,
- * Hàng hai : Cấu trúc Tứ Tương gốc trong cơ chế đồng sinh túc là các cặp hào 1-5 (ký hiệu là A) và 3-6 (ký hiệu là C)
- * Hàng ba : Cấu trúc cặp hào trung 2-5 (ký hiệu là B) .
- * Hàng cuối: Ngũ nghĩa của quẻ ,
- * KDT hay NGT : Không đồng tính hay Nghịch tính , DT : Đồng tính (như trên).

Tuy chung ta đã có phần tích mối quan hệ giữa Duy lý và Mô hình toán học Nghịch tính & Đồng tính & chúng nó không dung ta cần gặp nhau để khai thác về mặt logic

- * Khi ký hiệu dưới đây này KDT hay NGT là đồng nghĩa song song khi kinh dịch
- * Một khía cạnh khác của mối quan hệ Kinh Dịch là khả năng ứng dụng của khía cạnh này là rất lớn sang thế giới thực
- * Càng một nguyên tắc chân thứ ba, là đồng ý với Kinh Dịch từ Trung Quốc, và đương số g điểm lớn là nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc), và đương số g

	DUY LÝ DẤU ÂM TOÀN HỌC		MINH TRIẾT DẤU ÂM NGỮ NGHĨA
THỦY THIÊN NHƯ Ngon và Gốc : Thiếu Dương/ Thiếu Dương Trung : Thái Dương <i>J.Như cầu 2.Tử bi, Bác ái @</i>	<i>Trường hợp 3. Các cấp KDT : A & C Hệ số KDT 5/7</i>	THIÊN THỦY TUNG Ngon và Gốc : Thiếu Âm/ Thiếu Âm Trung : Thái Dương <i>Kiện cáo</i>	<i>Tử bi- Kiện cáo : Nghịch tính TT</i>
HÓA THIÊN DẠI HỮU Ngon và Gốc : Thái Dương / Thái Dương Trung : Thiếu Dương <i>Có nhiều 2 Đại Hữu nghị @</i>	<i>Trường hợp 3. Các cấp DT : A & C Hệ số DT 5/7</i>	THIÊN HÓA ĐỒNG NHÂN Ngon và Gốc : Thái Dương / Thái Dương Trung : Thiếu Âm <i>Nhiều người, cộng đồng</i>	<i>Hữu nghị - Cộng đồng : Đồng tính TT</i>
THIÊN TRẠCH-LÝ Ngon và Gốc : Thiếu Âm/ Thái Dương Trung : Thái Dương <i>Lê phép, Lê</i>	<i>Trường hợp 7. Các cấp DT: A & B Hệ số DT 6/7</i>	TRẠCH THIÊN QUÁI Ngon và Gốc : Thiếu Dương/ Thái Dương Trung : Thái Dương <i>Quá quyết</i>	<i>Lê - Quá quyết (tức là sự ngang ngược của Lê): Đồng tính TT</i>
THIÊN PHONG CẨU Ngon và Gốc : Thái Dương/ Thái Dương Trung : Thiếu Âm <i>Gặp gỡ</i>	<i>Trường hợp 4. Các cấp DT: B & C Hệ số DT 3/7</i>	PHONG THIÊN TIỂU SỨC Ngon và Gốc : Thái Dương / Thái Dương Trung: Thiếu Dương <i>Chùa góp</i>	<i>Gặp gỡ - Chùa góp: Đồng tính TT ?</i>
THIÊN LÔI VÔ VỌNG Ngon và Gốc : Thiếu Âm/ Thái Dương Trung : Thiếu Âm <i>Không cần bấy. Tinh Phat @</i>	<i>Trường hợp 4 Cấp DT : A Hệ số DT 4/7</i>	LÔI THIÊN DẠI TRẮNG Ngon và Gốc : Thiếu Dương/Thái Dương Trung : Thiếu Dương <i>Lớn mạnh. Đại trắng sỉ @</i>	<i>Tinh Phat - Nhân cách Đại Trắng sỉ ; Đồng tính TT</i>
THIÊN SON ĐỘN Ngon và Gốc : Thái Dương/ Thiếu Âm Trung : Thiếu Âm <i>Trốn, Lui</i>	<i>Trường hợp 2 Cấp KDT : A & B Hệ số KDT 6/7</i>	SƠN THIÊN DAI SỨC Ngon và Gốc : Thái Dương/Thiếu Dương Trung : Thiếu Dương <i>Chùa chát</i>	<i>Trốn lui - Chùa chát: Nghịch tính TT</i>
ĐỊA THIÊN THÁI Ngon và Gốc : Thiếu Dương/ Thiếu Dương Trung : Thiếu Dương <i>Hoà bình, hanh thông</i>	<i>Trường hợp 1 Các cấp KDT : A,B,C Hệ số KDT 7/7</i>	THIÊN ĐỊA BÌ Ngon và Gốc : Thiếu Âm/ Thiếu Âm Trung : Thiếu Âm <i>Bế tắc</i>	<i>Hanh thông - Bế tắc : Nghịch tính TT</i>

Tuy chúng ta đã có phân tích mối quan hệ giữa Duy lý và Minh triết trên đây (Nghịch tính & Đồng tính), nhưng nói chung chúng ta còn gặp nhiều khó khăn về mặt logic

* Một mặt do tính chất *nội tại* của vấn đề.

* Mặt khác do tính *tam sao thất bản* khi Kinh Dịch truyền từ nước này sang nước khác, và khi chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác.

* Còn một nguyên nhân thứ ba, là chúng ta lấy Kinh Dịch từ Trung Quốc, và không có gì đảm bảo là nước này - muôn đời thiêng chí - không bày ra hiện tượng *dị bản cố tình*.

HỘ I & - I (CHUNG CHO CÁC HỆ 64 QUẾ ?)

Các trường hợp:
Ngoại quái = I ⇔ Nội quái.

Bất đồng tính Ngọn. Hệ số KDT. 1/7 %
Bất đồng tính Trung. Hệ số KDT. 2/7 %
Bất đồng tính Trung. Hệ số KDT. 4/7 %

gã

TỔNG HỆ SỐ KHÔNG ĐỒNG TÍNH :

1/7 %

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ

TH. KIẾN	TH. DOÀI	TH. CHẨN	TH. LY
Ü	Ü	Ü	Ü
I, -I			

TH. KHÔN	TH. CẨN	TH. TỐN	TH. KHẨM
Ü	Ü	Ü	Ü
-I			

SƠ ĐỒ NGỮ NGHĨA MINH TRIẾT

DUY LÝ DẤU ÂM TOÁN HỌC	MINH TRIẾT DẤU ÂM NGỮ NGHĨA
THUẦN KIẾN Ngọn và Gốc : Thái Dương /Thái Dương. Trung : Thái Dương. Trời	TRƯỜNG HỢP I Các cấp KDT A,B & C Hệ số KDT 7/7 THUẦN KHÔN Ngọn và Gốc : Thái Âm /Thái Âm. Trung : Thái Âm. Đất
THUẦN DOÀI Ngọn và Gốc : Thái Âm /Thái Dương. Trung : Thái Dương. Vui	TRƯỜNG HỢP I Các cấp KDT A,B & C Hệ số KDT 7/7 THUẦN CẨN Ngọn và Gốc : Thái Dương /Thái Âm. Trung : Thái Âm. Ngân chấn
THUẦN LY Ngọn và Gốc : Thái Dương /Thái Dương. Trung : Thái Âm. Lửa . Bão dinh. Ánh sáng	TRƯỜNG HỢP I Các cấp KDT A,B & C Hệ số KDT 7/7 THUẦN KHẨM Ngọn và Gốc : Thái Âm /Thái Âm. Trung : Thái Dương. Nước . Hầu
THUẦN CHẨN Ngọn và Gốc : Thái Âm /Thái Dương. Trung : Thái Âm. Chấn động	TRƯỜNG HỢP I Các cấp KDT A,B & C Hệ số KDT 7/7 THUẦN TỐN Ngọn và Gốc : Thái Dương /Thái Âm. Trung : Thái Dương. Vào. Thuần

HỘ *e* (CHUNG CHO CÁC HỆ 64 QUẾ ?)

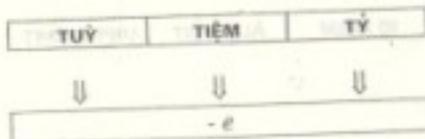
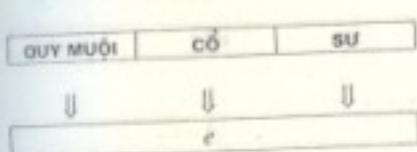
Các trường hợp:

Ngoại quái = *e* ⇔ Nội quái.
 Đồng tính Ngon. Hé số ĐT. 1/7 %
 Bất đồng tính Trung. Hé số KDT. 2/7 %
 Đồng tính Gốc. Hé số ĐT. 4/7 %

TỔNG HỆ SỐ KHÔNG ĐỒNG TÍNH :

27 %

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ



SƠ ĐỒ NGỮ NGHĨA MINH TRIẾT

	DUY LÝ DẤU ÂM TOÁN HỌC		MINH TRIẾT DẤU ÂM NGỮ NGHĨA
LÔI TRẠCH QUY MUỘI Ngon và Gốc : Thái Âm /Thái Dương Trung : Thiếu Dương Cao gai út về nhà chồng	Trường hợp 6. Cấp KDT: B Hé số KDT 2/7	TRẠCH LÔI TÙY (*) Ngon và Gốc : Thái Âm /Thái Dương Trung : Thiếu Âm. Theo	7
SON PHONG CỎ Ngon và Gốc : Thái Dương /Thái Âm Trung : Thiếu Dương Đổ nát . Sửa lại	Trường hợp 6. Cấp KDT: B Hé số KDT 2/7	PHONG SON TIỆM Ngon và Gốc : Thái Dương /Thái Âm Trung : Thiếu Âm. Phát triển. Tiến dần	Đổ nát và Phát triển: Nghịch tính TT
DỊA THỦY SỰ Ngon và Gốc : Thái Âm /Thái Âm Trung : Thiếu Dương Đám đông Có kỷ luật nghiêm minh	Trường hợp 6. Cấp KDT: B Hé số KDT 2/7	THỦY DỊA TÝ Ngon và Gốc : Thái Âm /Thái Âm Trung : Thiếu Âm. Thân gần. Để người ta tự do.	Có kỷ luật và tự do : Nghịch tính TT

847 252

HỌ *Ie* (CHUNG CHO CÁC HỆ QUỐC ?)

Các trường hợp:

Ngoại quái ≈ k ⇔ Nội quái.

Bất đồng tính Ngon. Hệ số KDT 1/7 %
 Đồng tính Trung. Hệ số ĐT 2/7 %
 Bất đồng tính Gốc. Hệ số KDT 4/7 %

TỔNG HỆ SỐ KHÔNG ĐỒNG TÍNH:
 5/7 %

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ

ĐẠI QUÁ	TẦN	ĐI
↓	↓	↓
<i>k</i>		

TRUNG PHU	TIỂU QUÁ	MINH DI
↓	↓	↓
	- <i>k</i>	

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC MINH TRIẾT

	DUY LÝ DẤU ÂM TOÁN HỌC		MINH TRIẾT DẤU ÂM NGỮ NGHĨA
TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ Ngon và Gốc : Thiểu Dương / Thiểu Âm Trung : Thái Dương. Thái quá	Trường hợp 3. Cấp KDT: A & C Hệ số KDT 5/7	PHONG TRẠCH TRUNG PHU Ngon và Gốc : Thiểu Âm / Thiểu Dương Trung : Thái Dương. <i>in trong lòng</i>	?
HÓA ĐIÀ TẦN Ngon và Gốc : Thiểu Âm / Thiểu Âm. Trung - Thiểu Âm Thêm vào, tiến bộ	Trường hợp 3. Cấp KDT: A & C Hệ số KDT 5/7	ĐIÀ HOÀ MINH DI Ngon và Gốc : Thiểu Dương / Thiểu Dương Trung : Thái Âm Tồn tại	Tiến bộ và tồn tại : Nghịch tính TT
SƠN LỘI ĐI Ngon và Gốc : Thiểu Âm / Thiểu Dương Trung : Thái Âm. Nuôi. "Có nuôi rồi mới có việc lên quá" (Phan Bội Châu)	Trường hợp 3. Cấp KDT: A & C Hệ số KDT 5/7	LỘI SƠN TIỂU QUÁ Ngon và Gốc : Thiểu Dương / Thiểu Âm Trung : Thái Âm Nhỏ hơn	Lớn quá và nhỏ hơn : Nghịch tính TT

782/58

Họ *ke* (CHUNG CHO CÁC HỆ 64 QUẾ ?)

Các trường hợp:

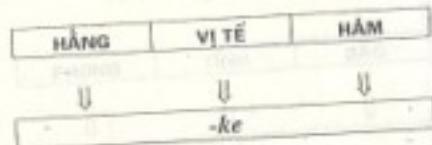
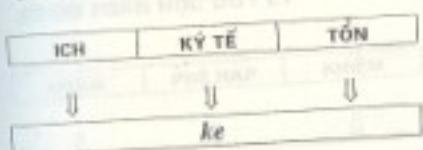
Ngoại quái ≈ *ke* ⇔ Nội quái.

Bất đồng tính Ngọn. Hệ số KDT 1/7 %
 Bất đồng tính Trung. Hệ số KDT 2/7 %
 Bất đồng tính Gốc. Hệ số KDT 4/7 %

— —

TỔNG HỆ SỐ KHÔNG ĐỒNG TÍNH:
 7/7 %

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ



SƠ ĐỒ NGỮ NGHĨA MINH TRIẾT

	DUY LÝ DẤU ÂM TOÁN HỌC		MINH TRIẾT DẤU ÂM NGỮ NGHĨA
THỦY HÒA KÝ TẾ Ngọn và Gốc : Thiểu Dương/Thiểu Âm Trung : Thiểu Âm. Viết đứt xong	Trường hợp I. Cấp KDT: A,B & C Hệ số KDT 1	HÒA THỦY VỊ TẾ Ngọn và Gốc : Thiểu Âm/Thiểu Dương Trung : Thiểu Dương Viết chia xong	Dã xong và chưa xong: Nghịch tính TT
PHONG LỐI ICH Ngọn và Gốc : Thiểu Âm /Thiểu Dương Trung : Thiểu Âm. Thêm vào	Trường hợp I. Cấp KDT: A,B & C Hệ số KDT 1	LỐI PHONG HÀNG. Ngọn và Gốc : Thiểu Dương /Thiểu Âm Trung : Thiểu Dương Không đổi	Thêm vào và không đổi : Nghịch tính TT
SƠN TRẠCH TỐN Ngọn và Gốc : Thiểu Âm /Thiểu Dương Trung : Thiểu Dương. Tốn thất	Trường hợp I. Cấp KDT: A,B & C Hệ số KDT 1	TRẠCH SƠN HÀM Ngoan và Gốc : Thiểu Dương /Thiểu Âm Trung : Thiểu Âm Giao cảm	Sự giao cảm không dẫn đến tồn thất Nghịch tính TT

Giải thích hai quẻ Tốn và Hám nghịch tính nhau như trên đã logic chưa?

788
259

HỘ *i* (CHUNG CHO CÁC HỆ 64 QUỐC ?)

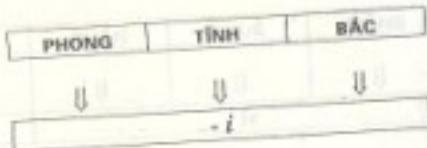
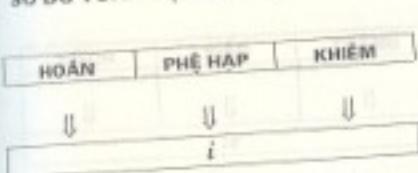
Các trường hợp:

Ngoại quái ≈ *i* ⇒ Nội quái.

Bất đồng tính Ngon: Hé số KDT 1/7 %
 Đồng tính Trung: Hé số ĐT 2/7 %
 Đồng tính Gốc: Hé số ĐT 4/7 %

TỔNG HỆ SỐ KHÔNG ĐỒNG TÍNH:
 1/7 %

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ



SƠ ĐỒ NGỮ NGHĨA MINH TRIẾT

	DUY LÝ DẤU ÂM TOÁN HỌC		MINH TRIẾT DẤU ÂM NGỮ NGHĨA
PHONG THỦY HOÀN Ngon và Gốc: Thiếu Âm /Thái Âm Trung : Thái Dương. Thái Dương.Nghịch tính Lia tan	Trường hợp 7 Cấp KDT: C Hé số KDT 1/7	LÒI HÓA PHONG Ngon và Gốc: Thiếu Dương /Thái Âm Trung : Thái Dương. Lên mạnh	Lia tan và lên mạnh: Nghịch tính GT
HÓA LÒI PHÈ HẠP Ngoan và Gốc: Thiếu Âm /Thái Dương Trung : Thái Âm Hợp lại	Trường hợp 7 Cấp KDT: C Hé số KDT 1/7	THỦY PHONG TÍNH Ngon và Gốc: Thiếu Dương /Thái Dương Trung : Thái Âm. Giêng	?
DỊA SƠN KHIỂM. Ngoan và Gốc: Thiếu Dương /Thái Âm Trung : Thái Âm. Khiêm nhường. Nên bớt chén nhiều, bù chén ít cho quân binh	Trường hợp 7 Cấp KDT: C Hé số KDT 1/7	SƠN DỊA BẮC Ngoan và Gốc: Thiếu Âm /Thái Âm Trung : Thái Âm. Môn hất. Lết bỏ cho tiêu mòn. dẫn đi.	Quân binh và lết bỏ cho tiêu mòn: Nghịch tính TT

50.NQUA-1

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

**MINH TRIẾT &
Duy Lý**

TOM II

Thiên Địa Nhân Hợp Nhất

NHẤT NGUYÊN TỐN TẠI ÂM DƯƠNG &
CÁC NHẤT NGUYÊN DI LẠC



TẬP VI

CON ĐƯỜNG

THẦN MÌNH - TÂM LINH - THẾ GIỚI

**QUÁ KHỨ & TƯƠNG LAI
NHẤT NGUYÊN NHÂN QUẢ**

Hà Nội, 2000 - 2001

604 F43

HỌ ie (CHUNG CHO CÁC HỆ 64 QUẢ ?)

Các trường hợp:

Ngoại quái ≈ ie ⇔ Nội quái.

Bất đồng tính Ngon. Hệ số KDT 1/7 %
 Bất đồng tính Trung. Hệ số KDT 2/7 %
 Đồng tính Gốc. Hệ số DT 4/7 %

TỔNG HỆ SỐ KHÔNG ĐỒNG TÍNH:
 3/7 %

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ

CÁCH	KIỂN	THẮNG		QUÂN	KHUÊ	MỘNG
Ù	Ù	Ù		Ù	Ù	Ù
ie					-ie	

SƠ ĐỒ NGŨ NGHĨA MINH TRIẾT

DUY LÝ DẤU ÂM TOÀN HỌC	MINH TRIẾT DẤU ÂM NGŨ NGHĨA
TRẠCH HÒA CÁCH Ngon và Gốc : Thiếu Dương / Thái Dương Trung : Thiếu Âm Cải cách	HÒA TRẠCH KHUÊ Ngon và Gốc : Thiếu Âm / Thái Dương Trung : Thiếu Dương Ngang trái <i>"Đã" cài cách thì không còn ngang trái Nghịch tính TT ?</i>
THỦY SƠN KIẾN Ngon và Gốc : Thiếu Dương / Thái Âm Trung : Thiếu Âm Tai nạn	SƠN THỦY MỘNG Ngon và Gốc : Thiếu Âm / Thái Âm Trung : Thiếu Dương Còn non
DỊA PHONG THẮNG Ngon và Gốc : Thiếu Dương / Thái Âm Trung : Thiếu Dương Di lén	PHONG DỊA QUÂN Ngon và Gốc : Thiếu Âm / Thái Âm Trung : Thiếu Âm Quân, xem xét

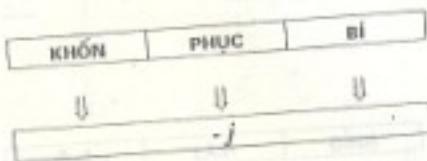
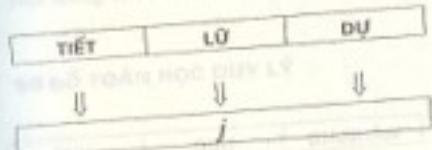
"Đã" cài cách thì không còn ngang trái . Còn nếu "Phải" cài cách thì đồng tính với ngang trái . Logic phần này còn tối !

HỌ (CHUNG CHO CÁC HỆ 64 QUÈ ?)

Các trường hợp:

Ngoại quái = ie ⇔ Nội quái.
Có thay đổi vị trí bài thường, không theo đánh giá trên.

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ



SƠ ĐỒ NGỮ NGHĨA MINH TRIẾT

SƠ ĐỒ NGỮ NGHĨA MINH TRIẾT	DUY LÝ DẤU ÂM TOÁN HỌC		MINH TRIẾT DẤU ÂM NGỮ NGHĨA
THỦY TRẠCH TIẾT * Ngọn và Gốc : Thái Âm/ Thiếu Dương Trung : Thái Dương Hạn chế	Trường hợp 5 Cấp KDT: B & C Hệ số KDT 3/7	SON HÒA BÍ * Ngọn và Gốc : Thái Dương / Thiếu Dương Trung : Thái Âm Trang sức	?
HÒA SON LŨ @ Ngọn và Gốc : Thái Dương/ Thiếu Âm Trung : Thái Âm Di xa nhà	Trường hợp 3 Cấp KDT: A & C Hệ số KDT 5/7	DỊA LÔI PHỤC (+) Ngọn và Gốc : Thái Âm/ Thiếu Dương Trung : Thái Âm Trở về	Di xa và trở về : Nghịch tính GT
LÔI ĐỊA DƯ Ngọn và Gốc : Thái Âm/ Thiếu Âm Trung: Thái Âm Vui	Trường hợp 6 Cấp KDT: B Hệ số KDT 2/7	TRẠCH THỦY KHỐN Ngọn và Gốc : Thái Âm/ Thiếu Âm Trung : Thái Dương Khốn củng	Vui và khốn củng : Nghịch tính GT

* Hòa Son Lũ tương ứng về mặt hình thức với Son Hòa Bí, chứ không phải với Địa Lôi Phục. Nghĩa là, về mặt hình thức toán học thì phải gọi Son Hòa là ... Phục :
 Hòa Son Lũ ⇌ Son Hòa ... Phục.

Nhưng do Địa Lôi (với trở về) có vị trí 24, còn Dao Lão với chữ Tùy thì có vị trí 25. Vậy 24 - Địa Lôi phải có nghĩa là trở về với chính đạo. Và như thế ta có Địa Lôi Phục, chứ không phải là Son Hòa ... Phục !...
 Lôi Địa Dư và Trạch Thủy Khốn cũng lâm vào một tình hình tương tự như thế. Què 47 - Trạch Thủy Khốn đứng trước 48 - Thủ Phong Tinh, với ý nghĩa " Khốn thì ngã xuống chỗ khía thấp là giêng"

HỌ *je* (CHUNG CHO CÁC HỆ 64 QUÈ ?)

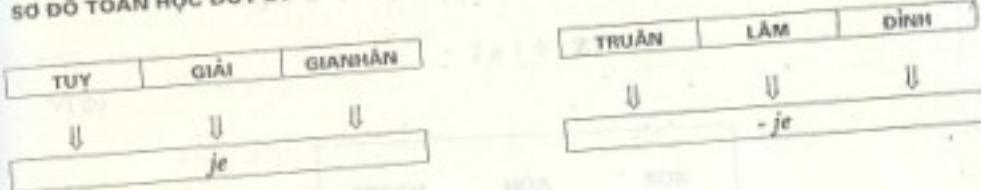
Các trường hợp:
Ngoại quái ≈ *je* ⇔ Nội quái.

Dâng tính Ngọn. Hé số DT 1/7 %
Bất đồng tính Trung. Hé số KDT 2/7 %
Bất đồng tính Gốc. Hé số KDT 4/7 %

TỔNG HỆ SỐ KHÔNG ĐỒNG TÍNH:

6/7 %

SƠ ĐỒ TOÁN HỌC DUY LÝ



SƠ ĐỒ NGỮ NGHĨA MINH TRIẾT

TRẠCH	DUY LÝ DẤU ÂM TOÁN HỌC	MINH TRIẾT DẤU ÂM NGỮ NGHĨA
TRẠCH DỊA TUY Ngọn và Gốc: Thái Âm/ Thiếu Âm Trung: Thiếu Âm. Tụ hợp	Trường hợp 2 Cặp KDT: A & B Hệ số KDT 6/7	ĐỊA TRẠCH LÂM Ngọn và Gốc: Thái Âm/ Thiếu Dương Trung : Thiếu Dương. Tôi
LỘI THỦY GIẢI Ngọn và Gốc: Thái Âm/ Thiếu Âm Trung : Thiếu Dương. Giải phóng	Trường hợp 2 Cặp KDT: A & B Hệ số KDT 6/7	THỦY LỘI TRUÂN Ngọn và Gốc: Thái Âm/ Thiếu Dương Trung : Thiếu Âm. Gian nan ban đầu
PHONG HÒA GIA NHÂN Ngọn và Gốc: Thái Dương/ Thiếu Dương Trung : Thiếu Âm Gia đình	Trường hợp 2 Cặp KDT: A & B Hệ số KDT 6/7	HÒA PHONG ĐINH Ngọn và Gốc: Thái Dương/ Thiếu Âm Trung: Thiếu Dương Cái nẹc. Đinh cao

Như vậy với 32 cặp quẻ thì chúng ta đã cố gắng giải thích dấu Âm Ngữ nghĩa cho một số quẻ, thay cho dấu Âm Toán học, nhưng lại dựa vào ngữ nghĩa truyền thống.
Nhưng ngữ nghĩa truyền thống này đảm bảo được đúng bao nhiêu phần trăm, do thất lạc và dị bản?

KINH DỊCH TỪ TÍNH KHÔNG KẾT HỢP CỦA $(\diamond, \mathbb{Z}) \times (\diamond, \mathbb{Z}) \times (\diamond, \mathbb{Z})$

Dấu trừ còn xuất hiện ở tính chất không kết hợp, như sẽ thấy ngay sau đây.

Để Octonion có thể đi vào Kinh Dịch, cần xét cả tính không kết hợp như sau:
Cứ với một quẻ 6 hào P của Kinh Dịch, ta thêm vào một quẻ 3 hào J trên và dưới như sau:

$$P \in (\diamond, \mathbb{Z}) \times (\diamond, \mathbb{Z}) \Rightarrow$$

$$S = J \diamond P \in (\diamond, \mathbb{Z}) \times [(\diamond, \mathbb{Z}) \times (\diamond, \mathbb{Z})]$$

$$\text{hay } S = P \diamond J \in [(\diamond, \mathbb{Z}) \times (\diamond, \mathbb{Z})] \times (\diamond, \mathbb{Z})$$

$$J \in (\diamond, \mathbb{Z}).$$

Ví dụ

TRẠCH	HÒA	SƠN
-------	-----	-----

TRẠCH	(HÒA	SƠN)
Trạch = i	LÚ	
	Phong = j	

Đại Quá, -k

(TRẠCH	HÒA)	SƠN
CÁCH		
Lái = ie		Sơn = je

Tiểu Quá, -k

LỐI	PHONG	HÒA
-----	-------	-----

LỐI	(PHONG	HÒA)
Lái = ie	GIA NHÃN	
	Sơn = je	

Tiểu Quá, -k

(LỐI	PHONG)	HÒA
HÀNG		
Dịa = -ke		Hòa = e

Mink Di, -k

DUY LÝ VÀ MINH TRIẾT

Dó là cách ghép hai quẻ 3 hào thành một quẻ 6 hào (như Phong Hòa = Gia Nhân), sau đó dùng ký hiệu Octonion của quẻ này (như je) để ghép với ký hiệu của quẻ còn lại (như ie). Ta được một quẻ 9 hào là Lôi Sơn Tiếu Quá k . Nếu đổi cách kết hợp, ta sẽ được quẻ Địa Hoả Minh Dì $-k$. Phương pháp này gọi là *phương pháp ghép*.
Với phương pháp ghép trên, ta *quay lại* tên và nghĩa của 64 quẻ thông thường.

Nhưng nếu không dùng phương pháp ghép trên thì bắt buộc phải đặt tên và nghĩa mới cho các quẻ 9 hào.

Ví dụ

Lôi (Phong Hòa) tên và nghĩa là M,

(Lôi Phong) Hoả tên và nghĩa là N, $N \neq M$.

Tiếp theo, ta có :

(64×8) quẻ 9 hào cho $\{(\diamond, \mathbb{Z}) \times (\diamond, \mathbb{Z})\} \times (\diamond, \mathbb{Z})$

và theo phương pháp này chúng ta dễ tiếp đến một khía cạnh Đây là khía cạnh Octonion, mà trước đây năm 1978 - (64×8) quẻ 9 hào cho $(\diamond, \mathbb{Z}) \times \{(\diamond, \mathbb{Z}) \times (\diamond, \mathbb{Z})\}$, có quan hệ đến khía cạnh Duy và Minh.

Vậy tổng số quẻ 9 hào là $64 \times 16 = 1.024$ quẻ.

Trong khi xét các quẻ 9 hào, cần xem xét các quẻ mang tính luân phiên.
Về quẻ 9 hào, chúng tôi chỉ xin xối vấn đề lên và tạm kết thúc ở đây, với kết luận sau chỉ cho quẻ 6 hào.

KẾT LUẬN

Khía cạnh Octonion này khác với khía cạnh của khía cạnh Duy Lý
Như thế là với sự xuất hiện "dấu âm Duy Lý": $i, -i, k, -k, -, -j, ie, -ie$, v.v chúng ta thấy nói chung có tương ứng nhiều mức độ và hình thức ngữ nghĩa đồng tính hay nghịch tính.
Từ đó, về mặt logic đó chính là khả năng mềm hoặc cứng : Xuất hiện

NHIỀU
Tắc thải - Ngữ nghĩa - Minh Triết khác nhau

với cùng

MỘT
TÍNH CHẤT TOÁN HỌC - Duy Lý NHƯ NHAU

Kinh Dịch là nơi đã thực hiện được lính Đen Nguyên sau:
THỐNG NHẤT DƯỢC HAI MẶT ĐỐI LẬP

DUY LÝ VÀ MINH TRIẾT

VỀ PHÉP σ - BẤT BIỂN, ĐỊNH NGHĨA PHÉP NHÂN \diamond VÀ HỆ HỖN THIỀN

PHÉP σ - BẤT BIỂN CỦA GUDAYDIN VÀ GURSEY

M. Gudaydin và F. Gursey giả sử rằng $\sigma(i) = i = \text{inv}$

và đưa vào các ký hiệu sau

$$a) \sigma(j) = \cos\varphi_1 j + \sin\varphi_1 k,$$

$$b) \sigma(k) = \cos\varphi_1 k + \sin\varphi_1 (-j),$$

$$c) \sigma(ie) = \cos\varphi_2 ie + \sin\varphi_2(-e),$$

$$d) \sigma(-e) = \cos\varphi_2(-e) + \sin\varphi_2(-ie),$$

$$e) \sigma(ke) = \cos[2\pi - (\varphi_1 + \varphi_2)] ke + \sin[2\pi - (\varphi_1 + \varphi_2)] ie,$$

$$f) \sigma(je) = \cos[2\pi - (\varphi_2 + \varphi_3)] je + \sin[2\pi - (\varphi_2 + \varphi_3)] ke,$$

$$\varphi_1 + \varphi_2 + \varphi_3 = 2\pi.$$

Từ đó các tác giả trên thu được

$$A) \sigma(j) \sigma(ie) = \sigma(ke), (j \cdot ie = ke !),$$

$$B) \sigma(i) \sigma(j) = \sigma(k), (ij = k !),$$

$$C) \sigma(ie) \sigma(k) = \sigma(je), (ie \cdot k = je !),$$

$$D) \sigma(i) \sigma(ie) = \sigma(-e), (i \cdot ie = -e !).$$

và

$$\sigma \begin{vmatrix} j \\ k \end{vmatrix} = \begin{vmatrix} \cos\varphi_1 & \sin\varphi_1 \\ -\sin\varphi_1 & \cos\varphi_1 \end{vmatrix} \begin{vmatrix} j \\ k \end{vmatrix}, (j, k) = \text{mặt phẳng inv của } \sigma(i) = i = \text{inv}$$

$$\sigma \begin{vmatrix} ie \\ -e \end{vmatrix} = \begin{vmatrix} \cos\varphi_2 & \sin\varphi_2 \\ -\sin\varphi_2 & \cos\varphi_2 \end{vmatrix} \begin{vmatrix} ie \\ -e \end{vmatrix}, (ie, -e) = \text{mặt phẳng inv của } \sigma(i) = i = \text{inv}$$

$$\sigma \begin{vmatrix} ke \\ je \end{vmatrix} = \begin{vmatrix} \cos\varphi_3 & \sin\varphi_3 \\ -\sin\varphi_3 & \cos\varphi_3 \end{vmatrix} \begin{vmatrix} ke \\ je \end{vmatrix}, (ke, je) = \text{mặt phẳng inv của } \sigma(i) = i = \text{inv}$$

$$\varphi_1 + \varphi_2 + \varphi_3 = 2\pi.$$

Như thế, với một điểm Octonion có định, QUY LUẬT THEO GUDAYDIN VÀ GURSE ta có ba mặt phẳng : $\sigma(m) = m = \text{inv}$ bất biến. au :

$$1). \{x, y\}, x, y = m, 2). \{u, v\}, u, v = m, 3). \{w, z\}, w, z = m.$$

Các phép đẳng cấu này, Gudaydin và Gursey gọi là các *phép đẳng cấu chính tắc*. Có tất cả 7 đẳng cấu chính tắc như thế.

CÁC PHÉP ĐẲNG CẤU CHÍNH TẮC VÀ HỆ HỒN THIÊN

Như sẽ thấy ngay đây, các phép đẳng cấu chính tắc trên - theo công trình chúng tôi - chính là định nghĩa phép nhân Quỷ \diamond .

Mặt khác do trong Kinh Dịch $I =$ Thiên có ý nghĩa riêng cực kỳ đặc biệt của nó, nên về hình thức ta thêm vào sơ đồ của Gursey bất biến sau, với $\varphi_4 = 0$

$$\sigma \left| \begin{array}{c|c} I & \\ \hline i & \end{array} \right| = \left| \begin{array}{cc} \cos \varphi_4 & \sin \varphi_4 \\ -\sin \varphi_4 & \cos \varphi_4 \end{array} \right| \left| \begin{array}{c|c} I & \\ \hline i & \end{array} \right| . \{I, i\} = \text{mặt phẳng inv thứ tư} \text{ của } \sigma(i) = i = \text{inv}$$

Điều rất lý thú là các phép tính trên lại liên quan đến Hệ Hồn Thiên, như sẽ thấy ngay đây. Như thế, có thể nhìn

PHÉP NHÂN QUỶ \diamond LÀ MỘT DẠNG BIỂU HIỆN CỦA PHÉP QUAY GURSEY VÀ NGƯỢC LẠI

Bảng

$\sigma(i) = i$				
CÁC MẶT PHẲNG BẤT BIỂN	$\{I, i\}$	$\{k, j\}$	$\{ke, je\}$	$\{e, ie\}$
CÁC QUỶ TƯƠNG ỨNG	Lý, Quái	Tinh, Hoán	Bắc, Khiêm	Phè Hạp, Phong
CÁC QUỶ HỒN THIÊN	Cần 6, Khôn 6	Chấn 6, Ly 6	Kiên 6, Đoài 6	Tốn 6, Khảm 6

$\sigma(j) = j$				
CÁC MẶT PHẳNG BẤT BIỂN	{ I, j }	{ k, i }	{ ke, ie }	{ e, je }
CÁC QUÈ TƯƠNG ỨNG	Cầu Tiểu Súc	Tiết, Khôn	Phục, Dự	Lữ, Bí
CÁC QUÈ HỎN THIÊN	Kiến 2, Tốn 2	Khâm 2, Đoài 2	Khôn 2, Chấn 2	Ly 2, Cấn 2

$\sigma(k) = k$				
CÁC MẶT PHẳNG BẤT BIỂN	{ I, k }	{ i, j }	{ ie, je }	{ e, ke }
CÁC QUÈ TƯƠNG ỨNG	Tung, Nhô	Dai Quá, Trung Phu	Tiểu Quá, Di	Tần, Minh Di
CÁC QUÈ HỎN THIÊN	Ly 7, Khôn 7	Chấn 7, Cấn 7	Đoài 7, Tốn 7	Kiến 7, Khâm 7

$\sigma(e) = e$				
CÁC MẶT PHẳNG BẤT BIỂN	{ I, e }	{ ie, i }	{ je, j }	{ ke, k }
CÁC QUÈ TƯƠNG ỨNG	Đồng Nhân, Đại Hữu	Quy Muội, Tùy	Cố, Tiệm	Sư, Tỷ
CÁC QUÈ HỎN THIÊN	Ly 8, Kiến 8	Đoài 8, Chấn 8	Tốn 8, Cấn 8	Khâm 8, Khôn 8

$\sigma(ie) = ie$				
CÁC MẶT PHẳNG BẤT BIỂN	{ I, ie }	{ k, ie }	{ j, ke }	{ i, e }
CÁC QUÈ TƯƠNG ỨNG	Võ Vọng, Đại Tráng	Kiến , Mông	Quán, Thăng	Cách , Khuê
CÁC QUÈ HỎN THIÊN	Tốn 5, Khôn 5	Đoài 5, Ly 5	Kiến 5, Chấn 5	Khâm 5, Cấn 5

Vị trí các pháp quan của Quay và Quay là nút bô ta có thể – mực theo gốc quay – xác định được giá trị tương đối của các vị trí.

Ví dụ

A. Trong gruppe

$$\sigma(je) = je$$

CÁC MẶT PHẢNG BẤT BIỂN	$\{I, je\}$	$\{k, ie\}$	$\{i, ke\}$	$\{j, e\}$
CÁC QUÈ TƯƠNG ỨNG	Độn, Đại Súc	Truân, Giải	Tụy, Lâm	Gia Nhân, Đinh
CÁC QUÈ HỒN THIÊN	Kiến 3, Cấn 3	Khâm 3, Chấn 3	Đoài 3, Khôn 3	Tốn 3, Ly 3

$$\sigma(ke) = ke$$

CÁC MẶT PHẢNG BẤT BIỂN	$\{I, ke\}$	$\{j, ie\}$	$\{i, je\}$	$\{k, e\}$
CÁC QUÈ TƯƠNG ỨNG	Bì, Thái	Ich, Hàng	Hàm, Tốn	Ký Tế, Vị Tế
CÁC QUÈ HỒN THIÊN	Kiến 4, Khôn 4	Tốn 4, Chấn 4	Đoài 4, Cấn 4	Khâm 4, Ly 4

CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT CÒN LẠI

CÁC TÍCH VÔ HƯỚNG	$I, I = I$	$I, i = -I$	$j, j = -I$	$k, k = I$
CÁC QUÈ TƯƠNG ỨNG	Thuần Kiến	Thuần Đoài	Thuần Tốn	Thuần Khâm
CÁC QUÈ HỒN THIÊN	Kiến 1	Đoài 1	Tốn 1	Khâm 1
CÁC TÍCH VÔ HƯỚNG	$e, e = -I$	$ie, ie = -I$	$je, je = -I$	$ke, ke = -I$
CÁC QUÈ TƯƠNG ỨNG	Thuần Ly	Thuần Chấn	Thuần Cấn	Thuần Khôn
CÁC QUÈ HỒN THIÊN	Ly 1	Chấn 1	Cấn 1	Khôn 1

Vị trí các phép quay của Gudaylin và Gursey là ở chỗ ta có thể – tuỳ theo gốc quay – xác định được giá trị tương đối của các quẻ Nội hay Ngoại .

Ví dụ.

A. Trong phép quay sau

$$\sigma \begin{vmatrix} ke \\ je \end{vmatrix} = \begin{vmatrix} \cos\varphi & \sin\varphi \\ -\sin\varphi & \cos\varphi \end{vmatrix} \begin{vmatrix} ke \\ je \end{vmatrix}, \quad \{ke, je\} = \text{mặt phẳng inv của } \sigma(i) = i = \text{inv}$$

thì

KẾT HỢP VỚI NGỮ NGHĨA

* Với φ , bé, xấp xỉ bằng 0 , quẻ Khôn ke - đóng vai ngoại quái - sẽ có vị trí tương đối quan trọng hơn quẻ Cấn je - đóng vai nội quái ,

* Còn nếu φ , xấp xỉ bằng $\pi/2$ thì ta có tình hình ngược lại : nội quái Cấn je quan trọng hơn ngoại Khôn ke !

B. Trong phép quay sau

$$\sigma^* \begin{vmatrix} je \\ ke \end{vmatrix} = \begin{vmatrix} \cos\Sigma_3 & \sin\Sigma_3 \\ -\sin\Sigma_3 & \cos\Sigma_3 \end{vmatrix} \begin{vmatrix} ke \\ je \end{vmatrix}, \quad \{je, ke\} = \text{mặt phẳng inv của } \sigma^*(i) = i = \text{inv}$$

thì

* Với Σ_3 , bé, xấp xỉ bằng 0 , quẻ Cấn je - đóng vai ngoại quái - sẽ có vị trí tương đối quan trọng hơn quẻ Khôn ke - đóng vai nội quái ,

* Còn nếu Σ_3 , xấp xỉ bằng $\pi/2$ thì ta có tình hình ngược lại : nội quái Khôn ke quan trọng hơn ngoại quái Cấn je ! quan hệ

Các góc φ , và Σ_3 quan hệ với nhau như thế nào , vấn đề này chưa được nghiên cứu.

Các tình hình trên sẽ kéo theo những

Sắc thái mềm mại khác nhau nào đó' về ý nghĩa của Doài i .

Với các quẻ = Octonion khác ta cũng sẽ có tình hình tương tự như thế.

*

**

706 222

62

PHẦN XV

16

VỀ CẤU TRÚC MINH TRIẾT
- NGỮ NGHĨA
CỦA KINH DỊCH TRUYỀN THỐNG &
DƯƠNG MINH (◊, Z)

MINH TRIẾT TỪ DUY LÝ TRONG KINH DỊCH

767 243

Dù có thể tiếp xúc với khác nhau giữa Kinh Dịch gọi là Kinh Dịch Truyền thống với Kinh Dịch đã được định chính, của nhà Hán là Hán Thái Huyền hay Dương Minh, hoặc sau này là nhà Tống, là nhà Minh, là nhà Lê, là nhà Nguyễn, là nhà Nguyễn Huân Lực, chúng ta đều không thể chối bỏ rằng cách Kinh Dịch Truyền thống vẫn là cách Kinh Dịch Truyền thống.

CHƯƠNG LII

VỀ CẤU TRÚC THỨ TỰ ĐÃ ĐIỀU CHỈNH

KẾT HỢP VỚI NGỮ NGHĨA

- TỨC LÀ TỰ QUÁI TRUYỀN - CỦA HỆ VĂN VƯƠNG

Sự mềm mại của Ngôn ngữ?

ĐẶT VĂN ĐỀ

Trong chương này, chúng ta sẽ xem xét tính liên tục giữa các quẻ liên tiếp nhau của hệ Hậu Thiên thứ hai, vẫn dựa theo ý nghĩa *chính thống* của hệ Văn Vương, mà chúng ta đã phân tích phần nào trong chương trước.

Đây cũng là một phần Minh Triết Đông phương, nghĩa là sắp các quẻ cùng ý nghĩa của chúng để tạo nên một loại chương trình hành động hay chương trình tiến hoá nèo đó, trong đó có Trời, Đất và Cộng đồng cùng tham gia.

Nói chung cơ sở của sự tham gia Thiên Địa Nhân này là chữ Hòa, và từ chữ Hòa đó đã được tạo một hệ Minh Triết dựa trên Nguyên lý Thiên Địa Nhân hợp nhất.

Hệ Minh Triết này cha ông chúng ta gọi là Kinh Dịch.

Văn đề là qua công trình này, chúng ta hãy nghiên cứu các mặt mạnh và yếu của Di sản Minh Triết- Kinh Dịch .

Ký hiệu:

- * NHL (theo sách của Nguyễn Hiến Lê).
- * @ . NHP.

A. CÁCH HIỂU THƯỢNG KINH TRONG KINH DỊCH THÁI ÂM TRUYỀN THỐNG

Để có thể hiểu được sự khác nhau giữa Kinh Dịch gọi là Kinh Dịch Truyền thống với Kinh Dịch đã được định chính, tạm gọi là Kinh Dịch Thái Huyền hay Dương Minh, trước hết tốt nhất là ghi chép lại Tụ Quái truyện của một cuốn sách Kinh Dịch Truyền thống nào đó, của Ông Nguyễn Hiến Lê chẳng hạn. Và sau đó là tiến hành so sánh.

01. QUÈ THUẨN KIỀN. *Trời.*

02. QUÈ THUẨN KHÔN. *Dất.*

NHL. Có Trời có Đất rồi vạn vật tất sinh sôi nảy nở khắp đây, mà lúc sinh sôi đó là lúc khó khăn.

03. QUÈ THỦY LÔI TRUÂN. *Đây và khó khăn.*

NHL. Lúc vạn vật mới sinh là lúc vạn vật còn non yếu, mù mờ.

04. QUÈ SƠN THỦY MỘNG. *Non yếu và mù mờ.*

NHL. Nhỏ thơ thi cần được nuôi bằng thức ăn.

05. QUÈ THỦY THIÊN NHU. *Những thứ cần thiết, thức ăn. Chờ đợi.*

NHL. Vì ăn uống mà người ta sinh ra tranh nhau., rồi kiện nhau.

06. QUÈ THIỀN THỦY TỤNG.

NHL. Kiện tụng là tranh nhau, tranh nhau thì lập phe, có đám đông nổi lên.

07. QUÈ ĐỊA THỦY SỰ. *Đám đông. Quân đội.*

NHL. Trong đám đông người ta gần gũi nhau, liên lạc với nhau.

08. QUÈ THỦY ĐỊA TỶ. *Gần gũi. Liên lạc.*

NHL. Đã nhóm họp, gần gũi nhau thì phải có chỗ nuôi nhau. Lại có nghĩa là chửa.

09. QUÈ PHONG THIÊN TIỂU SỨC. *Nuôi. Chửa. Ngán lại. Kiểm chế.*

NHL. Khi đã nhóm họp thi phải có trật tự , có trên có dưới,không thể hỗn tạp được, nghĩa là phải có lề.

10. QUÈ THIỀN TRẠCH LÝ. *Lẽ.*

NHL. Lẽ có trật tự trên dưới phân minh, như vậy thi yên ổn.

11. QUÈ ĐỊA THIÊN THÀI. Yêu thích. Thông thuận.
NHL. Trong Vũ trụ, không có gì là thông hoài được, hết thông thì tới bế tắc, cung.
12. QUÈ THIÊN ĐỊA BÌ. Bế tắc.
NHL. Không thể bế tắc, cách truyệt nhau mãi được, tất phải có lúc giao thông hoà hợp với nhau.
13. QUÈ THIÊN HOÀ ĐỒNG NHÂN. Cùng chung với người. Đồng tâm với người.
NHL. Đã cộng đồng với mọi người thì mọi người về với mình, mà sở hữu của mình cũng lớn.
14. QUÈ HÒA THIÊN ĐẠI HỮU. Cố kín.
NHL. Đại hữu là thời rất thịnh, không nên để cho quá đà, mà nên nhún nhường.
15. QUÈ ĐỊA SƠN KHIÊM. Khiêm.
NHL. Đã đại hữu mà lại khiêm thi tất nhiên là vui vẻ, sung sướng.
16. QUÈ LÔI ĐỊA DỰ. Vui sướng.
NHL. Vui vẻ thi có nhiều người theo.
17. QUÈ TRẠCH LÔI TÙY. Theo.
NHL. Vui theo thi tất có công việc làm.
18. QUÈ SƠN PHONG CỔ. Đổ thất và công việc. Hết đổ nát thi phải sửa sang lại, thế là có công việc.
NHL. Có công việc rồi mới làm lớn được.
19. QUÈ ĐỊA TRẠCH LÂM. Lớn.
NHL. Vật gì đến lúc lớn mới đáng biểu thị cho người ta thấy.
20. QUÈ PHONG ĐỊA QUẢN, QUAN. Quản là biểu thị cho người ta thấy. Quản là xem xét.
NHL. Tinh lý có chỗ khả quan thi sau mới hợp nhau được. Nhưng muốn cho hợp nhau thi trước hết phải trừ sự ngăn cách đâ.
21. QUÈ HÒA LÔI PHẾ HẠP. Hợp, trừ (sự ngăn cách).
NHL. Dám đồng, hợp lại với nhau thi phải có trật tự, uy nghi, có văn vẻ.
22. QUÈ SƠN HOÀ BÌ. Văn vẻ, nực rõ, sáng của của trang sức.
NHL. Trang điểm, trau dồi đến cực điểm thi mòn hết.
23. QUÈ ĐỊA BẮC. Mòn, bóc, lột bỏ cho tiêu mòn dần đi.
NHL. Trong què bắc hào dương trên cùng quy trở xuống ở dưới cùng (cùng thương phản hại). Đạo tiêu nhân thịnh cực thi phải tiêu, đạo quản tử suy cực thi lại thịnh dần.

24. QUÈ ĐỊA LÔI PHỤC. Trở lại.

NHL. Đã trả lại thiên lý, chính đạo rồi thì không làm cản nữa

25. QUÈ THIÊN LÔI VÔ VỌNG. Vong có nghĩa là cản, bậy

NHL. Minh không cản bậy rồi bản thân mới có thể chưa được nhiều tài

đức, hoài bảo.

26. QUÈ SƠN THIÊN ĐẠI SỨC. Nhóm chửa, nuôi nấng, ngăn lại.

NHL. Có chửa vật lại, rồi mới nuôi được

27. QUÈ SƠN LÔI DI. Nuôi.

NHL. Không nuôi thi không thể động. Có nuôi rồi mới có việc lớn quá (Phan Bội Châu)

28. QUÈ TRẠCH PHONG ĐẠI QUÀ. Quá lớn.

NHL. Lê trói không thể quá được mãi, hễ quá thi sẽ sụp vào chỗ hiểm

29. QUÈ THUẬN KHẨM. Sụp, hầm, hiểm.

NHL. Hết thi phải có chỗ nương tựa, nên sau Khẩm là Li là lẹ. Mà lẹ là phụ thuộc vào, dựa.

30. QUÈ THUẬN LY. Lẹ. Lửa, ánh sáng Mặt Trời.

NHL. Vì vậy thi không mai đầu nên tránh (hợp đồng, biến mèo nhái)

Bây giờ chúng ta chuyển sang phần Kinh Dịch Thái Âm đã được điều chỉnh

Để giải quyết câu hỏi nào tranh chấp nào. Đầu tiên Đầu Khoa Thủ

đã nói: Để giải quyết câu hỏi nào tranh chấp nào là do bài với Phân loại

đó mà. Đầu Khoa Thủ lại giải quyết câu hỏi nào tranh chấp nào là do bài với Phân loại

đó. Đầu Khoa Thủ đã phân chia bài thi thành 10 bài tranh chấp của Trời, Tranh

chấp của Người và tranh chấp của con người. Đầu Khoa Thủ đã

nhận định rằng: "Tranh chấp của trời, thành thạo thi sẽ rất vui vẻ chiến,

tranh chấp của Người, giải quyết bằng cách chờ đợi và chờ đợi

những điều kiện thuận lợi để chờ đợi như

đầu Khoa Thủ phán: "Tranh chấp của trời,

đầu Khoa Thủ nói: "Nhìn người đó, có những điều kiện có thời để chờ đợi như

đầu Khoa Thủ phán:

"Nhưng phải chờ đợi lâu, chờ đợi để chờ đợi như kinh tế quanh lối

nhà Phan và một loạt sự kiện tranh giành đất đai, đất đai và cảnh

giết, anh em đã dùng lối."

B. CÁCH HIỂU KINH DỊCH THÁI ÂM ĐÃ ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH

PHẦN THƯỢNG KINH *Bài học của Nhà Phật*

01. THUẨN KIẾN. Trời. Biểu tượng của Trời nhằm tạo ra phán võ hình của Nhân loại.

02. THUẨN KHÔN. Đất. Biểu tượng của Địa Mẫu nhằm tạo ra phán hùn hình Nhân loại.

NHL& @ Trời và Đất có trước, sau đó vạn vật tất sinh sôi nảy nở đầy khắp, mà lúc sinh sôi ban đầu này là lúc còn mù mờ.

03. MỒNG. Non yếu, mù mờ.

@. Nhân loại còn mù mờ, sơ khai, chưa có đầy đủ phương tiện sống, gặp những khó khăn ban đầu.

04. TRUÂN. Khó khăn ban đầu.

NHL. Vì gặp khó khăn ban đầu nên tranh chấp nhau, kiện cáo nhau

05. TỤNG. Kiện cáo

@. Để giải quyết các kiện cáo, tranh chấp này, Trời cử Đức Quan Thế Âm xuống, Ngài mang tấm lòng Từ bi và tình Bác ái đến với Nhân loại.

06. NHU. Từ bi, Bác ái. Biểu tượng của Đức Quan Thế Âm.

@. Nhân loại đã chấp nhận tấm lòng Từ bi, tình Bác ái của Trời, Phật và đã tạo ra được những cộng đồng đam mê tốt đẹp.

07. SU. Bình mứ, đam mê.

@. Từ các đam mê trên đã hình thành được các bộ tộc, các tổ chức, trong đó người ta thân thiện, gần gũi nhau và tạo nên các hệ thống đơn nhất (Thống nhất) dựa trên các quyền lợi như nhau.

08. TY. Thân gần, tổ chức đơn nhất.

@. Con người đã có những điều kiện tổ chức để gặp gỡ nhau.

09. CẤU. Gặp gỡ.

@. Nhưng gặp gỡ nhau nhiều thì lại dễ va chạm nhau hận về quyền lợi, (Phản Phục) và xuất hiện sự đấu tranh quyết liệt làm nứt vỡ tính đơn nhất, sinh ra đa dạng hóa.

10. QUÀI. *Quyết liệt, nứt vỡ*
②. *Nhưng đấu tranh quyết liệt xong thì lại phải hoà bình với nhau (Phản Phục) để hàn gắn các nứt vỡ, để mọi việc trở nên hanh thông hơn.*
11. THÁI. *Hoà bình, Hanh thông .Biểu tượng của Thượng Đế*
②. *Hoà bình lên cao thì phải gấp bế tắc (Phản Phục).*
12. BÌ. *Bế tắc. Biểu tượng của Cử Tân Đom.*
②. *Sau bế tắc lại là hanh thông và hình thành các cộng đồng- nhân với ý thức rõ hơn, cao hơn (Phản Phục).*
13. ĐÓNG NHÂN. *Cộng đồng*
②. *Nhân cách tối thượng các cộng đồng là Nhân cách Đại Hữu Nghị với chữ Hòa . Đức Di Lạc có sứ mệnh mang nhân cách Đại Hữu Nghị đến với nhân loại.*
14. ĐẠI HỮU. *Đại Hữu Nghị . Biểu tượng của Đức Di Lạc*
②. *Nhân cách tối thượng Đại Hữu Nghị dẫn đến nhân cách Khiêm nhường. Đức Thích Ca có sứ mệnh mang nhân cách Khiêm Nhường đến với nhân loại.*
15. KHIÊM. *Khiêm Nhường. Biểu tượng của Đức Thích Ca*
②. *Khiêm nhường dẫn đến vui vẻ.*
16. DỰ. *Vui vẻ*
②. *Vui vẻ nên tâm hồn được thanh thản , cho phép hướng về Đạo Phật với đặc tính là Vô Vọng (không vọng tưởng).*
17. VÔ VỌNG. *Không vọng tưởng. Dao Phật*
②. *Do Vô vọng nên nhân loại chứa chất nhiều tiềm năng về Tâm linh.*
18. ĐẠI SỨC. *Chứa chất, nuôi nấng, nhiều tiềm năng*
②. *Một cộng đồng nhiều tiềm năng như thế sẽ trở thành một cộng đồng lớn mạnh.*
- 19 LÂM. *Lâm*
②. *Một cộng đồng lớn mạnh theo con đường nhà Phật sẽ lấy quán tưởng làm vũ khí khai phá Vũ trụ.*
- 20 QUÂN. *Quán tưởng*
②. *Với quán tưởng, con người càng hợp nhau lại, phả bỏ các ngăn cách địa phương cục bộ (tiến tới Đại Đồng ?)*
21. PHÊ HẠP. *Hợp, trừ bỏ ngăn cách, cải cách.*
②. *Một cộng đồng đẹp đẽ như thế là cái Trang sức quý nhất mà nhà Phật đã ban cho con người.*

11. BI Trang sức.
①. Nhưng con người không hiểu hết được cái trang sức tinh thần của nhà Phật, mà lại chọn cái trang sức vật chất, làm tinh hình xấu đi.

12. BÁC Mòn hết, sự xấu đi..
②. Khi tinh hình đã xấu đi, thi nhà Phật lại kéo nhân loại lại, cho xuất hiện Đạo Lão, mang tính Tâm linh , xem vật chất là cái không, là cái phù phiếm.

13. PHỤC Quay về . Phản phục .Đạo Lão với Thái Thượng Lão Quân.
③. Song song với Đạo Lão mang tính triết học, nhà Phật tạo Đạo Khổng mang tính xã hội.

14. TÙY Theo .Đạo Khổng với Khổng Tử.
④. Với ba Đạo Phật , Lão, Khổng (Tam Giáo Quy Nguyên) nhân loại được uốn nắn lại, "sửa sang" lại .

15. CÓ Sửa sang lại.
⑤. Tam Giáo Quy Nguyên là liều thuốc sửa sang mà nhà Phật "nuôi" dưỡng nhân loại chúng ta.

16. DÌ Nuôi.
⑥. Kết quả nuôi nấng đó là tạo được cho Nhân loại lòng tin ngay trong Tâm mình vào Cộng đồng và lòng tin vào Trời Đất

17. TRUNG PHU Tin trong lòng.
⑦. Với lòng tin đó, nhân loại có tấm lòng chí thành , biết tự kiểm chế, biết tự him hâm minh để tư giác giữ chữ Hoà và biết hoạt động thuận với Trời Đất.

18. THUẨN KHẨM Hâm , giữ lòng chí thành và lòng quyền.
⑧. Một nhân loại như thế sẽ tạo được cho mình cái nhiệt tâm để Tiến hoá và sẽ tiến tới một nền Văn minh sá - lạn.

19. THUẨN LY Lửa, ánh sáng, văn minh.

THEO NHỮNG THÔNG TIN NHÂN DƯỢC THÌ CÁC ĐÂY KHOẢNG 500.000 NĂM, PHẬT TỔ NHƯ LAI GIÁNG TRẦN, MANG THEO VỊNH DỊCH ĐỂ GIẢO HOÀ NHÂN LOẠI.
PHẢI CHẮNG PHẦN TRÊN ĐÂY CHÍNH LÀ CHƯƠNG TRÌNH GIẢO HOÀ CỦA NHÀ PHẬT ?

Những Bài học gì từ Đạo Phật?

BÀI HỌC VỀ ĐẠO VỚI CÁC THIÊN SỨ

Các Đạo

ĐẠO PHẬT
ĐẠO LÃO
ĐẠO KHỔNG

NHÌ, Trái đất Dương giao cảm với Phép mầu thành vạn vật. Cả vũ trụ chẳng riêng
một số chia con, mà chỉ là nghĩa.

3) HÀNG Lửa đất: Đạo Lão thường ăn ở vòi
nóng. Mọi vật sẽ phát triển dần

ĐỨC QUAN THẾ ÂM
ĐỨC DI LẠC
ĐỨC THÍCH CA

THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN
KHỔNG TÙ

BÀI HỌC VỀ NHÂN VĂN

Chân Thiện Mỹ về chữ Hoà

BÀI HỌC VỀ KHOA HỌC

- * Khoa học Thiên cơ là Thái Át
- * Khoa học về Cấu trúc Cơ thể

BÀI HỌC VỀ CỘI NGUỒN

- * Trời là quê Nơi, cách tiếp cận với Cội nguồn là quán.

BÀI HỌC VỀ NGUYỄN LÝ TỐN TẠI VÀ TIẾN HOÁ

- * Vũ trụ là Một và con đường Tiến hóa theo số 8 với Nguyên lý Phản Phục
(ban đọc tham khảo thêm tác phẩm : NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG .Tích hợp Đa văn Hóa
Đông Tây, cho một chiến lược giáo dục tương lai. Hà Nội, 1997.)

PHẦN HÀ KINH

31. HÂM. Giao cảm.
NHL. Trai gái (Âm Dương) giao cảm nhau thành vợ chồng . Có vợ chồng rồi mới có cha con,vua tối, lê nghĩa.

32. HẰNG. Lâu dài. Đạo vợ chồng ăn ở với nhau lâu dài.
@. Mọi việc sẽ phát triển dần dần, đều đặn, ổn định, theo đạo Khổng.

33. QUY MUỘI. Em gái về nhà chồng.(theo đạo Khổng).
NHL. Quy là về, là tối nay, tối mục đích, đạt kết quả, mà đạt kết quả thi tiến bộ.

34. TIỆM. Tiềm dân, tiềm tiễn, phu triển đều đặn.
Tiềm dân thì sẽ tiềm bộ.

35. TĂN. Tレン tiến bộ.
@. Tiến lên mãi thị tất có lúc bị thương tổn

36. MINH DỊ. Thương tổn ..
NHL. Hết ra ngoài bị thương thì trở về nhà.

37. GIA NHÂN. Gia đình.
NHL. Gia đạo đến lúc cùng thi người trong nhà chia lìa, chồng đối nhau

38. KHUÊ. Chia lìa.Chồng đối nhau..
NHL. Chia lìa, chồng đối nhau thi át sẽ gặp gian nan, hiểm trắc.

39. KIẾN. Gian nan.
NHL. Không thể bị tai nạn mãi được.Thế nào cũng đến lúc giải nạn.

40. GIẢI. Giải.
NHL. Khoan nói thi tất nhiên có điều sơ bộ mà bị thiệt hại

41. TỐN Thiệt hại. Giảm đi..
NHL. Tốn đến cùng rồi thi phải tăng lên

42. ICH Tăng lên.

NHL. Tăng lên đến cùng cực thì e tội lúc tròn đầy, nứt vỡ .Cần tránh , ngăn chặn lại.

43. TIẾU SỨC Nuôi, chua , ngăn lại, kiềm chế.

NHL. Khi đã nhóm họp thì phải có trật tự , có trên có dưới, nghĩa là phải có lề.

44. LÝ. Lẽ.

@. Đã có lẽ thi mọi việc đi lên.

45. THĂNG Di lên ..

@. Tiến lên dần thi chống chát , nghĩa là nhóm họp lại.

46. TUY . Nhóm họp.

@. Nhóm họp, gặp nhau mãi thi sẽ ngày càng lên cao , phải dùng độ nhau, mà sinh ra khốn đốn.

47. KHỐN Khốn đốn.

NHL. Khốn đốn thi phải ngã, ngã xuống nơi thấp nhất.

48. TÌNH Giếng.

NHL. Nước giếng tích trữ lâu ngày, bụi cát và các vật bẩn mỗi ngày một nhiều, nên phải tát hết nước cũ để nước mới chảy vào thay, tức là thay đổi, cải cách, biến cách, cách mạng.

49. CÁCH Cải cách, biến đổi.

NHL. Cách là biến đổi như cải định (cái vạc) , dùng để nấu ăn, biến đổi sống thành đồ chín.

50. ĐÌNH Cái vạc.

NHL. Vạc là đồ dùng quan trọng trong nhà, làm chủ giữ nó, không ai bằng con trai trưởng.

51. THUẦN CHẨN Sấm, trường nam.

NHL. Không thể động mãi được, sẽ tội lúc phải ngưng, như hòn núi đứng yên một chỗ, tức là ngưng lại.

52. THUẦN CẨN Nói.

@. Ngưng mãi thi đến lúc phải rút lui , lánh đi, ngồi lâu phải đứng dậy, già rồi nên về hưu , tức là tránh một cái gỉ đó.

SẮC THÁI MỜ (FUZZY) CỦA TÍNH PHẢN GIAO HOÁN KHI OCTONION ĐI VÀO KINH DỊCH

Sự mềm hoá của dấu Âm

DẶT VĂN ĐẾ

Trong chương này, chúng ta sẽ tìm cách thể hiện tính phản giao hoán của Đại số Octonion khi ứng dụng Đại số này vào Kinh Dịch truyền thống. Chúng ta sẽ thấy rằng dấu âm trong hiện tượng phản giao hoán này sẽ được mềm hoá - tức được Minh triết hoá !

Đây chính là con đường tất yếu khi Duy Lý Tây phương đi vào con đường thống nhất với Minh Triết Đông phương, hay nói cụ thể hơn khi Minh Triết Đông phương dựa vào Duy Lý Tây phương xem là sườn cốt lõi logic cung của mình.

Có hai phần:

- I. Liệt kê lại các ý nghĩa của từng quẻ của Kinh Dịch
- II. Chuyển hệ thống quẻ 6 hào sang hệ thống quẻ 4 hào, tức là từ Đại số Octonion sang Đại số Quaternion, để xác định *sơ bộ sự mềm hoá* các quan hệ giữa các quẻ của Kinh Dịch.

I. NGỮ NGHĨA CỦA CÁC QUẺ THUỘC HỆ VĂN VƯƠNG

Sau đây chúng ta hãy liệt kê ý nghĩa của từng quẻ, theo nhiều tác giả Đông Tây khác nhau, như: Phan Bội Châu, Nguyễn Hiến Lê, Ngô Tất Tố, trong La marche du destin, trong các sách tiếng Anh về Book of Changes.....

Quẻ	Tên	Nghĩa
1. Khôn	Khôn	Đại khôn
2. Cử	Cử	Đại cử
3. Cấn	Cấn	Đại cấn
4. Cửu	Cửu	Đại cửu
5. Cửu	Cửu	Đại cửu
6. Cửu	Cửu	Đại cửu
7. Cửu	Cửu	Đại cửu
8. Cửu	Cửu	Đại cửu
9. Cửu	Cửu	Đại cửu
10. Cửu	Cửu	Đại cửu
11. Cửu	Cửu	Đại cửu
12. Cửu	Cửu	Đại cửu
13. Cửu	Cửu	Đại cửu
14. Cửu	Cửu	Đại cửu
15. Cửu	Cửu	Đại cửu
16. Cửu	Cửu	Đại cửu
17. Cửu	Cửu	Đại cửu
18. Cửu	Cửu	Đại cửu
19. Cửu	Cửu	Đại cửu
20. Cửu	Cửu	Đại cửu
21. Cửu	Cửu	Đại cửu
22. Cửu	Cửu	Đại cửu
23. Cửu	Cửu	Đại cửu
24. Cửu	Cửu	Đại cửu
25. Cửu	Cửu	Đại cửu
26. Cửu	Cửu	Đại cửu
27. Cửu	Cửu	Đại cửu
28. Cửu	Cửu	Đại cửu
29. Cửu	Cửu	Đại cửu
30. Cửu	Cửu	Đại cửu
31. Cửu	Cửu	Đại cửu
32. Cửu	Cửu	Đại cửu
33. Cửu	Cửu	Đại cửu
34. Cửu	Cửu	Đại cửu
35. Cửu	Cửu	Đại cửu
36. Cửu	Cửu	Đại cửu
37. Cửu	Cửu	Đại cửu
38. Cửu	Cửu	Đại cửu
39. Cửu	Cửu	Đại cửu
40. Cửu	Cửu	Đại cửu
41. Cửu	Cửu	Đại cửu
42. Cửu	Cửu	Đại cửu
43. Cửu	Cửu	Đại cửu
44. Cửu	Cửu	Đại cửu
45. Cửu	Cửu	Đại cửu
46. Cửu	Cửu	Đại cửu
47. Cửu	Cửu	Đại cửu
48. Cửu	Cửu	Đại cửu
49. Cửu	Cửu	Đại cửu
50. Cửu	Cửu	Đại cửu
51. Cửu	Cửu	Đại cửu
52. Cửu	Cửu	Đại cửu
53. Cửu	Cửu	Đại cửu
54. Cửu	Cửu	Đại cửu
55. Cửu	Cửu	Đại cửu
56. Cửu	Cửu	Đại cửu
57. Cửu	Cửu	Đại cửu
58. Cửu	Cửu	Đại cửu
59. Cửu	Cửu	Đại cửu
60. Cửu	Cửu	Đại cửu
61. Cửu	Cửu	Đại cửu
62. Cửu	Cửu	Đại cửu
63. Cửu	Cửu	Đại cửu
64. Cửu	Cửu	Đại cửu
65. Cửu	Cửu	Đại cửu
66. Cửu	Cửu	Đại cửu
67. Cửu	Cửu	Đại cửu
68. Cửu	Cửu	Đại cửu
69. Cửu	Cửu	Đại cửu
70. Cửu	Cửu	Đại cửu
71. Cửu	Cửu	Đại cửu
72. Cửu	Cửu	Đại cửu
73. Cửu	Cửu	Đại cửu
74. Cửu	Cửu	Đại cửu
75. Cửu	Cửu	Đại cửu
76. Cửu	Cửu	Đại cửu
77. Cửu	Cửu	Đại cửu
78. Cửu	Cửu	Đại cửu
79. Cửu	Cửu	Đại cửu
80. Cửu	Cửu	Đại cửu
81. Cửu	Cửu	Đại cửu
82. Cửu	Cửu	Đại cửu
83. Cửu	Cửu	Đại cửu
84. Cửu	Cửu	Đại cửu
85. Cửu	Cửu	Đại cửu
86. Cửu	Cửu	Đại cửu
87. Cửu	Cửu	Đại cửu
88. Cửu	Cửu	Đại cửu
89. Cửu	Cửu	Đại cửu
90. Cửu	Cửu	Đại cửu
91. Cửu	Cửu	Đại cửu
92. Cửu	Cửu	Đại cửu
93. Cửu	Cửu	Đại cửu
94. Cửu	Cửu	Đại cửu
95. Cửu	Cửu	Đại cửu
96. Cửu	Cửu	Đại cửu
97. Cửu	Cửu	Đại cửu
98. Cửu	Cửu	Đại cửu
99. Cửu	Cửu	Đại cửu
100. Cửu	Cửu	Đại cửu
101. Cửu	Cửu	Đại cửu
102. Cửu	Cửu	Đại cửu
103. Cửu	Cửu	Đại cửu
104. Cửu	Cửu	Đại cửu
105. Cửu	Cửu	Đại cửu
106. Cửu	Cửu	Đại cửu
107. Cửu	Cửu	Đại cửu
108. Cửu	Cửu	Đại cửu
109. Cửu	Cửu	Đại cửu
110. Cửu	Cửu	Đại cửu
111. Cửu	Cửu	Đại cửu
112. Cửu	Cửu	Đại cửu
113. Cửu	Cửu	Đại cửu
114. Cửu	Cửu	Đại cửu
115. Cửu	Cửu	Đại cửu
116. Cửu	Cửu	Đại cửu
117. Cửu	Cửu	Đại cửu
118. Cửu	Cửu	Đại cửu
119. Cửu	Cửu	Đại cửu
120. Cửu	Cửu	Đại cửu
121. Cửu	Cửu	Đại cửu
122. Cửu	Cửu	Đại cửu
123. Cửu	Cửu	Đại cửu
124. Cửu	Cửu	Đại cửu
125. Cửu	Cửu	Đại cửu
126. Cửu	Cửu	Đại cửu
127. Cửu	Cửu	Đại cửu
128. Cửu	Cửu	Đại cửu
129. Cửu	Cửu	Đại cửu
130. Cửu	Cửu	Đại cửu
131. Cửu	Cửu	Đại cửu
132. Cửu	Cửu	Đại cửu
133. Cửu	Cửu	Đại cửu
134. Cửu	Cửu	Đại cửu
135. Cửu	Cửu	Đại cửu
136. Cửu	Cửu	Đại cửu
137. Cửu	Cửu	Đại cửu
138. Cửu	Cửu	Đại cửu
139. Cửu	Cửu	Đại cửu
140. Cửu	Cửu	Đại cửu
141. Cửu	Cửu	Đại cửu
142. Cửu	Cửu	Đại cửu
143. Cửu	Cửu	Đại cửu
144. Cửu	Cửu	Đại cửu
145. Cửu	Cửu	Đại cửu
146. Cửu	Cửu	Đại cửu
147. Cửu	Cửu	Đại cửu
148. Cửu	Cửu	Đại cửu
149. Cửu	Cửu	Đại cửu
150. Cửu	Cửu	Đại cửu
151. Cửu	Cửu	Đại cửu
152. Cửu	Cửu	Đại cửu
153. Cửu	Cửu	Đại cửu
154. Cửu	Cửu	Đại cửu
155. Cửu	Cửu	Đại cửu
156. Cửu	Cửu	Đại cửu
157. Cửu	Cửu	Đại cửu
158. Cửu	Cửu	Đại cửu
159. Cửu	Cửu	Đại cửu
160. Cửu	Cửu	Đại cửu
161. Cửu	Cửu	Đại cửu
162. Cửu	Cửu	Đại cửu
163. Cửu	Cửu	Đại cửu
164. Cửu	Cửu	Đại cửu
165. Cửu	Cửu	Đại cửu
166. Cửu	Cửu	Đại cửu
167. Cửu	Cửu	Đại cửu
168. Cửu	Cửu	Đại cửu
169. Cửu	Cửu	Đại cửu
170. Cửu	Cửu	Đại cửu
171. Cửu	Cửu	Đại cửu
172. Cửu	Cửu	Đại cửu
173. Cửu	Cửu	Đại cửu
174. Cửu	Cửu	Đại cửu
175. Cửu	Cửu	Đại cửu
176. Cửu	Cửu	Đại cửu
177. Cửu	Cửu	Đại cửu
178. Cửu	Cửu	Đại cửu
179. Cửu	Cửu	Đại cửu
180. Cửu	Cửu	Đại cửu
181. Cửu	Cửu	Đại cửu
182. Cửu	Cửu	Đại cửu
183. Cửu	Cửu	Đại cửu
184. Cửu	Cửu	Đại cửu
185. Cửu	Cửu	Đại cửu
186. Cửu	Cửu	Đại cửu
187. Cửu	Cửu	Đại cửu
188. Cửu	Cửu	Đại cửu
189. Cửu	Cửu	Đại cửu
190. Cửu	Cửu	Đại cửu
191. Cửu	Cửu	Đại cửu
192. Cửu	Cửu	Đại cửu
193. Cửu	Cửu	Đại cửu
194. Cửu	Cửu	Đại cửu
195. Cửu	Cửu	Đại cửu
196. Cửu	Cửu	Đại cửu
197. Cửu	Cửu	Đại cửu
198. Cửu	Cửu	Đại cửu
199. Cửu	Cửu	Đại cửu
200. Cửu	Cửu	Đại cửu
201. Cửu	Cửu	Đại cửu
202. Cửu	Cửu	Đại cửu
203. Cửu	Cửu	Đại cửu
204. Cửu	Cửu	Đại cửu
205. Cửu	Cửu	Đại cửu
206. Cửu	Cửu	Đại cửu
207. Cửu	Cửu	Đại cửu
208. Cửu	Cửu	Đại cửu
209. Cửu	Cửu	Đại cửu
210. Cửu	Cửu	Đại cửu
211. Cửu	Cửu	Đại cửu
212. Cửu	Cửu	Đại cửu
213. Cửu	Cửu	Đại cửu
214. Cửu	Cửu	Đại cửu
215. Cửu	Cửu	Đại cửu
216. Cửu	Cửu	Đại cửu
217. Cửu	Cửu	Đại cửu
218. Cửu	Cửu	Đại cửu
219. Cửu	Cửu	Đại cửu
220. Cửu	Cửu	Đại cửu
221. Cửu	Cửu	Đại cửu
222. Cửu	Cửu	Đại cửu
223. Cửu	Cửu	Đại cửu
224. Cửu	Cửu	Đại cửu
225. Cửu	Cửu	Đại cửu
226. Cửu	Cửu	Đại cửu
227. Cửu	Cửu	Đại cửu
228. Cửu	Cửu	Đại cửu
229. Cửu	Cửu	Đại cửu
230. Cửu	Cửu	Đại cửu
231. Cửu	Cửu	Đại cửu
232. Cửu	Cửu	Đại cửu
233. Cửu	Cửu	Đại cửu
234. Cửu	Cửu	Đại cửu
235. Cửu	Cửu	Đại cửu
236. Cửu	Cửu	Đại cửu
237. Cửu	Cửu	Đại cửu
238. Cửu	Cửu	Đại cửu
239. Cửu	Cửu	Đại cửu
240. Cửu	Cửu	Đại cửu
241. Cửu	Cửu	Đại cửu
242. Cửu	Cửu	Đại cửu
243. Cửu	Cửu	Đại cửu
244. Cửu	Cửu	Đại cửu
245. Cửu	Cửu	Đại cửu
246. Cửu	Cửu	Đại cửu
247. Cửu	Cửu	Đại cửu
248. Cửu	Cửu	Đại cửu
249. Cửu	Cửu	Đại cửu
250. Cửu	Cửu	Đại cửu
251. Cửu	Cửu	Đại cửu
252. Cửu	Cửu	Đại cửu
253. Cửu	Cửu	Đại cửu
254. Cửu	Cửu	Đại cửu
255. Cửu	Cửu	Đại cửu
256. Cửu	Cửu	Đại cửu
257. Cửu	Cửu	Đại cửu
258. Cửu	Cửu	Đại cửu
259. Cửu	Cửu	Đại cửu
260. Cửu	Cửu	Đại cửu
261. Cửu	Cửu	Đại cửu
262. Cửu	Cửu	Đại cửu
263. Cửu	Cửu	Đại cửu
264. Cửu	Cửu	Đại cửu
265. Cửu	Cửu	Đại cửu
266. Cửu	Cửu	Đại cửu
267. Cửu	Cửu	Đại cửu
268. Cửu	Cửu	Đại cửu
269. Cửu	Cửu	Đại cửu
270. Cửu	Cửu	Đại cửu
271. Cửu	Cửu	Đại cửu
272. Cửu	Cửu	Đại cửu
273. Cửu	Cửu	Đại cửu
274. Cửu	Cửu	Đại cửu
275. Cửu	Cửu	Đại cửu
276. Cửu	Cửu	Đại cửu
277. Cửu	Cửu	Đại cửu
278. Cửu	Cửu	Đại cửu
279. Cửu	Cửu	Đại cửu
280. Cửu	Cửu	Đại cửu
281. Cửu	Cửu	Đại cửu
282. Cửu	Cửu	Đại cửu
283. Cửu	Cửu	Đại cửu
284. Cửu	Cửu	Đại cửu
285. Cửu	Cửu	Đại cửu
286. Cửu	Cửu	Đại cửu
287. Cửu	Cửu	Đại cửu
288. Cửu	Cửu	Đại cửu
289. Cửu	Cửu	Đại cửu
290. Cửu	Cửu	Đại cửu
291. Cửu	Cửu	Đại cửu
292. Cửu	Cửu	Đại cửu
293. Cửu	Cửu	Đại cửu
294. Cửu	Cửu	Đại cửu
295. Cửu	Cửu	Đại cửu
296. Cửu	Cửu	Đại cửu
297. Cửu	Cửu	Đại cửu
298. Cửu	Cửu	Đại cửu
299. Cửu	Cửu	Đại cửu
300. Cửu	Cửu	Đại cửu
301. Cửu	Cửu	Đại cửu
302. Cửu	Cửu	Đại cửu
303. Cửu	Cửu	Đại cửu
304. Cửu	Cửu	Đại cửu
305. Cửu	Cửu	Đại cửu
306. Cửu	Cửu	Đại cửu
307. Cửu	Cửu	Đại cửu
308. Cửu	Cửu	Đại cửu
309. Cửu	Cửu	Đại cửu
310. Cửu	Cửu	Đại cửu
311. Cửu	Cửu	Đại cửu
312. Cửu	Cửu	Đại cửu
313. Cửu	Cửu	Đại cửu
314. Cửu	Cửu	Đại cửu
315. Cửu	Cửu	Đại cửu
316. Cửu	Cửu	Đại cửu
317. Cửu	Cửu	Đại cửu
318. Cửu	Cửu	Đại cửu
319. Cửu	Cửu	Đại cửu
320. Cửu	Cửu	Đại cửu
321. Cửu	Cửu	Đại cửu
322. Cửu	Cửu	Đại cửu
323. Cửu	Cửu	Đại cửu
324. Cửu	Cửu	Đại cửu

55. PHONG. Thịnh lâm.

NHL. Thịnh cùng cực thi phải suy, đến nỗi mất chỗ ở, phải dì dậu đất
khác, tha phương.

56. LŨ. Rỗ nhà đi tha phương.

NHL. Lâm vào cảnh ở quê người, thi thái độ nên thuận tòng người.

57. THUẦN TỐN Thuận, nhảy vào.

NHL. Hết nhảy vào được lòng nhau, hiểu lòng nhau, thi mới ưu nhau mà
hoà duyệt, vui vẻ với nhau.

58. THUẦN ĐOÀI Hòa duyệt. Châm.

NHL. Hòa đến cực điểm rồi sẽ ly tán.

59. HOẢN. Ly tán.Tan tác.

NHL. Không thể để cho ly tán mãi đùi, tất phải chặn lại, tiết chế lại.

60. TIẾT Tiết chế.

@ Biết tiết chế, từ đó biết sẽ biết chọn việc hợp tài đức của mình.

61. TIỂU QUÀ. Lỗi. Biết ra ngoài mức vita phải. Quá là hơn, tài đức có chỗ nào hơn
người trong một việc gì thì nên làm việc ấy.

@ Sẽ có ưu thế lớn.

62. ĐẠI QUÀ. Có ưu thế lớn, có thế lực lớn

@ Việc sẽ thành.

63. KÝ TẾ. Đã vượt qua, đã nên, đã thành.

NHL. Đã qua sông rồi, xong rồi, cũng rồi, nhưng theo luật thiên
nhiên, không có lẽ nào hết hẳn được, hết mùa này đến mùa khác, hết thời
này đến thời khác, sinh sinh hoả hoả hoài, cứ biến dịch vô cùng, cho nên
tuy xong rồi nhưng vẫn chưa hết.

64. VI TẾ Chuỗi hết.

@ Cần có một Hệ Hậu thiên khác cho Kỷ Nguyên sau là Kỷ Nguyên Dương
Minh

PHẦN THƯƠNG KHAI

Hồi hắc của Văn Phết

CHƯƠNG LIII

VỀ CẤU TRÚC THỨ TỰ ĐÃ ĐIỀU CHỈNH

KẾT HỢP VỚI NGỮ NGHĨA

CỦA HỆ HẬU THIÊN THỨ HAI

Sự mềm mại của sự Tiến hóa?

ĐẶT VĂN ĐẾ

Trong chương này, chúng ta sẽ xem xét tính liên tục giữa các quẻ liên tiếp nhau của hệ Hậu thiên thứ hai Văn Vương.

Ký hiệu:

- * NHL (theo sách của Nguyễn Hiển Lê).
- * @, NHP.

PHẦN THƯỢNG KINH

Bài học của Nhà Phật

01. THUẨN KIẾN. Trời. Biểu tượng của Trời nhằm tạo ra Nhân loại.
02. THUẨN KHÔN. Đất. Biểu tượng của Địa Mẫu nhằm tạo ra Nhân loại.
- NHL. Trời và Đất có trước, sau đó vạn vật tất sinh sôi này nở đầy khắp, mà lúc sinh sôi ban đầu này là lúc khó khăn.
03. MỘNG. Non yếu, mù mờ.
- @. Nhân loại còn sơ khai, chưa có ý thức đầy đủ, chưa có đầy đủ phuơng tiện sống gấp nhiều khó khăn ban đầu.
04. TRUÂN. Khó khăn ban đầu.
- NHL. Vì gấp khó khăn ban đầu nên tranh chấp kiện cáo nhau.
05. TỤNG. Kiện cáo
- @. Để giải quyết các kiện cáo, tranh chấp này, Trời cử Đức Quan Thế Âm xuống, Ngài mang tấm lòng Từ bi và tình Bác ái đến với Nhân loại.
06. NHU. Từ bi, Bác ái.. Biểu tượng của Đức Quan Thế Âm.
- @. Nhân loại đã chấp nhận tấm lòng Từ bi, tình Bác ái của Trời, Phật và đã tạo ra được những cộng đồng tốt đẹp. Nhân loại thờ Đức Phật Bà.
07. ĐÓNG NHÂN. Cộng đồng.
- @. Nhân cách tối thượng các cộng đồng là Nhân cách Đại Hữu Nghị với chữ Hỏa. Đức Di Lực có sứ mệnh mang nhân cách Đại Hữu Nghị đến với nhân loại.
08. DAIHỮU. Đại Hữu Nghị. Biểu tượng của Đức Di Lực
- @. Nhân cách tối thượng Đại Hữu Nghị dẫn đến nhân cách Khiêm nhường. Đức Thích Ca có sứ mệnh mang nhân cách Khiêm Nhường đến với nhân loại.
09. KHIÊM. Khiêm Nhường. Biểu tượng của Đức Thích Ca
- @. Khiêm nhường dẫn đến vui vẻ.
10. VỰ. Vui vẻ
- @. Vui vẻ nên tâm hồn thanh thản, hướng về Đạo Phật với đặc tính là Vô Vọng (không vọng tưởng).
11. VÔ VỌNG. Không rong ruổi
- @. Do Vô vọng nên nhân loại chứa chất nhiều tiềm năng về Tâm linh.

12. ĐẠI SỨC. *Chân chất.Nhiều tiềm năng.*
④. Một cộng đồng hiểu tiềm năng sẽ trở thành một cộng đồng lớn mạnh.
13. LÂM. *Lâm*
④. Một cộng đồng lớn mạnh theo con đường nhà Phật sẽ lấy quán tướng làm vũ khí khai phá Vũ trụ.
14. QUÂN. *Quán tướng*
④. Với quán tướng, con người càng hợp nhau lại, phá bỏ các ngăn cách (tiến tới Phật Đại Đồng). Ưu nhược lại vẫn bế tắc do chưa hoàn thiện
15. BÌ. *Bế tắc*
④. Sau bế tắc lại là hanh thông và hình thành các cộng đồng với ý thức rõ hơn, cao hơn.
16. THÁI. *Hoà bình, Hanh thông*
④. Hoà bình lên cao thì có nhiều tổ chức (dám đồng) thích hợp.
17. SU. *Binh mã, dám đồng.*
④. Với dám đồng đã tạo được các bộ tộc, các tổ chức, trong đó người ta thân gần nhau, tạo nên các hệ thống đơn nhất do quyền lợi như nhau
18. TỶ. *Thân gần, tổ chức đơn nhất.*
④. Con người có điều kiện tổ chức để gặp gỡ nhau.
19. CẤU. *Gặp gỡ.*
④. Gặp gỡ nhau nhiều thì quyền lợi dễ va chạm nhau hơn, và xuất hiện sự đấu tranh quyết liệt làm nứt vỡ tinh thần đơn nhất, sinh ra đa dạng hoá.
20. QUẬT. *Quyết liệt, nứt vỡ*
④. Đầu tranh quyết liệt xong thì lại phải hoà bình với nhau để hàn gắn các nứt vỡ, để mọi việc trở nên hanh thông hơn.
21. PHỆ HẠP. *Hợp, từ sự ngăn cách, cải cách.*
④. Một cộng đồng đẹp đẽ là cái Trang sức quý nhất mà nhà Phật đã ban cho con người.
22. BÌ. *Trang sức.*
④. Nhưng con người không hiểu được cái trang sức tinh thần của nhà Phật, mà lại chọn cái trang sức vật chất, làm tinh hinh xấu đi. Trò phải tạo ra đạo Khổng với chữ Tùy để giáo huấn Nhân loại.
23. TUÝ. *Đạo Khổng.*
④. Với ba Dao - Tam Giáo Quy Nguyên - nhân loại được uốn nắn lại, "sửa sang" lại.
24. CỐ. *Sửa sang lại.*
④. Sửa sang lại để tránh các vết rạn nứt, ngăn ngừa cái mòn, xấu.

8/11 388

25. BẮC. Mòn hết, sự xấu dí.

④ Và khi tinh hình trở nên xấu dí, thì nhà Phật lại kéo Nhân loại lại, đưa ra Đạo Lão với chữ Phục, xem vật chất là cái hư không.

26. PHỤC. Quay về, Đạo Lão và hướng Tam Giáo Quy Nguyên.

④ Song song với Đạo Lão mang tính triết học, Đạo Phật mang tính Tâm linh, Đạo Khổng mang tính xã hội, đã dần dần hình thành hệ thống Tam Giáo Quy Nguyên để hướng con đường đi cho nhân loại. Đó là những gì Trời đã tìm cách nuôi chúng ta.

27. ĐI Nuôi.

④ Kết quả nuôi nấng đó là tạo nên cho Nhân loại lòng tin vào Trời Đất

28. TRUNG PHU Tin trong Rồng.

④ Với lòng tin đó, nhân loại có tấm lòng chí thành, biết tự kiềm chế, biết kìm hãm mình để giữ chữ Hoà và hoạt động thuận với Trời Đất.

29. THUẦN KHẨM Hỗn, nén giữ lòng chí thành và biết tòng quyển.

④ Một nhân loại chí thành và biết tòng quyển (của Trời Đất) như thế sẽ tạo cho mình ánh sáng để Tiến hoá và sẽ có một nền Văn minh sáng lạn..

30. THUẦN LY Lửa, ánh sáng, văn minh.

NHÌN... Tiếp theo tôi sẽ kể lùi về khía cạnh Phản phản

31. THUẦN GIÁO TƯƠNG ẢO

NHÌN... Khi người bị thương thì mỉm cười

32. THUẦN GIÁO TƯƠNG ẢO

NHÌN... Khi đau đớn hao hao, mà người trong chùa chưa kịp chia sẻ.

33. THUẦN GIÁO TƯƠNG ẢO

NHÌN... Chùa là Chỗ linh thiêng nhất của con người, là nơi

34. THUẦN GIÁO TƯƠNG ẢO

NHÌN... Không thể là tại ngay miệt vườn Thủ Nghiêm cũng đến lui giờ nay

35. THUẦN GIÁO TƯƠNG ẢO

NHÌN... Khi em tôi lần đầu tiên đến chùa và bị bắt thuật bài

36. THUẦN GIÁO TƯƠNG ẢO

NHÌN... Tán đài tung vòi pháo tăng lên (Phản phản)

SN2 788

30. KÌM TẮNG KHÓ.

NHL. Trong khu đèn công việc thi quanh hố sâu dày, một vòi nước trào ra, người chèo đò, kiếm chỗ (Phản phục).

PHẦN HÀ KINH

Bài học của Nhà Phật

31. HẰM. Giao cảm. Trai gái (Âm Dương) giao cảm nhau.

32. HẰNG. Lâu dài. Dao vợ chồng ăn ở với nhau lâu dài.

②. Không thể kéo lâu dài được. Cản thoái lui (Phản phục).

33. ĐỘN. Rút lui., tránh tránh đi..

NHL. Hết thời lui thì lại phải tiến dần (Phản phục), tiến lên thì lớn mạnh.

34. ĐẠI TRẮNG. Lớn mạnh.

②. Lớn mạnh là trắng thịnh. Cần tiến lên.

35. TẤN. Tiến dần dần.

NHL. Tiến lên thi tất có lúc bị thương tổn (Phản phục)

36. MINH DI. Thương tổn ..

NHL. Hết thời lui thì để mức độ thay đổi thay, đổi là thay.

NHL. Hết ra ngoài bị thương thì trở về nhà.

37. GIA NHÂN. Gia đình. Biểu tượng của Cửu Thiên Huyền nữ. Gia đạo.

NHL. Gia đạo đến lúc cùng thi người trong nhà chia lìa, chống đối nhau.

38. KHUÊ. Chia lìa.Chống đối nhau..

NHL. Chia lìa, chống đối nhau thi át sẽ gặp gian nan, hiểm trở.

39 KIỀN . Giải,nan

NHL. Không thể bị tai nạn mãi được.Thế nào cũng đến lúc giải nạn (Phản phục).

40. GIẢI . Giải.

NHL. Khoan nói thi tất nhiên có điều sơ ý mà bị thiệt hại.

41. TỐN Thiệt hại. Giảm đi..

NHL. Tốn đến cùng rồi thi phải tăng lên (Phản phục).

NHL. Khi cùng với thi phục vụ, đầu với mìn của A, phải đòn đòn đánh, tha phượng (Phản phục)

883 789

42. **ICH** *Tăng lên.*

NHL. *Tăng lên đến cùng cực thì e tối lòi trán đầy, nứt vỡ. Cần tránh , ngăn chặn lại, kiềm chế (Phản phục).*

43. **TIỄU SỨC** *Nuôi, chửa, ngăn lại, kiềm chế, nhóm ..*

NHL. Khi đã nhóm họp thì phải có trật tự, có trên có dưới, nghĩa là phải có lẽ.

44. **LÝ**, **LẼ**.

@. *Đã có lẽ thi mọi việc đi lên.*

45. **THẮNG** *Di lên ..*

@.-*Tiến lên dần thi có hiện tượng chống chất, và phải nhóm họp lại.*

46. **TUY**. *Nhóm họp.*

@. *Nhóm họp, gặp nhau mãi thi sẽ ngày càng lên cao , phải dung độ nhau, mà sinh ra khốn đốn (Phản phục).*

47. **KHỐN** *Khốn đốn.*

NHL. *Khốn đốn thi phải ngã, ngã xuống nơi thấp nhất.*

48. **TĨNH** , *Giếng.*

NHL. *Nước giếng tích trữ lâu ngày, bụi cát và các vật bẩn mồi ngày một nhiều, nên phải tát hết nước cũ để nước mới chảy vào thay, tức là thay đổi, cải cách, biến cách, cách mạng.*

49. **CÁCH** .*Cải cách, biến đổi.*

NHL. *Cải cách là biến đổi như cải định (cai vạc), dùng để nấu ăn, biến đổi sống thành đồ chín.*

50. **DỈNH** *Cái vạc.*

NHL. *Vạc là đồ dùng quan trọng trong nhà, làm chủ giữa nó, không ai bằng con trai trưởng.*

51. **THUẦN CHÂN** *Sầm, trường nam.*

NHL. *Sầm lớn như núi.*

52. **THUẦN CẨN** . *Núi.*

@. *Núi đứng sừng sững giữa trời, là tĩnh .*

53. **PHONG**. *Thịnh lớn.*

NHL. *Thịnh cùng cực thi phải suy , đến nỗi mất chỗ ở, phải dì đậu đất khéch, tha phượng (Phản phục)*

54. LŨ . Bỏ nhà đi tha phương.

NHL. Lâm vào cảnh ở quê người, thì thái độ nén thuận lòng người.

55. QUY MUỘI. Em gái ưa về nhà chồng.

???

56. TIỆM. Thuận lòng người, tiến dần dần..

???

57. THUẨN TỐN Thuận, nhấp vào.

NHL. Hết nhập vào được lòng nhau, hiểu lòng nhau, thì mới ưa nhau mà hoà duyệt, vui vẻ với nhau.

58. THUẨN ĐOÀI Hòa duyệt. Châm.

NHL. Hòa đến cực điểm rồi sẽ ly tán.

59. HOÀN. Ly tán.Tan tóc.

NHL. Không thể để cho ly tán mãi đư, tất phải chặn lại, tiết chế lại (Phản phục).

60. TIẾT Tiết chế.

@ Biết tiết chế, từ đó biết sẽ biết chọn việc hợp tài đức của mình.

61. TIỂU QUÁ. Lỗi. Biết ra ngoài mức vừa phải.. Quá là hời, tài đức có chỗ nào hời người

trong một việc gì thì nên làm việc ấy..

@ Sẽ có tai thê lớn.

62. ĐẠI QUÁ. Có ưu thế lớn, có thế lực lớn

@ Việc sẽ thành.

63. KÝ TẾ . Đã vượt qua, đã nén, đã thành.

NHL. Đã qua sông rồi, xong rồi, cung rồi, nhưng theo luật thiên nhiên, không có lẽ nào hết hẳn được, hết mùa này đến mùa khác, hết thời này đến thời khác, sinh sinh hoá hoá hoài, cứ biến dịch vô cùng, cho nên tuy xong rồi nhưng vẫn chưa hết.

64. VĨ TẾ Chưa hết.

66a

66

CHƯƠNG LIV

Bài học của Nhà Phật khen Lương Mạnh đang đóng đầu 20

VỀ CẤU TRÚC THỨ TỰ KẾT HỢP VỚI NGỮ NGHĨA CỦA HỆ HẬU THIÊN DƯƠNG MINH

Sự mềm mại của Ngôn ngữ?

DẶT VĂN ĐỀ

Trong chương này, chúng ta sẽ xem xét tính liên tục giữa các quẻ liên tiếp nhau của hệ 64 quẻ Dương Minh.

Chúng ta cũng sẽ thấy sự khác nhau giữa nội dung, đường đi nước bước của các hệ Hậu thiên và Dương Minh.

Ký hiệu

* NHL (theo sách của Nguyễn Hiến Lê).

* @ . NHP

PHẦN THƯƠNG KINH

Bài học của Nhà Phật khi Dương Minh đang dang đến

III. THUẨN KIẾN. Trời. Biểu tượng của Trời để sản ra Nhân loại.

IV. THUẨN KHÔN . Đất. Biểu tượng của Địa Mẫu để sản ra Nhân loại.

NHL. Trời và Đất có trước, sau đó vạn vật tất sinh sôi nảy nở đầy khắp, mà lúc sinh sôi đó là lúc khó khăn.

Sự xuất hiện của "Ma Vương Khôn" kéo Nhân loại mải mê với cái hấp dẫn của Vật chất."Ma Vương Khôn" kéo theo "Ma Vương Truân"

V. TRUÂN. Khó khăn chuyển từ Kỷ Nguyên Mạt Pháp. Xuất hiện "Ma Vương Truân"

@. Nhân loại còn mang những cái non yếu của Kỷ Nguyên Mạt Pháp. Tác động của "Ma Vương Truân"

VI. MỘNG. Non yếu, mù đường, mù hướng do những khó khăn từ trước để lại

@. Non yếu, mù mờ, khó khăn kéo theo tranh chấp, hiến cáo..

VII. TỰNG. Tranh chấp .Kiện cáo

@. Để giải quyết các tranh chấp Trời lại một lần nữa cử Đức Quan Thế Âm mang lòng Từ bi đến cho nhân loại. Biểu tượng của Đức Quan Thế Âm là Thủy Thiên Nhu, nằm tại cung Khảm của Bát Quái Tiên Thiên.

VIII. NHU. Từ bi, bóc ái. Như là Biểu tượng của Đức Quan Thế Âm

@. Nhân loại, qua tấm lòng Từ Bi của Đức Quan Thế Âm, đã hiểu được con đường tiến hoá Tâm linh, chứ không phải Vật chất của mình. Đó chính là con đường Đì, Trở về, theo chữ Phục của Triết học Lão. Ông của Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử). Biểu tượng của Thái Thượng Lão là Quỷ Kiếm vi Thiên, nằm tại cung Kiếm của Bát Quái Tiên Thiên.

IX. PHỤC Trở về. Phục là Biểu tượng của Thái Thượng Lão Quân - Lão Giáo

@. Nhưng còn nhiễm nhiều và chưa gột rửa được hết các tiêu cực của Thiên niên trước là Thiên Niên Kỷ Mạt Phát, tính Từ bi của Nhân loại đã bị hao mòn

X. BẮC. Hao mòn, mòn hết.

@. Do hao mòn nhiều, Nhân loại gấp bế tắc.

XI. BẾ TẮC.

@. Theo nguyên lý Phản phục , Bế tắc nhiều đỗ đến quỷ Thái.

I. BẢNG NGỮ NGHĨA I CỦA 64 QUẺ HẬU THIÊN VĂN VƯƠNG (♦, Z)

01 - Thuần Kiến @ Trời Le Ciel The creative	03 - Thuần Khôn * Đất La Terre The receptive		
03 - Sơn Thủy Mông Còn non Développement inachevé Inexperience		39 - Thủy Sơn Kiến Tai nạn Gay go Difficultés Obstacles	
04- Thủy Lôi Truân* Mới sinh , Gian nan Difficulté primitive Diff.beginnings		40- Lôi Thủy Giải Cởi mở Résolution Liberation	
05- Thiên Thủy Tung Tranh nhau Kiện cáo Procès Conflict	06-Th.Thiên Nhu @ Như cầu ăn uống, chờ đợi Nécessité d'attendre Calculated inaction		
07- Địa Thủy Sát Dám động Quân lính Armée Collective force	08- Thủy Địa Tỷ Thân gần. Liên lạc với nhau Se rapprocher Unity		
09 - Thiên Phong Cầu Gặp gỡ Rencontre Temptation		43- P.Th.Thiên Súc Chia góp Prendre soin de ce qui est petit Restrained	
10-Trạch Thiên Quái Quả quyết Issue Breakthrough		44 - Th. Trach Lý* Lê phép, Lê Marcher sur la queue d'un tigre Conduct	
11- Địa Th.Thái @ Hoà Bình,Thông suốt Essor Peace	12- Thiên Địa Bi * Bế tắc Déclin Stagnation		

Sự xuất hiện của Ma Vương "Bí : Cù Tán Đêm ". [18]. Cù Tán Đêm có
chức năng làm bế tắc mọi việc.

10. THÁI. *Hoà bình, hanh thông.*

@. Thái lại dẫn đến Khiêm. Đó là thời triều của Đức Thích Ca Mâu Ni
với biểu tượng Địa Sơn Khiêm , nằm tại quê Doài.
Sự xuất hiện của Thiên sứ tối cao .

11. KHIÊM. *Khiêm nhường. Bổn tƣong của Đức Thích Ca.*

@. Do Khiêm, tôn trọng nhường nhịn lẫn nhau, mọi người đều vui.

12. DỤ. *Vui*

@. Với niềm vui dựa trên Khiêm nhường, nhân loại đã tự nguyện lập
nên một trật tự có trên dưới, có lề.

13. LÝ *Lễ* @.

Với Lễ (như Luật pháp), Nhân loại ngăn chặn được, kiểm chế được các
tiêu cực.

Xuất hiện Ma Vương " Lý ", cái Duy Lý máy móc để phá Minh Triết.

14. TIẾU SỨC. *Nuôi chồi, ngăn chặn, kiểm chế.*

@. Nhân loại, với một Nhân cách có Lễ nghĩa và biết ngăn chặn cái xấu,
đang trên con đường đi lên.

15. THĂNG. *Đi lên.*

@. Nhân loại đang thăng - đi lên, dựa trên các tổ chức thích ứng của nó
để tôn trọng nhân quyền, dân chủ (nhóm họp).

16. TÙY. *Nhóm họp.*

@. Một Nhân loại tôn trọng Nhân quyền như thế đã trở thành một cộng
đồng ưu việt.

17. ĐỒNG NHÂN. *Một cộng đồng ưu việt*

@. Một cộng đồng ưu việt như thế sẽ bộc lộ nhiều tiềm năng lớn , dưới sự
chi đạo của một Đấng Cứu thế Chí Thánh, Đại Giác....

Sách Mật Tông Nguyên lý chép rằng:

Khi Đức Thích Ca viên tịch, đệ tử của Ngài là Ananda rỗng họng mà rằng
- Khi Tôn sư nhập Niết Bàn rồi ai dạy bảo các con ?

Đức Thích ca đáp:

- Ta chẳng phải là vị Phật đầu tiên hay cuối cùng, sẽ có một Đấng khác xuất
hiện cứu độ, một Đấng Chí Thánh, một Đấng Đại Giác, cực kỳ cao thượng, một
Đấng dẫn Đạo vô song, một Đấng là Chúa tể các Thánh Thần và Loài Người.

Đấng ấy sẽ truyền dạy cho các con một Đạo :

- * Vinh diệu buổi sơ khai,
- * Vinh diệu buổi thịnh hành,
- * Vinh diệu buổi kết cục.

Đấng ấy sẽ xưởng một đài sảng Đạo Đức hoàn toàn thanh khiết.

18. **ĐẠI HỮU**. *Chứa chất, muối nồng, nhiều tiềm năng. Biểu tượng của Đức Di Lặc*
②. *Đảng Chí Thành, Đại Giác đó là Đức Phật Di Lặc, với biểu tượng là Hoả Thiên Đại Hữu, nằm ở cung Ly của Bát Quái Tiên thiền. Nguyên tắc làm việc của Đức Phật là phục vụ đám đông.*
19. **SU**. *Đám đông*
②. *Các tổ chức- đám đông ngày càng lớn mạnh, và tạo ra được một Nhân loại đơn nhất (Unity), một Nhân loại Đại đồng.*
20. **TỶ**. *Thống nhất, đơn nhất*
②. *Kết quả của sự Thống nhất này là toàn Nhân loại tự giác hướng theo Đạo Phật với đặc tính Vô Vọng (không vọng tưởng)*
21. **VÔ VỌNG**. *Không vọng taunting theo nhà Phật ..*
②. *Một cộng đồng vô vọng sẽ chứa chất nhiều tiềm năng lớn.*
22. **ĐẠI SỨC**. *Chứa chất*
②. *Nhân loại chứa chất đầy Tình hoa sẽ ngày càng biến đổi, càng cải cách.*
23. **PHÊ HẠP**. *Hợp, cải cách*
②. *Những cải cách không ngừng (Dịch !) đều hướng đến Chân Thiện Mỹ hoàn thiện, đó là cái trang sức quý nhất của nhà Phật cho Nhân loại.*
24. **BÍ**. *Trang sức*
②. *Với trang sức này, Nhân loại đã tạo ra được một Triết lý sống trong xã hội của mình . Đó là Triết học Khổng Tử với chữ Tùy.*
25. **TUÝ**. *Đạo Khổng với Khổng tử*
②. *Với Tam Giáo - Phật giáo, Lão giáo Khổng giáo - Quy Nguyên, Nhân loại ngày càng được uốn nắn lại, "sửa sang" lại để hoàn chỉnh hơn.*
26. **CỐ**. *"Sửa sang" lại*
②. *Tam Giáo Quy Nguyên chính là liều thuốc mà nhà Phật đem đến cho Nhân loại Đức tin.*
27. **TRUNG PHU**. *Tin trong lòng*
②. *Với Đức tin đó, nhân loại nuôi trong lòng cái tâm chí thành, biết tự kiểm chế mình , biết kìm hãm mình*
28. **ĐI Nước**
②. *Kết quả nuôi nấng đó là tạo nên cho Nhân loại lòng tin vào Cộng đồng và Trái Đất, để giữ chữ Hoà trong Cộng đồng và để hoạt động thuận với Trái Đất*

29. THUẦN KHẨM *Hãm*, nên giữ lòng chí thành và biết ràng quyển.

@. Một Nhân loại như thế, với Nhiệt tâm lớn, sẽ tự tạo cho mình Ánh sáng để Tiến hoá và sẽ hướng tới một nền Văn minh sáng lạn..

30. THUẦN LY *Lửa, Ánh sáng, Văn minh.*

Dó chính là Kỷ Nguyên Di Lạc Thánh Đức đang đến trước mắt chúng ta.

PHÁT HÀNH

Đoàn bay của S. S. Phan

Phương án 2: KHÔNG CÒN BẤT ĐẦU BẰNG CHUYÊN MÃ TỐI NHẠO, MÃ BẮNG HƯỚNG
NGUYỄN VĂN HỌC CAO

26. CÓ "Sứ sang" lại

@. Tam Giáo Quy Nguyên chính là liều thuốc mà nhà Phật đem lòng tin trong lòng Nhân loại chúng ta.

NHL: Tín là niềm tin vào Đharma, lòng tin

27 TRUNG PHU *Tin trong lòng.*

@. Lòng tin đó của nhân loại chính là cái ưu thế lớn do Trời Đất ban cho Nhân loại chúng ta

28. ĐẠI QUẢ *Ưu thế lớn, có thể lực lớn.*

@. Kết quả của cái ưu thế lớn đó là tâm chí thành, là khả năng biết tự kiểm chế mình, biết kìm hãm mình, để giữ chữ Hoà trong Cộng đồng và để hoạt động thuận với Trời Đất.

3. CÁCH CỘNG HÒA

@. Đầu đầu của ta để có

4. KẾT LUẬN

NHL: Tín định, yêu thương khẩn thiết, mà không cần kén phai ngõ, ngòi nung nở, thay đổi.

5. THỰC HÌNH

NHL: Nước giang sơn với trời ngày, hệt như ta với đất trời muôn người muôn nết, nên phải đặt hết nỗ lực để nước muôn chục sáu thay, tay lái khéo dexterous, biến thay, cách mạng.

6. THỰC TIỄN DÂN DỘI, CÁCH

NHL: Tín yêu thương là vũ khí thiêng liêng.

Sự nỗ lực hiện của Ma Vương: Tín

7. KẾT LUẬN

@. Hết lý thuyết thì phải giải

821 797

39. GIẤU CHI

⇒ Khi con người bị bắt, họ sẽ cố gắng né tránh và che giấu bản

võ kếm, Gươm

⇒ Trong giáo huấn phật

PHẦN HẠ

40. PHẦN HẠ CỦA NHÀ PHẬT

PHẦN HẠ KINH KHÔNG CÒN BẮT ĐẦU BẰNG CHUYỆN NAM NỮ YÊU NHAU, MÀ BẰNG NHỮNG NGUYỄN LÝ TRIẾT HỌC CAO

⇒ Mọi việc cần nắm vững điều, không cần quan sát, quán sát để hiểu.

31. TỐN Thiệt hại. Giảm đi.. giảm

NHL. Tốn đến cùng rồi thì phải tăng lên. (như nước lũ lụt tăng dần sau

32. ICH Tăng lên.

NHL. Tăng lên đến cùng cực thì sẽ tới đỉnh..

Sự xuất hiện của Ma Vương " Ich "

33. ĐÌNH Cải vạc. Tâm Vũ trụ (Cosmic order)

⇒ Đến chỗ cao nhất thì phải xuống bằng cài cách

34. CÁCH .Cải cách, biến đổi.

⇒ Biến đổi sinh ra đổ vỡ.

35. KHỐN Khốn đốn.

NHL. Tốt đinh dẫn đến khốn đốn , mà khốn đốn thi phải ngã. ngã xuống nơi thấp nhất.

36. TỈNH Giêng

NHL. Nước giêng tích trữ lâu ngày, bụi cát và các vật bẩn mồi ngày một nhiều, nên phải tắt hết nước cũ để nước mới chảy vào thay, tức là thay đổi, cải cách, biến cách, cách mạng.

37. TẤN. Tiến dần dần, cải cách.

NHL. Tiến lên thi tất có lúc bị thương tổn.

Sự xuất hiện của Ma Vương " Tấn "

38. MINH DI .Thuống tốn ..

⇒ Hết bị thương thi phải giải.

39. GIẢI . Giải.

④. Khoan nói (giải) thì sẽ có điều sơ ý mà làm vào gian nan.

40. KIẾN. Gian nan.

④. Trong gian nan phải biết nắm nguyên lý Giao cảm (chữ Hoà, cái Nhu)

41. HÀM. Giao cảm. Âm Dương giao cảm nhau.

④ Giao cảm với chữ Hòa mới lâu dài được

42. HẰNG . Lâu dài.

④. Mọi việc cần tiến dần dần, nhưng cần quan sát, quán vấn để cho sâu.

43. QUÁN . Quan sát, quán.

④ Vết quán thường, con người phá ngăn cách, và làm cộng đồng tiến hoá nhanh.

44. LÂM . Lâm

④ Nhân loại lâm nhanh, gia đình tốt đẹp.

45. GIA NHÂN Gia đình.

NHL. Gia đạo đến lúc cung thi người trong nhà chia lìa, chống đối nhau.
Phong Hòa Gia nhân là biểu tượng của Cửu Thiên Huyền Nữ, chuyên gia về một Y Đạo mới trong Kỷ Nguyên Di Lạc cùng với Thái-Thượng Lão Quân.

46. KHUẾ . Chia lìa.Chống đối nhau.

④. Chia lìa, chống đối nhau thi ắt sẽ ly tán.

Sự xuất hiện của Ma Vương " Khuế ", làm ly tán mọi việc

47. HOÁN. Ly tán.Tan tác.

NHL. Không thể để cho ly tán mãi được , tất phải chặn lại, tiệt chế lại.

48. TIẾT Tiết chế.

④. Đã định tiết chế thì phải có thái độ cương quyết (liệt).

Sự xuất hiện của Ma Vương " Tiết ", hạn chế mọi việc

49. QUẬL. Quyết liệt

④ Thái độ quyết liệt sẽ tạo môi trường gấp gáp

50 . CẤU.Gấp gáp.

④. Gấp gáp hiển tài của nhân loại, như sấm sét để giữ vũng kỵ cương.

50. KỶ TỐ . Tí khát nước, rát mắt do nước biển ô nhiễm. Kỷ là Phân tử
NHL. Kỷ là Tố. Ông là tên của một xã hội cũ, nhưng thời buổi thay đổi,
những xã hội cũ kia đã biến mất, và thay vào đó là xã hội thời nay
51. THUẦN CHẨN Sấm.
- @. Sấm trời đi đôi với các quân tử vũng như núi cao
- NHL. Sấm là tiếng động của trời, của đất, của biển, hơi thở của
cõi vũ trụ, những điều đó đều có ý nghĩa dương xỉ. Nguyên lý Phản Phục sẽ
đóng vai trò quan trọng trong việc xác định cung đường số 5. Nguyên lý Phản Phục sẽ
52. THUẦN CĂN . Núi.
- @. Vừa sấm , vừa núi thi nhân loại lớn mạnh
- NHL. Căn là cõi thi nhân, thi nhân là cõi thi.
53. ĐẠI TRÁNG . Lớn mạnh. Sự xuất hiện của Thiên Sứ Đại Tráng
- @. Lớn mạnh là tráng thịnh. Cái tă sẽ rút lui.
54. ĐỘN Rút lui., tránh tránh dì..
- NHL. Hết thời lui thi lại phải tiến dần, tiến lên thi lớn mạnh.
55. PHONG Thịnh lớn.
- NHL. Thời thịnh thi người hiền vị tha di tha phương để truyền giáo.
56. LŨ Di tha phương. Biểu tượng của Đức Phật A Di Đà
- @. Các thánh nhân di tha phương để Đạo nhập vào chúng sinh.
57. THUẦN TỐN . Thuần, nhập vào.
- NHL. Hết nhập vào được lòng nhau, hiểu lòng nhau , thi mới ưa nhau mà hòa
đuyệt ; vui vẻ với nhau.
58. THUẦN ĐOÀI. Hài duyệt . Chùm.
- @. Nhân loại Hài hòa với nhau sẽ cùng tiến về Nguồn như gái về nhà chồng
bên nội. .
59. QUY MUỘI . Em gái (ít ? thuộc Ngoại) về nhà chồng (thuộc Nội) , Nhân loại hướng về Cát
Sao Bắc Đẩu.
- @. Đó là sự tiến hóa dần của Nhân loại.
- Sự xuất hiện của Ma Vương " Quy Muội ", muốn ngăn cản mọi việc trở về Cát
nguồn .
60. TIỆM . Tiến dần dần
- @. Tiến dần về Nguồn là Chòm Sao Bắc Đẩu. Nhân loại i sẽ có những tiềm tàng
lớn .
61. ĐẠI QUẢ . Ưu thế, có thể lực lớn
- @ Đã có thể lực lớn thi cần hoạt động ra ngoài mức bình thường (mức viễn phà)
62. TIỂU QUẢ. Lỗi. Ra ngoài mức viễn phà
- NHL. Quá là hơn, tài đức có chỗ nào hơn người trong một việc gì thi nên làm
việc ấy. Việc sẽ thành.

63. KỶ TẾ . Dã vượt qua, dã nén, dã thành. Biểu tượng của Đức Phật Dược sư NHL. Dã qua sông rồi, xong rồi, cùng rồi, nhưng theo luật thiên nhiên, không có lẽ nào hết hẳn được, hết mùa này đến mùa khác, hết thời này đến thời khác, sinh sinh hoá hoá hoài , cứ biến dịch vô cùng, cho nên tuy xong rồi nhưng vẫn chưa hết (Con đường số 8 - Nguyên lý Phản Phục tối hậu).

64. VI TẾ Chưa hết.

*
* *

Phương án 2

60. QUY MUỘI . Em gái (thuộc Ngoại) về nhà chồng (thuộc Nội), hương về Chòm Sao Bắc Đẩu."

@. Đó là nơi có thể lực lớn, cần phải nuôi dưỡng.

Sự xuất hiện của Ma Vương "Quy Muội" , muốn ngăn cản mọi việc trở về Cội nguồn .

61. DI Nuôi "

@ Nuôi dưỡng thể lực để có thể hoạt động ra ngoài mức bình thường (mức vừa phải).

62. TIỂU QUÁ. Lỗi. Ra ngoài mức vừa phải..

NHL. Quá là hơn, tài đức có chỗ nào hơn người trong một việc gì thì nên làm việc ấy. Việc sẽ thành.

BÀI HỌC VỀ KHOA HỌC

Hai cách Hiểu Thượng Kinh

Đọc kinh theo nghĩa của nhà sư HOA LÂM THƯỢNG KINH TỐY - Đỗ Văn Hòa
Đọc kinh theo nghĩa của nhà sư THƯỢNG KINH TỐY - Lê Văn Nhã

A. CÁCH HIỂU THƯỢNG KINH TRONG KINH DỊCH TRUYỀN THỐNG (xem chương LIII)

- Cách hiểu Truyền thống nói chung mang tính đời thường với các hành vi sau :

- * Ăn uống.
- * Kiên tịnh,
- * Lập phe,
- * Nuôi nhau, chữa nhau,
- * Lê nghĩa,
- * Có nhiều, có lòn,
- * Theo, vui theo thì có công việc làm
- * Trang điểm,
- * Quản tử, tiểu nhân ,
- * Không làm càn bậy,

- Còn cách hiểu Dương Minh mang tính Nguyên tắc Tâm linh, đồng thời là một chương trình hướng đạo Nhân loại từ các cõi Thiên Thượng

DÂY CHÉNH LÀ BÀI HỌC CỦA NHÀ PHẬT, MÀ
PHẬT TỔ NHƯ LAI ĐÃ MANG LẠI CHO NHÂN LOẠI
CHÚNG TA CÁCH DÂY KHOẢNG 500.000 NĂM !
CÒN KỶ NGUYÊN TƯƠNG XỨNG NHẤT LẠI LÀ KỶ
NGUYÊN DI LẠC THÁNH ĐỨC.

Nó mục về mèo và rắn

* Cảnh Thiên Mỹ và Chết Thủ.

BÀI HỌC VỀ KHOA HỌC

- * Khoa học Thiên văn & Thời đại
- * Khoa học Về Cấu trúc Nước cất

CÁCH HIỂU THƯỢNG KINH TRONG KINH DỊCH THÁI HUYỀN

BÀI HỌC VỀ TIỀN HOÀ

- * Vũ trụ và con Người làm thành một nhái thể : Thiên Địa Nhân hợp nhái
- * Con đường Tiên hóa là theo số 8 với Nguyên lý Phản Phục
(bạn đọc tham khảo thêm tác phẩm : NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG .Tích hợp Da văn Hóa Đông Tây, cho một chiến lược giáo dục tương lai. Hà Nội, 1997)

BÀI HỌC VỀ CỘI NGUỒN

- * Trời là quê Nội , cách tiếp cận với Cội nguồn là Quán.

BÀI HỌC VỀ ĐẠO VỚI CÁC THIÊN SỨ

Các Đạo	ĐẠO PHẬT
	ĐẠO LÂO
Các Sát giả của Trời	ĐẠO KHỔNG
	DỨC QUAN THẾ ÂM
Các Sát giả của Thủ	DỨC DI LẠC
	DỨC THÍCH CA
	THÀI THƯỢNG LÃO QUÂN
	KHỔNG TỬ
Các Sát giả của Thủ	MA VƯƠNG CÙ TẦN ĐÔM
	MA VƯƠNG DUY LÝ
	MA VƯƠNG TIẾT
	MA VƯƠNG QUÝ MUỘI
	MA VƯƠNG TRUẨN ...

BÀI HỌC VỀ NHÂN VĂN

- * Chân Thiện Mỹ và chữ Hoà .

BÀI HỌC VỀ KHOA HỌC

- * Khoa học Thiên cơ là Thái Át .
- * Khoa học về Cấu trúc Nhân thể.

67

24

CHƯƠNG LÝ

BÁT TỰ HÀ LẠC & TẬP TRUNG ĐỊNH HƯỚNG CUỘC ĐỜI CÁC VĨ NHÂN ?

Một hiện tượng đáng chú ý trong Bát Tứ Hà Lạc [04], [27], [28], [29], [31] là với một số vī nhân - nhân vật đặc biệt, các kết thúc Dịch hay Mã Di Truyền của các Vận khác nhau đều chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm có những Axit Amin *như nhau*.

Tai-sao?

Tập trung định hướng về sứ mệnh cuộc đời?

Tập trung định hướng về sứ mệnh cuộc đời ?

829 805

13- Th.Hoa Dg Nhân Cộng đồng Concorde des hommes Community	14- HòaThĐạiHữu @ Có nhiều Sở hữu rất lớn Possession de ce qui est grand Sovereignty		
15- Địa Sơn Khiêm @ Khiêm tốn Humilité Moderation	23 – Sơn Địa Bát Bát Lát. Mòn hết Dévastation Deterioration		
16 - Lôi Địa Dư Vui vẻ sung sướng Se réjouir Enthusiasm	24 - Địa Lôi Phục Trở lại.Hoàn phán Revenir Return		
17- Th.L. Vô Vong (+) Không cần bậy Sans désordre Innocence			53- Thiên Sơn Đôn Lui .Trốn Se cacher Retreat
18 – Sơn Th. Đại Súc Chữa chất Prendre soin de ce qui est grand Potential energy			54-Lôi ThĐ Tráng @ Lớn mạnh Vigeur de ce qui est grand Great Power
19 - Địa Trạch Lâm Lớn .Tôi S'approcher Approach			46 – Trạch Địa Tuy Tú hợp Rattachement Assimbling.
20- Phong Địa Quán Xem xét .Quán tưởng Contemplation Contemplation			45 - Địa Ph. Thăng Lên Ascension Ascending
21- Hòa Lôi Phệ Hap Hợp lại Mordre et serrer Reform			55 - Lôi Hòa Phong Lớn mạnh.Thịnh Abondance Zenith
22- Sơn Hòa Bí Trang sức Décorer Grace			56- Hòa Sơn Lữ @ Di xa Le voyageur Traveller
25 – Trach Lôi Tùy (+) Theo En suivant Adapting		34- L.Tr. Q. Muội * Về nhà Mariier la soeur cadette Subordinate	

34 749

LÊ THÁI TỔ

NĂM SINH	THÁNG SINH	NGÀY SINH	GIỜ SINH
Ất Sửu	Ất Dậu	Nhâm Tuất	Canh Tý
2, 5, 10	2, 4, 9	6, 5, 10	3, 1, 6

M (-) = 40 - 30 = 10 = 1, M(+) = 23 = 3.

Q(O) = 1/3 = Khảm/ Chấn = Truân

Q(1) TIỀN VẬN THỦY LÔI TRUÂN		Q (2) HẬU VẬN ĐỊA THỦYSƯ	
HÀO	ĐẠI VẬN	HÀO	ĐẠI VẬN
Âm	37 – 42 tuổi	Âm	55 – 60 tuổi
Dương	28 – 36 tuổi	Âm	49 – 54 tuổi
Âm	22 – 27 tuổi	Âm, ND	43 – 48 tuổi
Âm	16 – 21 tuổi	Âm	
Âm	10 – 15 tuổi	Dương	
Dương, ND	01 – 09 tuổi	Âm	61 – 66 tuổi

Ta có dãy sau của Lê Thái Tổ :

Val (1/1) – Gly (7/1) – Arg (7/3) – Ser (7/7) – Aspn (7/6) – Thr (1/6) – Thr (2/6) – Thr (8/6) – Ala (8/4)		01 – 09
Ileu (1/6) – Thr (1/6) – Aspn (7/6) – Aspn (3/6) – Lys (9/6) – Glu (9/4)	⊕	10 – 15
Pro (1/9) – His (7/9) – His (7/6) – Glun (9/9) – Amber (9/8) – Glu (9/4)	⊕	16 – 21
Arg (7/3) – Arg (3/3) – Arg (9/3) – Tryp (9/2) – GGLY (9/1) – Glu (9/4)	⊕	22 – 27
LLLeu (2/3) – Cys (7/2) – LLLeu (1/7) – Met (4/7) – Val (4/1) – Leu (4/2) – Tyr (4/8) – Ochre (6/9) – Amber (9/8)		28 – 36
Leu (4/3) – Leu (4/2) – Val (4/1) – Ala (4/4) – Glu (6/4) – Glu (9/4)	⊕	37 – 42
Gly (3/1) – Gly (7/1) – GGLY (6/1) – Arg (6/7) – Arg (6/3) – Glun (6/9)	●	43 – 48
VVal (1/1) – Va; (4/1) – Met (4/7) – Leu (4/3) – Pro (4/9) – Glun (6/9)	●	49 – 54
Val (8/1) – Met (8/7) – Leu (8/3) – Pro (8/9) – Glun (9/9) – Glun (6/9)	●	55 – 60

HÙNG ĐẠO VƯƠNG

NĂM SINH	THÁNG SINH	NGÀY SINH	GIỜ SINH
Mậu Tý	Ất Sửu	Mậu Ngọ	Mậu Ngọ
1, 1, 6	2, 5, 10	1, 2, 7	1, 2, 7

$M (+) = 23 = 3$, $M (-) = 22 = 2$,
 $Q(O) = 3/2 = \text{Chấn} / \text{Khôn} = \text{Dự}$

Q(1) TIỀN VẬN LỐI DỊA DỰ		Q (2) HẬU VẬN BÁT THUẬN CHẨN	
HỎ	ĐẠI VẬN	HỎ	ĐẠI VẬN
Âm	34 – 39 tuổi	Âm	55 – 60 tuổi
Âm	28 – 33 tuổi	Âm	49 – 54 tuổi
- Dương	19 – 27 tuổi	Dương, ND	40 – 48 tuổi
Âm	13 – 18 tuổi	Âm	
Âm	07 – 12 tuổi	Âm	
Âm, ND	01 – 06 tuổi	Dương	61 – 69 tuổi

Ta có dãy sau của Trần Hưng Đạo :

Arg (3/3) - Ser (3/7) - Aspn (3/6) - Thr (2/6) - Thr (1/6) - Thr (4/6)	⦿	01 - 06
Gly (3/1) - Asp (3/4) - Ala (2/4) - Ala (1/4) - Ala (4/4) - Thr (4/6)	⦿	07 - 12
Tyr (3/8) - Ser (2/8) - Ser (1/8) - Tyr (4/8) - Pro (4/9) - Thr (4/6)	⦿	13 - 18
Cys (3/2) - Arg (3/3) - LLLeu (2/3) - LLLeu (1/3) - Leu (4/3) - Leu (4/2) - Val (4/1) - Ala (4/4) - Glu (6/4)		19 - 27
Cys (7/2) - Stop (6/2) - Arg (6/3) - Arg (6/7) - Lys (6/6) - Thr (4/6)	⦿	28 - 33
Tryp (9/2) - Arg (9/3) - Arg (9/7) - Lys (9/6) - Thr (8/6) - Thr (4/6)	⦿	34 - 39
Ser (3/7) - Cys (3/2) - Phe (2/2) - Leu (1/2) - Leu (4/2) - Leu (4/3) - Met (4/7) - Thr (4/6) - Lys (6/6)	⦿	40 - 48
Arg (7/3) - Arg (6/3) - Stop (6/2) - GGly (6/1) - Glu (6/4) - Ala (4/4)	⦿	49 - 54
Arg (9/3) - Tryp (9/2) - GGly (9/1) - Glu (6/4) - Ala (8/4) - Ala (4/4)	⦿	55 - 60
Arg (3/3) - LLLeu (2/3) - Phe (2/2) - LLLeu (2/3) - LLLeu (2/7) - Thr (2/6) - Aspn (3/6) - Aspn (7/6) - Lys (6/6)	⦿	61 - 69

834 867 ✓

PHÂN TÙNG HÀM

NĂM SINH THÁNG SINH NGÀY SINH GIỜ SINH
Dinh Mùa

VUA QUANG TRUNG

NĂM SINH	THÁNG SINH	NGÀY SINH	GIỜ SINH
Nhâm Thân	Bính Thân	Ất Sửu	Bính Tuất
6, 4, 9	8, 2, 7	2, 5, 10	8, 5, 10

$$M(+)=26-15=1, M(-)=50-30=20=2.$$

$$Q(O)=1/2=\text{Thủy} / \text{Địa} = \text{Tý}$$

Q(1) TIỀN VĂN		Q(2) HẬU VĂN	
Dương	Âm	Dương	Âm
HỎA	DẠI VĂN	HỎA	DẠI VĂN
Âm, ND	01 - 06 tuổi	Âm	
Dương	31 - 39 tuổi	Âm	
Âm	25 - 30 tuổi	Âm	
Âm	19 - 24 tuổi	Dương, ND	40 - 48 tuổi
Âm	13 - 18 tuổi	Âm	
Âm	07 - 12 tuổi	Dương	

Ta có dãy sau của Vua Quang Trung :

Leu (4/2) – Leu (4/3) – Met (4/7) – Thr (4/6) – Lys (6/6) – Lys (9/6)	∅	01 – 06
LLLeu (1/3) – LLeu (1/7) – Thr (1/6) – Aspn (7/6) – Aspn (3/6) – Lys (9/6)	∅	07 – 12
VVal (1/1) – Ala (1/4) – Asp (7/4) – Asp (3/4) – Glu (9/4) – Lys (9/6)	∅	13 – 18
Ser (1/8) – Tyr (7/8) – Tyr (3/8) – Amber (9/8) – Glun (9/9) – Lys (9/6)	∅	19 – 24
Cys (7/2) – Cys (3/2) – Tryp (9/2) – Arg (9/7) – Lys (9/6)	∅	25 – 30
Phe (1/2) – VVal (1/1) – VVal (2/1) – Val (8/1) – Met (8/7) – Leu (8/3) - Pro (8/9) – Glun (9/9) – Glun (6/9)		31 – 39

PHAN SÀO NAM

NĂM SINH	THÁNG SINH	NGÀY SINH	GIỜ SINH
Dinh Mão	Bính Ngọ	Bính Tuất	Kỷ Sửu
7, 3, 8	8, 2, 7	8, 5, 10	9, 5, 10

$$M(-) = 16 = 6, \quad M(+) = 36 - 25 = 11 = 1.$$

Q(O) = 6/1 = Kiến/Khảm = Tụng

Q(1) TIỀN VĂN THIÊN THỦY TỰNG		Q (2) HẬU VĂN THỦY PHONG TÌNH	
HÀO	ĐẠI VĂN	HÀO	ĐẠI VĂN
Dương	19 – 27 tuổi	Âm	
Dương	10 – 18 tuổi	Dương	
Dương, ND	01 – 09 tuổi	Âm	73 – 81 tuổi
Âm	43 – 48 tuổi	Dương	64 – 72 tuổi
Dương	34 – 42 tuổi	Dương	55 – 63 tuổi
Âm	29 – 23 tuổi	Âm, ND	49 – 54 tuổi

Ta có dãy sau của cụ Phan Sào Nam :

Val (4/1) – Met (4/7) – Arg (6/7) – Arg (9/7) – Ser (3/7) – Gly (3/1) – Cys (3/2) – Tyr (3/8) – Ser (2/8)	01 – 09
GGLy (9/1) – Tryp (9/2) – Stop (6/2) – Cuys (7/2) – Arg (7/3) – Ser (7/7) – Aspn (7/6) – Thr (1/6) – Thr (2/6)	10 – 18
Gly (7/6) – Asp (7/4) – Thr (4/6) – Lys (6/6) – Glun (6/9) – Arg (6/3) – Leu (4/3) – LLLeu (8/3) – LLLeu (2/3)	19 – 27
Arg (6/7) – Arg (9/3) – Glun (6/9) – Pro (4/9) – Pro (8/9) – PPro (2/9)	Q 28 – 33
Stop (6/2) – Tryp (9/2) – GGLy (9/1) – Glu (9/4) – Ala (8/4) – Ala (4/4) – Ala (1/4) – Thr (1/6) – PPro (1/9)	Q 34 – 42
Glu (6/4) – Ala (4/4) – Ala (8/4) – Ala (2/4) – Thr (2/6) – PPro (2/9)	Q 43 – 48
Thr (1/6) – PPro (1/9) – LLLeu (1/3) – Arg (3/3) – Arg (9/3)	* 49 – 54
Ser (1/8) – Ser (2/8) – Ala (2/4) – VVAl (2/1) – Gly (3/1) – Gly (7/1) – GGly (6/1) – Arg (6/7) – Arg (6/3)	* 55 – 63
VVAl (1,1) – Val (4/1) – Ala (4/4) – Glu (6/4) – Glu (9/4) – Asp (3/4) – Aspn (3/6) – His (3/9) – Arg (3/3)	* 64 – 72
Asp (7/4) – Asp (3/4) – Glu (9/4) – Lys (9/6) – Glun (9/9) – Arg (9/3)	* 73 – 78

TÀO THẢO

NĂM SINH THÁNG SINH NGÀY SINH GIỜ SINH
Mỗi 10 Ngày 10 Giờ Tuất

GIA CÁT LƯỢNG

NĂM SINH	THÁNG SINH	NGÀY SINH	GIỜ SINH
Tân Dậu	Quý Tị	Canh Thìn	Bính Tuất
4, 4, 9	2, 2, 7	3, 5, 10	8, 5, 10

$$M (+) = 29 - 25 = 4, M (-) = 40 - 30 = 10 = 1.$$

Q(O) = 1/4 = Khám/ Tốn = Thủy Phong Tinh

Q(1) TIỀN VẬN
THỦY PHONG TÌNH

Q (2) HẬU VẬN
PHÍ TRẠCH TRUNG PHU

HỎA	ĐẠI VĂN	HỎA	ĐẠI VĂN
Âm	16 – 21 tuổi	Dương	
Dương	07 – 15 tuổi	Dương	67 – 75 tuổi
Âm, ND	01 – 06 tuổi	Âm	61 – 66 tuổi
Dương	13 – 18 tuổi	Âm	55 – 60 tuổi
Dương	28 – 36 tuổi	Dương	46 – 54 tuổi
Âm	22 – 27 tuổi	Dương, ND	37 – 45 tuổi

Ta có dãy sau của Khổng Minh Gia Cát Lượng :

Asp (7/4) – Asp (3/4) – Glun (9/4) – Lys (9/6) – Glun (9/9) – Arg (9/3)	⊕	01 – 06
Ala (2/4) – Ser (2/8) – Ser (1/8) – Tyr (4/8) – Pro (4/9) – Thr (4/6) – Met (4/7) – Arg (6/7) – Arg (9/7)	⊕	07 – 15
Ala (4/4) – Thr (4/6) – Pro (4/9) – Leu (4/3) – Arg (6/3) – Arg (9/3)	⊕	16 – 21
Thr (1/6) – PPro (1/9) – LLLeu (1/3) – Arg (7/3) – Art (3/3) – Arg (9/3)	⊕	22 – 27
Ser (1/8) – Ser (2/8) – Ala (2/4) – Ser (2/8) – Phe (2/2) – Cys (3/2) – Cys (7/2) – Stop (6/2) – Arg (6/3)	⊕	28 – 36
Val (4/1) – GGly (6/1) – Arg (6/7) – Arg (6/3) – Glun (6/9) – Pro (4/9) – Pro (8/9) – PPro (2/9) – Ser (2/8)	⊕	37 – 45
Leu (4/3) – Leu (8/3) – Met (8/7) – Thr (8/6) – Lys (9/6) – Lys (6/6) – Aspn (7/6) – Asp (7/4) – Tyr (7/8)	*	46 – 54
Thr (4/6) – Ser (6/6) – Lys (9/6) – Aspn (3/6) – Asp (3/4) – Tyr (3/8)	*	55 – 60
Arg (6/7) – Arg (9/7) – Set (3/7) – Gly (3/6) – Cys (3/2) – Tyr (3/8)	*	61 – 66

TÀO THÁO

NĂM SINH	THÁNG SINH	NGÀY SINH	GIỜ SINH
Ất Mùi	Kỷ Sửu	Giáp Thìn	Giáp Tuất
2, 5, 10	9, 5, 10	6, 4, 9	6, 5, 10

$$M(+) = 33 - 25 = 08, \quad M(-) = 48 - 30 = 18 = 8.$$

Q(O) = 8/8 = Bát Thuần Càn

Q(1) TIỀN VẬN BÁT THUẦN CÀN		Q (2) HẬU VẬN ĐỊA SƠN KHIÊM	
HÀO	ĐẠI VÂN	HÀO	ĐẠI VÂN
Dương	22 – 30 tuổi	Âm. ND	43 – 48 tuổi
Âm	16 – 21 tuổi	Âm	
Âm	10 – 15 tuổi	Âm	
Dương, ND	01 – 09 tuổi	Dương	61 – 69 tuổi
Âm	37 – 42 tuổi	Âm	55 – 60 tuổi
Âm	31 – 36 tuổi	Âm	49 – 54 tuổi

Ta có dãy sau của Tào Tháo :

Leu (8/2) – Phe (2/2) – Ser (2/8) – Tyr (3/8) – Tyr (7/8) – Ochre (6/8) – Glun (6/9) – Lys (6/6) – Arg (6/7)	●	01 – 09
Amber (9/8) – Ochre (6/8) – Tyr (7/8) – His (7/9) – Aspn (7/6) – Ser (7/7)	○	10 – 15
Tyr (4/8) – Ser (1/8) – PPro (1/9) – Thr (1/6) – LLeu (1/7) – Ser (7/7)	○	15 – 20
Ser (2/8) – Phe (2/2) – Leu (8/2) – Leu (8/3) – Met (8/7) – Thr (8/6) – Lys (9/6) – Aspn (7/6)		21 – 30
Leu (8/9) – The (8/6) – Met (8/7) – Arg (9/7) – Arg (6/7) – Ser (7/7)	○	31 – 36
Ala (8/4) – Val (8/1) – GGly (9/1) – GGly (6/1) – Gly (7/1) – Ser (7/7)	○	37 – 42
Ser (8/8) – Pro (8/9) – Thr (8/6) – Met (8/7) – Arg (9/7) – Arg (6/7)	●	43 – 48
PPro (2/9) – Thr (2/6) – LLeu (2/7) – Ser (3/7) – Ser (7/7) – Arg (6/7)	●	49 – 54
Ala (2/4) – VVal (2/1) – Gly (3/1) – Gly (7/1) – GGly (6/1) – Arg (6/7)	●	55 – 60
Phe (2/2) – Leu (8/2) – Ser (8/8) – Amber (9/8) – Ochre (6/8) – Tyr (7/8) – His (7/9) – Espn (7/6) – Ser (7/7)	○	61 – 69

DỨC KHỔNG PHU TỬ

NĂM SINH	THÁNG SINH	NGÀY SINH	GIỜ SINH
<i>Canh Tuất</i>	<i>Quý Hợi</i>	<i>Quý Sửu</i>	<i>Nhâm Tý</i>
3, 5, 10	2, 1, 6	2, 5, 10	6, 1, 6

$$M(+)=15=5 \Rightarrow 8, M(-)=42-30=12=2.$$

$Q(O) = 8/2 =$ Cửu/ Khôn = Sơn Địa Bác

Q(1) TIỀN VĂN

Q(1) TIỀN VĂN
SƠN ĐỊA BÁC

Q(2) HẬU VĂN

BÁT THUẨN KHÔN

HÀO	ĐẠI VĂN	HÀO	ĐẠI VĂN
Dương, ND	01 - 09 tuổi	Âm	58 - 64 tuổi
Âm	34 - 39 tuổi	Âm	52 - 57 tuổi
Âm	28 - 33 tuổi	Âm	46 - 51 tuổi
Âm	22 - 27 tuổi	Âm, ND	40 - 45 tuổi
Âm	16 - 21 tuổi	Âm	
Âm	10 - 15 tuổi	Âm	64 - 69 tuổi

Ta có dãy sau của người sinh tháng A

Ta có dãy sau của Đức Khổng Tử :

Phe (8/2) – Ser (8/8) – Ser (2/8) – PPro (2/9) – Thr (2/6) – Leu (2/7) – Ser (3/7) – Ser (7/7) – Arg (6/7)		01 - 09
Leu (8/3) – Met (8/7) – Thr (8/6) – Lys (9/6) – Lys (6/6) – Aspn (7/6)	⊕	07 - 15
Val (8/1) – Ala (8/4) – Glu (9/4) – Glu (6/4) – Asp (7/4) – Aspn (7/6)	⊖	16 - 21
Ser (8/8) – Amber (9/8) – Ochre (6/8) – Tyr (7/8) – His (7/9) – Aspn (7/6)	⊕	22 - 27
Tryp (9/2) – Stop (6/2) – Cys (7/2) – Arg (7/3) – Ser (7/7) – Aspn (7/6)	⊕	28 - 36
Leu (4/2) – Phe (1/2) – LLLeu (1/3) – LLLeu (1/7) – Tyr (1/6) – Aspn (7/6)	⊕	37 - 45
Ser (2/8) – Tyr (3/8) – Tyr (7/8) – Ochre (6/8) – Glun (6/9) – Lys (6/6)	*	40 - 45
Cys (3/2) – Cys (7/2) – Stop (6/2) – Met (6/3) – Thr (4/6) – Lys (6/6)	*	46 - 52
Phe (1/2) – Leu (4/2) – Leu (4/3) – Met (4/7) – Thr (4/6) – Lys (6/6)	*	52 - 57
Leu (8/2) – Leu (8/3) – Met (8/7) – Thr (8/6) – Lys (9/6) – Lys (6/6)	*	58 - 63
LLLeu (2/3) – LLLeu (2/7) – Thr (2/6) – Aspn (3/6) – Aspn (7/6) – Lys (6/6)	*	64 - 69

MỘT NGƯỜI BÌNH THƯỜNG : A

NĂM SINH	THÁNG SINH	NGÀY SINH	GIỜ SINH
Dinh Mão	Quý Mão	Canh Thân	Kỷ Mão
2, 5, 10	2, 4, 9	6, 5, 10	3, 1, 6

$M (+) = 2$, $M (-) = 3$.
 $Q(O) = 3/2 = Lôi/ Khôn = Lôi Địa Dụ$

Q(1) TIẾN VẬN LÔI ĐỊA DỤ		Q (2) HẬU VẬN THỦY LÔI TRUÂN	
Hảo	ĐẠI VẬN	Hảo	ĐẠI VẬN
Âm	28 - 33 tuổi	Âm	49 - 54 tuổi
Âm	22 - 27 tuổi	Dương, ND	40 - 48 tuổi
Dương	13 - 21 tuổi	Âm	76 - 81 tuổi
Âm	07 - 12 tuổi	Âm	70 - 75 tuổi
Âm, ND	01 - 06 tuổi	Âm	64 - 69 tuổi ← 64 - 69 tuổi
Âm	34 - 39 tuổi	Dương	55 - 63 tuổi

Ta có dây sau của người bình thường A :

Gly (3/1) – Asp (3/4) – Ala (2/4) – Ala (1/4) – ALa (4/4) –	Thr (4/6)	∅	01 - 06
Tyr (3/8) – Ser (2/8) – Ser (1/8) – Tyr (4/8) – Leu (4/9) –	Thr (4/6)	∅	07 - 12
Phe (2/2) - LLLeu (2/3) - Arg (3/3) - LLLeu (2/3) - LLLeu (1/3) - Leu (4/3) - Leu (4/2) - Val (4/1) - Ala (4/4)			13 - 21
Cys (7/2) – Stop (6/2) – Arg (6/3) – Arg (6/7) – Lys (6/6) –	Thr (4/6)	∅	22 - 27
Tryp (9/2) - Arg (9/3) - Arg (9/7) – Lys (9/6) – Thr (8/6) –	Thr (4/6)	∅	28 - 33
Arg (3/3) – Ser (3/7) – Aspn (3/6) – Thr (2/6) – Thr (1/6) –	Thr (4/6)	∅	34 - 39
LLLeu (2/3) – Leu (2/7) – Leu (1/7) – Met (4/7) – Val (4/1) –			
Leu (4/2) – Tyr (4/8) – Ochre (6/8) – Amber (9/8)			40 - 48
Leu (4/3) - Leu (4/2) - Val (4/1) Ala (4/4) - Glu (6/4) - Glu (9/4)		*	49 - 54
Phe (1/2) – Cys (3/2) – Arg (7/3) – Ser (7/7) – Aspn (7/6) – Thr (1/6) –			
Thr (2/6) – Thr (8/6) – Ala (8/4)			55 - 63
LLLeu (1/7) – Thr (1/6) – Aspn (7/6) – Aspn (3/6) – Lys(9/6) –	Glu (9/4)	*	64 - 69
PPro (1/9) - His (7/9) – His (3/9) – Glu (9/9) - Amber (9/8) – Glu (9/4)		*	70 - 75
Arg (7/3) – Arg (3/3) – Arg (9/3) – Tryp (9/2) - GGly (9/1) –	Glu (9/4)	*	76 - 81

897 913

67a

PHẦN XVI

22

PHƯƠNG TRÌNH OCTONION CỦA
KINH DỊCH TRÊN
HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

Hiện đại hóa nền Minh Triết Đông phương

67a

Đại đế phu quân Tây Âm Minh Dương Đông

trên Hành Tinh Minh Tranh

NHÀ SÁU THƯỜNG KÍCH KHỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ HÀ NAM

TÙNG THƯỜNG XÁC KHẨN TRUYỀN LÂU LÃM TẤU MÃI NHỎ

CÁC Ô BẢNG CHI TIẾT CỦA 09 Ô CỦA HÌNH

Tây

Đông

Trung

Đông

Đông

Minh Tranh

Minh Tranh

Đông

Minh Tranh

CÁC BẢNG CHI TIẾT CỦA 09 Ô CỦA HÌNH

VUÔNG MẶT TRỜI

Bao gồm nhiều Khoa học Đông Tây

Kỷ Nguyên

Thái Âm & Dương Minh

Tây

Đông

Trung

Đông

Đông

Minh Tranh

Đông

</

26 - Sơn Phong Cố Việc. Hoại loạn Poison Repair		33- Phong Sơn Tiềm Tiền-đần- ^{Lai-nien-kien} Progression régulière Development	
27 - Sơn Lôi Dì Nuôi Entretien Nourishing		46- Tuy Phong Tinh Tinh-ting Conscience	62-Lôi Sơn T.Quá Nhỏ hơn. Việc nhỏ cố quá, quá chút dĩnh Passage de ce qui est petit Conscientiousness
28- Ph Trach Trg Phu Tin trong lòng Sincérité centrale Insight			61 - Tr. Ph Đai Quá Thái Quá Passage de ce qui est grand Excess
29- Thuần Khiêm Hàm . Hàm hiểm Pratique du danger The abyss			Hoa Thanh Viết phiên sang như sau chim sương
30 - Thuần Ly Lửa, văn minh, lè thuộc Rayonnement The clinging			Hoa Khuynh Hoa duyên

31- Thuần Chiết
Chiết-Đông
chiết-đông

32- Thuần Cân
Cân-Đông
chiết-đông

		37- Phg H. GNhán @ Người nhà Homme du clan Family	50- Hoa Phong Dinh Cái vạc Le vase à offrande Cosmic Order
		38-HòaTrach Khuê * Ngang trái. Ly dị Désunion Opposition	49. Trạch Hòa Cách Cải cách La mae Changing
		31-Trach Sơn Hàm Giao cảm. Cầm Union Attraction	41- Sơn Trach Tốn Tốn thất Décroissance Decrease

Duy Lý phương Tây & Minh Triết phương Đông
trên Hình Vuông Mặt Trời

BỐN Ô TƯ TƯỢNG & KIẾN 34, 03, 27, 28 TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI
 TƯỢNG ỨNG VỚI Ô KIẾN - THIỀN I CỦA BÁT QUÁI TIỀN THIỀN,
 CÁC KỶ NGUYỄN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MINH (III)

34		03	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
I \otimes I	— — — — — —	J \otimes I	— — — — — —
I \otimes G _B Vật lý Hạt cơ bản I n, p (Δ^+ , Δ^0) Vật lý Hạt cơ bản ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 02, 27 Thiên Cơ Thái Ất III cục 64, 65	J \otimes G _B Vật lý Hạt cơ bản I A, A' (β^- , δ^0) Vật lý Hạt cơ bản ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 25, 26 Thiên Cơ Thái Ất III cục 41, 42
QUẢI 10,49 ĐTRANG 54, 53 Nhân Văn Dịch	NU 09, THÁI 11, 10 Nhân Văn Dịch		
Aspn Sinh Mã Di Truyền	Thr Sinh Mã Di Truyền		
Khôn 5, KIM, 3/6, Khôn 6, M/K, 7/6 LUÂN XA 6 Tâm Linh Dịch	Khôn 7, Ng/Ng, 5/6 Khôn 4, Ng/Ng, 2/6 LUÂN XA 5 CHẨN LINH Tâm Linh Dịch		
27		28	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
I \otimes I	— — — — — —	J \otimes I	— — — — — —
I \otimes G _B Vật lý Hạt cơ bản I K ⁺ , K ⁻ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 50, 51 Thiên Cơ Thái Ất III cục 16, 17	J \otimes G _B Vật lý Hạt cơ bản I K ⁰ , K ⁰ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 01, 03 Thiên Cơ Thái Ất III cục 18, 40
THIỀN 01, ĐẠI HỮU 14,18 Nhân Văn Dịch	TIỂU SÙC 43,14, BBI SÙC 10,22 Nhân Văn Dịch		
Lys Sinh Mã Di Truyền	Thr Sinh Mã Di Truyền		
Kiến 1, Thủ, 6/6 Kiến 8, Thủ, 8/6 LUÂN XA 7, HARA Tâm Linh Dịch		Tổn 2, T/H, 4/6 Cẩn 3, H/T, 8/6 LUÂN XA 4 Tâm Linh Dịch	

Duy Lý phương Tây & Minh Triết phương Đông
trên Hình Vuông Mặt Trời

BỐN Ố TƯ TƯỞNG & KHÔN 12, 09, 02, 33 TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI
 TƯỞNG ỨNG VỚI Ô KHÔN - ĐỊA CỦA BẤT QUÁI TIỀN THIÊN
 CÁC KỶ NGUYỄN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MINH (III)

12		09	
TÂY	DÔNG	TÂY	DÔNG
Duy lý	Minh Triết	Duy lý	Minh Triết
I \otimes ke	— —	k \otimes ke	— —
	— —		— —
	— —		— —
	— —		— —
I \otimes G₆ Vật lý Hạt cơ bản 1 K ⁻² , K ⁰	Thiên Cơ Thái Ất II cục 64, 66	k \otimes G₆ Vật lý Hạt cơ bản 1 K ⁻¹ , K ⁺	Thiên Cơ Thái Ất II cục 41, 42
Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất III cục 46, 48	Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất III cục 23, 24
	TÙY 48, 16 BỊ 16, 12 Nhân Văn Dịch		TÙ 08, 20, BỊA 02 Nhân Văn Dịch
Cys Sinh Mã Di Truyền	Phe Sinh Mã Di Truyền		
	Đồi 3 K/M, 7/2 Chấn 2, M/K, 3/2 LUÂN XA 2 Tâm Linh Dịch		Khôn 8, Thủ, 1/2 Khôn 1 Thủ, 2/2 LUÂN XA 1 HARA Tâm Linh Dịch
02		33	
TÂY	DÔNG	TÂY	DÔNG
Duy lý	Minh Triết	Duy lý	Minh Triết
I \otimes ke	— —	j \otimes ke	— —
	— —		— —
	— —		— —
	— —		— —
I \otimes G₆ Vật lý Hạt cơ bản 1 Δ, Δ' (Δ', Δ ⁰)	Thiên Cơ Thái Ất II 16, 17	j \otimes G₆ Vật lý Hạt cơ bản 1 Δ, Δ (Δ', Δ'')	Thiên Cơ Thái Ất II cục 18, 40
Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất III cục 70, 71	Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất III cục 22, 72
	BÌ 12, 08, TẦN 33, 37 Nhân Văn Dịch		QUÂN 20, 43 BỊC 23, 08 Nhân Văn Dịch
Tryp. Stagnation	Sinh Mã Di Truyền	Leu Sinh Mã Di Truyền	
	Kiến 4, Ng/Ing, 6/2 Kiến 7, Ng/Ing, 9/2 LUÂN XA 3 CHÂN LINH Tâm Linh Dịch		Kiến 5, H/T, 4/2 Kiến 6, Thủ, 8/2 LUÂN XA 4 Tâm Linh Dịch

BỐN Ô TỨ TƯƠNG \otimes LY 20, 24, 3, 23, 19, 17 TRÊN HVMT TƯƠNG ỨNG VỚI Ô LY - HÓA 3
CÁC KÝ NGUYỄN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MINH (III)

20		24	
TÂY Duy lý	DÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	DÔNG Minh Triết
$j \otimes e$	— — — — — —	$i \otimes e$	— — — — — —
$j \otimes g_7$ Vật lý Hạt cơ bản 1 $\Sigma^+, \Sigma^0, \Sigma^-$ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 04, 54 Thiên Cơ Thái Ất III cục 36, 58 GIA NHẨN 37, 45 - BÍ 24 Nhân Văn Dịch	$i \otimes g_7$ Vật lý Hạt cơ bản 1 D^+, D^0 Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 52, 53 Thiên Cơ Thái Ất III cục 34, 35 BINHÂN 13, 17 THỦY 30 Nhân Văn Dịch
<i>Pro</i> Sinh Mã Di Truyền	<i>Glu</i> Sinh Mã Di Truyền		
Vị, TÂM BẢO Tổn 3, H/T, 4/9, MT, QM Giải Khả, Khúc Trạch Cẩn 2, T/H, 8/9, BT, ĐO Nội Dịch, Lao Cung Đóng Y Dịch			Vị, TÂM BẢO Ly 8, NghNg, Thủ, 6/9 Phong Long, Khích Môn Ly 1, Thủ, 9/9 Túc Tam Lý Đóng Y Dịch CHÂN LINH Tâm Linh Dịch
19		17	
TÂY Duy lý	DÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	DÔNG Minh Triết
$k \otimes e$	— — — — — —	$i \otimes e$	— — — — — —
$k \otimes g_7$ Vật lý Hạt cơ bản 1 $\Sigma^+, \Sigma^0, \Sigma^-$ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 05, 06 Thiên Cơ Thái Ất III cục 59, 60 KỶ TẾ 63, MINH DI 38,38 Nhân Văn Dịch	$i \otimes g_7$ Vật lý Hạt cơ bản 1 D^+, D^0 Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 28, 30 Thiên Cơ Thái Ất III cục 10, 11 CÁCH 49,34, PHONG 55 Nhân Văn Dịch
<i>Pro</i> Sinh Mã Di Truyền	<i>Hia</i> Sinh Mã Di Truyền		
Vị, TÂM BẢO Khâm 7, Ng/Ing, 2/9 Nội Quan, Điều Khí Khâm 4, Ng/Ing, 1/9, MT, KH Hâm Cốc, Đại Lăng Đóng Y Dịch HARA Tâm Linh Dịch			Vị, TÂM BẢO Khâm 5, K/M, J/9, GT, AM Lê Doâi, Trung Xung Khâm 6, M/K, 3/9, CD, TS Xung Dương, Gian Sù Đóng Y Dịch

Duy lý phanou, Tỷk & Minh Triết phương Đông
 BỐN Ô TỨ TƯƠNG ⊗ KHẨM 13, 23, 18, 14 TRÊN HVMT TƯƠNG ỨNG VỚI Ô KHẨM - THỦY 6
 CÁC KỶ NGUYÊN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MÌNH (III)

13		23	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
$j \otimes k$	— — — — — —	$i \otimes k$	— — — — — —
$j \otimes G_3$ Vật lý Hạt cơ bản 1 D^0, \bar{D}^0 Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 19, 21 Thiên Cơ Thái Ất III cục 14, 38 HOÀN 59,47, MÔNG 83 Nhân Văn Dịch	$i \otimes G_3$ Vật lý Hạt cơ bản 1 Σ^0, Σ^0 Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 68, 69 Thiên Cơ Thái Ất III cục 13, 15 TUNG 05, VI TẾ 84 Nhân Văn Dịch
<i>Val. Sinh Mã Di Truyền</i>		<i>Gly Sinh Mã Di Truyền</i>	
TIỂU TRƯỜNG, THÂN Ly 5, H/T, BT, NT, QĐ Dương Cốc, Âm Cốc Ly 6, T/N, 4/1, BT, DM Tiền Cốc, Nhâm Cốc Đóng Y Dịch		TIỂU TRƯỜNG, THÂN Ly 7, Ng/Ng, 6/1 Chí N hánh, Thủy Tuyền Ly 1, Thủ, 9/ 1, MN, KT Lau Khê, Thái Khê Đóng Y Dịch HARA Tâm Linh Dịch	
18		14	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
$k \otimes k$	— — — — — —	$i \otimes k$	— — — — — —
$k \otimes G_3$ Vật lý Hạt cơ bản 1 D^0, \bar{D}^0 Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 43, 44 Thiên Cơ Thái Ất III cục 61, 62 TH KHẨM 29, SƯ 07, 19 Nhân Văn Dịch	$i \otimes G_3$ Vật lý Hạt cơ bản 1 Σ^0, Σ^0 Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 45, 20 Thiên Cơ Thái Ất III cục 14, 63 KHẨM 07, 35 GIẢI 49, 39 Nhân Văn Dịch
<i>VVal. Sinh Mã Di Truyền</i>		<i>Gly Sinh Mã Di Truyền</i>	
TIỂU TRƯỜNG, THÂN Khâm 1, Thủ, 1/1 Tiểu Hải Khâm 8, Thủ, 2/1 Chiểu Hải, Dương Lão Đóng Y Dịch CHÂN LINH I Tâm Linh Dịch		TIỂU TRƯỜNG, THÂN Đoài 2, K/M, 3/1, GD/AS Thiểu Thạch, Dũng Tuyền Chân 3, M/K, 7/1, CT, TM Uyển Cố, Phục Lực Đóng Y Dịch	

Duy Lý phương Tây & Minh Triết phương Đông
trên Hình Vuông Mặt Trời

BỐN Ô TỰ TƯỞNG 15, 16, 21, 21 TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI
 TƯỢNG ỨNG VỚI Ô TRUNG CUNG 9 CỦA BẤT QUÁI TIỀN THIÊN
 CÁC KỶ NGUYỄN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MINH (III)

15		16	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
I ⊗ I	— —	J ⊗ J	— —
Vật lý Hạt cơ bản 1 p ⁰ , n _c	Thiên Cơ Thái Ất II cục 31, 11	Vật lý Hạt cơ bản 1 p ⁰ , J ⁰ ψ	Thiên Cơ Thái Ất II cục 49, 65
Vật lý Hạt cơ bản 2 n ⁰ , n _c	Thiên Cơ Thái Ất III cục 32, 50, 30	Vật lý Hạt cơ bản 2 J ⁰ , J _c	Thiên Cơ Thái Ất III cục 47
THÁI DƯƠNG		THIẾU ÂM	
Thịnh		Suy	
21		22	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
I ⊗ J	— —	K ⊗ J	— —
Vật lý Hạt cơ bản 1 k ⁰ , J ⁰ ψ	Thiên Cơ Thái Ất II cục 29, 67	Vật lý Hạt cơ bản 1 k ⁰ , J ⁰	Thiên Cơ Thái Ất II cục 13, 47
Vật lý Hạt cơ bản 2 n _c , J ⁰	Thiên Cơ Thái Ất III 12, 13, 66	Vật lý Hạt cơ bản 2 J ⁰ , J _c	Thiên Cơ Thái Ất III cục 68
THIẾU DƯƠNG		THÁI ÂM	
Thành		Hủy	

BỐN Ô TỰ TƯỢNG @ DOÀI 01, 32, 30, 08 TRÊN HVMT TG ỦNG VỚI Ô DOÀI - TRẠCH 2
CÁC KỶ NGUYỄN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MINH (III)

01		32	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
$I \otimes i$	— — — — — —	$J \otimes j$	— — — — — —
$I \otimes G_1$ Vật lý Hạt cơ bản 1 $= \frac{0}{e}, = \frac{0}{e}$	Thiên Cơ Thái Ất II cục 61, 62	$J \otimes G_1$ Vật lý Hạt cơ bản 1 $= \frac{0}{e}, = \frac{0}{e}$	Thiên Cơ Thái Ất II cục 37, 39
Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất III 05, 06	Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất III 04, 54
TIẾT 08, 48 LÂM 19,44 Nhân Văn Dịch			TR PHỤ 28, TÂN 41,31 Nhân Văn Dịch
LLeu Sinh Mã Di Truyền		Met LLeu Sinh Mã Di Truyền	
DẠI TRƯỜNG, TÝ Khôn 3, H/7, 2/7 Công Tôn, Ôn Lưu Khâm 2, T/7, 1/7 BT/ĐH Nhị Gian, Đại Đô Đóng Y Dịch		DẠI TRƯỜNG, TÝ Cần 7, M/K/7, CT, TM Hợp Cát, Thương Khâu Cần 4, K/7 M/7, GT, AD Thị Dương, Âm Bạch Đóng Y Dịch	
30		08	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
$I \otimes i$	— — — — — —	$I \otimes i$	— — — — — —
$I \otimes G_1$ Vật lý Hạt cơ bản 1 $= \frac{0}{e}, = \frac{0}{e}$	Thiên Cơ Thái Ất II cục 63, 38	$I \otimes G_1$ Vật lý Hạt cơ bản 1 D^0, D^{+}	Thiên Cơ Thái Ất II cục 14, 15.
Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất III 28, 29	Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất III 52, 53
TR DOÀI 08, 0 MUỘI 34,80 Nhân Văn Dịch			LÝ 44, 13, KHẨU 38,48 Nhân Văn Dịch
Ser Sinh Mã Di Truyền		Arg Sinh Mã Di Truyền	
DẠI TRƯỜNG, TÝ Đoài 1, Thổ, 7/7, Khúc Trì Đoài 8, Ng/ Ng, 3/7, Tân Gian, Thái Bạch Đóng Y Dịch		DẠI TRƯỜNG, TÝ Cần 6, T/7, 6/7 Thiên Lịch, Lão Cát Cần 5, H/7, 9/7 Dương Khê, Âm Lăng Tuyền Đóng Y Dịch	

847 823

BỐN Ô TỨ TƯƠNG @ CẤN 29, 25, 05, 36 TRÊN HỘM TƯƠNG ỨNG VỚI Ô CẤN - SƠN 7
CÁC KỶ NGUYÊN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MINH (III)

29		25	
TÂY	ĐÔNG	TÂY	ĐÔNG
Duy lý	Minh Triết	Duy lý	Minh Triết
I ⊗ je	— —	J ⊗ je	— —
I ⊗ G _s Vật lý Hạt cơ bản 1 D ₁ , D ₂ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ât II cục 07, 08 Thiên Cơ Thái Ât III cục 25, 26	J ⊗ G _s Vật lý Hạt cơ bản 1 E, E ⁺ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ât II cục 55, 57 Thiên Cơ Thái Ât III cục 01, 03
RIÊN 39, AB KHIỂN 15,11 Nhân Văn Dịch		TIỆM 33,59 TH CẤN 52 Nhân Văn Dịch	
LLeu Sinh Mã Di Truyền	Mel LLeu Sinh Mã Di Truyền		
BẮNG QUANG, PHỄ Đoài 5, K / M, 1/8, GHT, AH CH Âm, Thiếu Thương Đoài 6, M / K, 2/8 Liệt Khuỷt, Thần Mech Đồng Y Dịch	BẮNG QUANG, PHỄ Cấn 8, Ng Ng, 4/8, MT, KM Thúc Cối, Thủ Uyên Cấn 1, Thủ Bố Uy Trung Đồng Y Dịch		
05		36	
TÂY	ĐÔNG	TÂY	ĐÔNG
Duy lý	Minh Triết	Duy lý	Minh Triết
I ⊗ je	— —	I ⊗ je	— —
I ⊗ G _s Vật lý Hạt cơ bản 1 E, E ⁺ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ât II cục 32, 33 Thiên Cơ Thái Ât III cục 49, 51	I ⊗ G _s Vật lý Hạt cơ bản 1 E, E ⁺ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ât II cục 09, 56 Thiên Cơ Thái Ât III cục 02, 27
BỐN 53,54; LỬ 58 Nhân Văn Dịch	HẨM 31,41 TIẾU QUẢ 82 Nhân Văn Dịch		
Ser Sinh Mã Di Truyền	Arg Sinh Mã Di Truyền		
BẮNG QUANG, PHỄ Kiến 3, K / M, 6/8 Phi Dương, Khổng Tối Ly 2, M / K, 9/8, CN, TT Kinh Cốt, Kinh Cử Đồng Y Dịch	BẮNG QUANG, PHỄ Đoài 4, H / T, 7/8, NT, QM Côn Lôn, Xích Trạch Đoài 7, TH H, 3/8, BD, DS Thông Cốc, Mぐ Tế Đồng Y Dịch		

ĐỒNG TƯ TƯỞNG VỚI CHẨN 10, 26, 31, 04 TRÊN HVTM TƯƠNG ỨNG VỚI Ô CHẨN - LỜI 4

CÁC KÝ NGUYỄN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MINH (III)

10		36	
TÂY Duy lý	DÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	DÔNG Minh Triết
I ⊗ ie	— — — — — —	I ⊗ ie	— — — — — —
I ⊗ G ₄ Vật lý Hạt cơ bản I E ⁺ , E ⁻ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 34, 35 Thiên Cơ Thái Ất III cục 67, 69 V.TỰNG 17,21, PHÈ HẠP 23 Nhân Văn Dịch	I ⊗ G ₄ Vật lý Hạt cơ bản I x ⁺ , p ⁻ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 10, 12 Thiên Cơ Thái Ất III cục 02, 27 TỰ 25, THCHẨN 51 Nhân Văn Dịch
Arg Sinh Mã Di Truyền	BỐM, TÂM Tổn 5, H/T, 6/3 Quang Minh, Tam Âm Giao Chẩn 1, T/H, 9/3, Hiệp Khê, Thương Phủ Đóng Y Dịch	Arg Sinh Mã Di Truyền	BỐM, TÂM Khâm 3, H/T, 1/3, NT, QH Dương Phụ, Thiếu Hải Khôn 2, T/H, 2/3 Thông Lý, Ngoại Khâu Đóng Y Dịch
31	04		
TÂY Duy lý	DÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	DÔNG Minh Triết
J ⊗ ie	— — — — — —	k ⊗ ie	— — — — — —
J ⊗ G ₄ Vật lý Hạt cơ bản I Ω ⁰ , Ω ⁺ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 36, 58 Thiên Cơ Thái Ất III cục 01, 03 ICH 42,32 BI 27 Nhân Văn Dịch	k ⊗ G ₄ Vật lý Hạt cơ bản I Ω ⁰ , Ω ⁺ Vật lý Hạt cơ bản 2 ?	Thiên Cơ Thái Ất II cục 59, 60 Thiên Cơ Thái Ất III cục 25, 26 THUẬT, ĐA PHỤC 24,87 Nhân Văn Dịch
Lieu Sinh Mã Di Truyền	BỐM, TÂM Tổn 4, KM, 4/3, GT, AM Khiếu Âm, Th Xung Tổn 7, M/K, 8/3, CT, TD Khâu Hư, Linh Dao Đóng Y Dịch	LLieu Sinh Mã Di Truyền	BỐM, TÂM Đoài 4, H/T, 7/8, NT, QM Côn Lôn, Xích Trạch Đoài 7, T/H, 3/8, BD, DS Thông Cốc, Mgar Té Đóng Y Dịch

840 825

BỐN Ô TỨ TƯƠNG \otimes TỔN 35, 06, 11, 07 TRÊN HVMT TƯƠNG ỨNG VỚI Ô TỔN - PHONG

5

CÁC KỶ NGUYỄN THÁI ÂM (II) VÀ DƯƠNG MINH (III)

TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
$I \otimes j$	— —	$I \otimes j$	— —
$I \otimes G_2$ Vật lý Hạt cơ bản 1 $\Omega^+ \Omega^-$	Thiên Cơ Thái Ât II cục 70, 71 Thiên Cơ Thái Ât III cục 31, 33	$I \otimes G_2$ Vật lý Hạt cơ bản 1 $\Omega^+ \Omega^-$	Thiên Cơ Thái Ât II cục 46, 48 Thiên Cơ Thái Ât III cục 09, 56
CẤU 09, 56 BÌNH 58, 33 Nhân Văn Dịch			B QUÀ 81, HÀNG 32, 42 Nhân Văn Dịch
Gia Sinh Mã Di Truyền		Asp Sinh Mã Di Truyền	
TAM TIÊU CAN Kiến 2, M/K, 6/4 Ngoại Quan, Trung Đô Ly 3, K/M, 9/4, GN, AT Quan Xung, Đại Đô Đóng Y Dịch		TAM TIÊU CAN Chấn 7, T/H, 7/4, BT, DM Địch Môn, Hành Gian Chấn 4, H/T, 3/4, ND, QS Chi Cầu, Khúc Tuyền Đóng Y Dịch	
II		07	
TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết	TÂY Duy lý	ĐÔNG Minh Triết
$J \otimes j$	— —	$k \otimes j$	— —
$J \otimes G_2$ Vật lý Hạt cơ bản 1 π^+, ρ^+	Thiên Cơ Thái Ât II cục 22, 72 Thiên Cơ Thái Ât III cục 55, 57	$k \otimes G_2$ Vật lý Hạt cơ bản 1 Σ^+, Σ^{++}	Thiên Cơ Thái Ât II cục 23, 24 Thiên Cơ Thái Ât III cục 07, 08
TH TỔN 57, CỔ 26 Nhân Văn Dịch			TÌNH 48, 38, THẮNG 45, 15 Nhân Văn Dịch
Ala Sinh Mã Di Truyền		Ala Sinh Mã Di Truyền	
TAM TIÊU CAN Tổn 1, Thủ, 4/4 Thiên Tinh		TAM TIÊU CAN Chấn 6, M/K, 1/4, CT, TH Đường Trì, Trung Phong Chấn 5, K/M, 2/4, Lỗi Cầu, Hội Tông Đóng Y Dịch	

850 826

ĐẠI SỐ OCTONION CÁC SỰ KIỆN & KINH DỊCH ĐÔNG PHƯƠNG TRUYỀN THÔNG

Phần I PHỐI HỢP CÁC SỰ KIỆN

DẶT VẤN ĐỀ

Chúng ta đã giới thiệu cơ cấu toán học khái quát của đại số Quaternion - Tứ Tượng và Octonion - Bát quái, nhưng chưa đưa ra những bài toán và các giải đáp tương ứng.

Nói chính xác hơn, chúng ta chỉ mới nói đến phép nhân các quẻ đơn giản, tức là các quẻ riêng rẽ thuộc hệ thống 64 quẻ Văn Vương chẳng hạn, mà chúng ta chưa hề nói đến phép cộng các quẻ trên trường số thực hay số phức.

Tuy vậy, các quẻ đơn giản chỉ nói tới một trạng huống thuần túy, như trạng huống bế tắc với quẻ Bì, trạng huống phục - trở về với quẻ Phục, trạng huống cộng đồng với quẻ Đồng nhân... Nhưng trên thực tiễn, các trạng huống là khá phức tạp, *mỗi trạng huống nói chung là một tổng hợp nhiều trạng huống đơn với những hệ số khác nhau*.

Ví dụ. Tổ hợp tuyển tính

$$\alpha \text{ Ký Té} + \beta \text{ Vị Té} = \alpha (k/e) + \beta (e/k), \alpha, \beta \text{ thuộc trường } C,$$

trò một trạng huống có tính hoàn thành với hệ số α , nhưng vẫn còn mang tính chưa hoàn thành với hệ số β .

Vậy chương này có mục đích tìm các phương hướng nghiên cứu các cách xử lý nói chung đối với các trạng huống như thế. Nói chung, đó là những mối quan hệ giữa các trạng huống có tính chất khác nhau về nhiều mặt :

- * Trạng huống xuất phát hay đầu |In>.
- * Trạng huống đích hay cuối |Out>.
- * Trạng huống tác động |Act>.

891 822

				32- Lời Phong Hằng Lâu dài Permanence Enduring	42- Phong Lợi Ích * Thêm vào Accroissement Increase
				47- Trạch Thủy Khốn Khốn cùng. Khốn khổ Morceau Adversity	60- Thủy Trạch Tiết* Hạn chế. Tiết chế Limite Limitation
				48- Thủ Phong Tình Giếng Le puits The source	59 - Ph. Thủ Hoán Lila tan. Tan tác Epuisement Dispersion
				35- Hòa Địa Tán* Tiến dần. Tiến lên S'élever Progress	36 - Địa Hòa M..Di Tồn tại Blessure de la lumière Censorship
				63- Th.Hoa Ký Té @ Sự đã thành Déjà fini After completion	64- Hoà Thủ Vị Té Việc chưa xong Pas encore fini Before completion
				57- Thuần Tôn Và-huân, nhập vào Soumission Penetration influence	58- Thủ Sản Doài. Vui. Hoà duyệt Joie The joyous
				51- Thuần Chấn Chấn Động L'embranlement Shocking	52- Thuần Cản Ngăn chặn L'arrêt concerne le dos Keeping still

CHÚ Ý VỀ KÝ HIỆU

@ Ký hiệu về các biểu tượng Chân Thiện Mỹ phi truyền thống (bảng XXIII = 1).

* Ký hiệu Ma Quỷ phi truyền thống(bảng = 4).

(+) Ký hiệu về các biểu tượng Tôn giáo (Phật,Lão,Khổng).

783-749

Về mặt toán học chúng ta có hai dạng:

A. DẠNG TRỰC TIẾP : Biết được

$$|Int > \diamond |Act >$$

hãy tính $|Out >$.

B. DẠNG NGƯỢC : Biết được

$$|Int > \text{ và } |Out >,$$

hãy tìm tác động $|Act >$, sao cho

$$|Int > \diamond |Act > = |Out >, |Act > là ẩn..$$

Sau này, chúng ta sẽ thăm dò phương pháp giải trên hai mặt:

- Thuật toán,
- Tình logic.

A. DẠNG XUỐI, PHỐI HỢP CÁC Ô CỦA HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI.

CHO $|Int > \diamond |Act >$.

TÌNH $|Out >$

Dạng xuôi này rất là đơn giản, xem các ví dụ cụ thể sau.

Tình Cả		Còn Lại	
		14, 15	
Thứ 2	Vùng Cảnh	Thứ 3	Vùng Khoảng
Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
	Thứ 6	Thứ 7	Thứ 8
Tình Vợ		Còn Lại	
		Người	Người
Đàn	Còn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn		Còn Lại	
		Đàn	Đàn
Đàn	Đàn	Đàn	Đàn
		Đàn	Đàn
Đàn			

VĨ DỤ 1

	14 Thiếu Dương \diamond \otimes Khâm = = $i \otimes k$	20 Thiếu Âm \diamond \otimes Ly = = $j \otimes e$	09 Thái Âm \diamond \otimes Khôn = = $k \otimes ke$
<i>Dòng Y</i> HUYỆT	3/1 Thiếu Thạch, Dg Tuyền 7/1 Uyển Cốt, Phục Lưu	4/9 Giải Kh., Khúc-Trach 8/9 Nội Định, Lão Cung	
<i>Tâm Linh</i> HARA, CHÂN LINH			HARA Luân Xa I
<i>Thiền Cơ</i> THÁI ÂT THÁI ÂM	Cục (+) 45, 20 VXg :Cấn- Đoài Thiếu Dương 8 TATA-KHÂM	Cục (+) 04, 54 VXg :Kiên - Khôn Thiếu Âm 2 TATA - LY	Cục (+) 41, 42 VXg :Kiên - Hợi Thái Âm 7 T TA- KHÔN
<i>Thiền Cơ</i> THÁI ÂT DƯƠNG MINH	Cục (+) 14, 63 VXg :Cấn- Tốn Thiếu Dương 6 TADM -KHÂM	Cục (+) 36, 58 VXg :Khôn - Kiên Thiếu Âm 4 TADM -LY	Cục (+) 23, 24 VXg : Kiên - Hợi Thái Âm. 9 TADM - KHÔN
<i>Nhân Văn</i> BỊCH	Khấn 47, 35 Giải 40, 39	\diamond Gia Nhàn 37, 45 Bí 24	= Tý 08, 20 Địa 02
<i>Mé Di</i> Trayek BỊCH	Gly	\diamond Pro	= Phe

BẢNG DÔNG Y, TÂM LINH, THIỀN CƠ, NHÂN VĂN, DI TRUYỀN
ĐẲNG CẤU VỚI NHAU TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI
Ký hiệu .TADM : Thái Ât Dương Minh & TATA : Thái Ât Thái Âm

863 829

VÍ DỤ II

	10 Thái Dương	08 Thái Dương	24 Thái Dương
	◊ ⊗ Chấn = = 1 ⊗ ie	◊ ⊗ Đoài = = 1 ⊗ i	⊗ Ly = = 1 ⊗ e
Dông 9 HỘ TẾT	6/3 Qg Minh, T Âm Giao 9/3 Hiệp Khê, Th. Phủ	6/7 Thiên Lịch, Lật Cốc 9/7 Đg Khê, Âm Lg Tuyến	
Tâm Linh HARA, CHÂN LINH			CHÂN LINH
Thiên Cơ THÁI ÂT THÁI ÂM	Cục (+) 34, 35 VXg : Mùi, Khôn Thái Dương 4 TATA - CHẨN	◊ Cục (+) 14, 15 VXg : Tị, Ngọ Thái Dương 6 TATA - DOÀI	Cục (+) 52, 53 VXg : Mùi, Khôn Thái Dương 2 TATA - LY
Thiên Cơ THÁI ÂT DƯNG MINH	Cục (+) 67, 69 VXg : Thìn, Tị Thái Dương 8 TADM - CHẨN	◊ Cục (+) 52, 53 VXg : Ly, Mùi Thái Dương 2 TADM - DOÀI	Cục (+) 34, 35 VXg : Ly, Mùi Thái Dương 4 TADM - LY
Nhân Văn DỊCH	V.Vọng 17, 21 Phê Hợp 23	◊ Lý 48, 13 Khuê 38, 46	Đg Nhân 19, 17 Th.Ly 30
Mã Di Trayea DỊCH	Arg	◊ Arg	Glu

BẢNG ĐÔNG Y, TÂM LINH, THIÊN CƠ, NHÂN VĂN, DI TRUYỀN

DẤNG CẤU VỚI NHAU TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

Ký hiệu .TADM : Thái Ât Dương Minh & TATA : Thái Ât Thái Âm

Quan hệ Trung cung và Ký nguyên Thái Âm

Quan hệ Trung cung, Ký nguyên Thái Âm

15 I \otimes I Cục (+) 31, 11 <i>V Xg : Tốn, Chấn ở CĂN</i> <i>Thái Dương</i> 3 TATA - CĂN & 3 TATA - CHẨN \Rightarrow <i>Thái Dương</i> \otimes CHẨN * & <i>Tai Yang</i> \otimes CĂN ++	16 J \otimes I Cục (+) 49, 65 <i>V Xg : Tốn, Chấn ở</i> <i>Thiếu Âm</i> 1 TATA - KIẾN & 7 TATA - KHÔN \Rightarrow <i>Thiếu Âm</i> \otimes KIẾN & <i>Thiếu Âm</i> \otimes KHÔN
21 I \otimes I Cục (+) 29, 67 <i>V Xg : Tốn, Chấn ở</i> <i>Thiếu Dương</i> 2 TATA - LI & 8 TATA - KHẨM \Rightarrow <i>Thiếu Dương</i> \otimes LY & <i>Thiếu Dương</i> \otimes KHẨM	22 K \otimes I Cục (+) 13, 47 <i>V Xg : Tốn Chấn ở</i> <i>Thái Âm</i> 5 TATA - DOÀI & 9 TATA - TỐN \Rightarrow <i>Thái Âm</i> \otimes DOÀI & <i>Thái Âm</i> \otimes TỐN

QUAN HỆ TẠI TRUNG CUNG

(Thiếu Dương \otimes Ly) \diamond (Thái Âm \otimes Doài) \diamond

\diamond (Thiếu Âm \otimes Kiến) \diamond (Thái Dương \otimes Chấn) \approx **THÁI DƯƠNG \otimes KIẾN = ĐƠN VỊ ***,
 hay

(i \otimes e) \diamond (k \otimes i) \diamond (j \otimes I) \diamond (1 \otimes ie) \approx 1 \otimes I = ĐƠN VỊ *

và

(Thiếu Dương \otimes Khâm) \diamond (Thái Âm \otimes Tốn) \diamond

\diamond (Thiếu Âm \otimes Khôn) \diamond (Thái Dương \otimes Căn) \approx **THÁI DƯƠNG \otimes KIẾN = ĐƠN VỊ **.**
 hay

(i \otimes k) \diamond (k \otimes j) \diamond (j \otimes ke) \diamond (1 \otimes je) \approx 1 \otimes I = ĐƠN VỊ **

Quan hệ Trung Cung cho Ký Nguyên Dương Minh

VAI TRÒ CỦA ĐIỀU KIỆN

Thái Âm trước 15 I ⊗ I Thái Âm & Thái Dương có các cặp số Cực (+) 32, 50, 30 Văn Xương : Tốn, Tốn, Chấn ở Thái Dương 3 TADM- TỐN & 1 TADM- CĂN & 2 TADM- DOÀI = (a) Thái Dương ⊕ DOÀI & (b) Thái Dương ⊕ TỐN & (c) Thái Dương ⊕ CĂN. <i>Lưu ý: & Khoa</i>	16 J ⊗ I Thái Âm & Dương & Khoa Thái Âm & Thái Dương ⊕ Kiến, có Cực (+) 47 Văn Xương : Dần ở Thiếu Âm 9 TADM- KHÔN → Thiếu Âm ⊕ KHÔN
21 I ⊗ I Cực (+) 13, 12, 66 Văn Xương : Thìn, Chấn, Chấn ở Thiếu Dương 6 TADM- KHẨM & 4 TADM- LY & 7 TADM- KIẾN = (α) Thiếu Dương ⊕ KHẨM & (β) Thiếu Dương ⊕ LY & (γ) Thiếu Dương ⊕ KIẾN	22 K ⊗ I Cực (+) 68 Văn Xương : Tốn ở Thái Âm 8 TADM- CHẤN → Thái Âm ⊕ CHẤN

QUAN HỆ TẠI TRUNG CUNG DƯƠNG MINH

(tương tự như trong trường hợp Trung Cung Thái Âm trước)

Ta có

$$(((Khâm (\alpha) \diamond Doài (\alpha)) \diamond Khôn) \diamond Chấn) \sim KIẾN.$$

$$(((Ly (\beta) \diamond Tốn (\beta)) \diamond Khôn) \diamond Chấn) \sim LY.$$

$$(((Kiến (\gamma) \diamond Cấn (\gamma)) \diamond Khôn) \diamond Chấn) \sim LY.$$

Ta có một Kiến và hai Ly tại Trung Cung Dương Minh.

852 472

VAI TRÒ CỦA ĐƠN VỊ $I \otimes I$, Mã số Mát Trời 27

Vị trí của Thái

Trong Thái Ât Thái Âm, ta có các cục 50, 51, *Sao Thái Ât ở Thái Dương* ⊗ Kiến, cục 01, Trong Thái Ât Thái Âm, ta có các cục 16, 17, *Sao Thái Ât ở Thái Dương* ⊗ Kiến, cục 07

Quid

Tích trực tiếp $\text{Thái Dương} \otimes \text{Kiến E} = \mathbf{I} \otimes \mathbf{J}$, mà các quỹ đồng sinh là

- Thuần Kiến - Trời & Hoả Thiên Đại Hưu.*

Thuần Kiến - Trời & Họa Thiên Đại Hành

Tâm linh

Liang Xie & Heng

Wat er bān

Chưa tính

Pem. 47

DƠN VỊ $E = I \otimes I$ CÓ MỘT Ý NGHĨA HOÀN TOÀN
CƠ BẢN MÀ LẠI THIẾNG LIÊNG

RÈN CỦA ĐƠN VỊ

Căn của đơn vị là :

$\sqrt{E} = a \otimes \Lambda$, $\forall a \in \text{Thái Dương} \& \forall \Lambda \in \text{Kiến}$.

hay

$$\sqrt{-E} = g \otimes A.$$

viii

$a = \text{Thai Dương} \wedge \forall A \neq \text{Kiên} \text{ hay } \forall a \neq \text{Thai Dương} \wedge A = \text{Kiên}$

PHẢI CHÄNG ĐƠN VỊ $E = I \otimes I$ LÀ THƯƠNG ĐẾ SỰ HÀM Ở MŨÔN LOẠI

10

PHÉP NHÂN CÁC TÍCH TRỰC TIẾP . CƠ CHẾ CỤ THỂ ?

HUYỆT VÀ TÂM : $(a \otimes A) \diamond (b \otimes B) = (a \diamond b) \otimes (A \diamond B)$.

Ta thấy nếu a, b : Tứ Tượng ; còn A, B : Bát Quái .

Cách chứng minh :

Theo các kết quả liên quan đến một số ví dụ thuộc Hình vuông Mặt Trời, ta thấy rằng phép nhân trên có một nội dung gồm nhiều mặt cụ thể:

* Phép nhân hai quẻ 5 hào lại cho một quẻ 5 hào thứ ba.

* Phép nhân hai cục lại cho một cục thứ ba.

* Phép nhân hai Axit Amin lại cho một Axit Amin thứ ba.

* Đặc biệt với các huyệt thì phép nhân hai huyệt lại cho một huyệt hay là - trường hợp khá lý thú - cho một Tâm linh (Luân Xa, Chân Linh, Hara).

Vấn đề rõ ràng là phải tìm các cơ chế tương ứng với các phép nhân cụ thể trên.

Về cơ chế

TRƯỜNG HỢP LƯỜI KẾT HÀNG CÙNG KHÔNG VÀ KHÔNG

L Hợp trong bài I ta có đồng với $A_{12} \geq 1$

		L_{12}	L_{13}	L_{23}
nhìn sao hàng	L_{12}	$\text{L}_{12} \otimes \text{L}_{13}$	$\text{L}_{12} \otimes \text{L}_{23}$	$\text{L}_{12} \otimes \text{L}_{13} \otimes \text{L}_{23}$
nhìn sao cột	L_{13}	$\text{L}_{13} \otimes \text{L}_{12}$	$\text{L}_{13} \otimes \text{L}_{23}$	$\text{L}_{13} \otimes \text{L}_{12} \otimes \text{L}_{23}$
nhìn sao điền	L_{23}	$\text{L}_{23} \otimes \text{L}_{12}$	$\text{L}_{23} \otimes \text{L}_{13}$	$\text{L}_{23} \otimes \text{L}_{12} \otimes \text{L}_{13}$

10

HUYỆT VÀ TÂM LINH

Ta hãy xem xét sâu hơn bài toán quan hệ phối hợp giữa huyệt và Tâm Linh.

Có các trường hợp sau :

- * Các phần tử Tâm Linh có liên quan là thuộc cung Kiến của Hình Vuông Mặt Trời.
- * Các phần tử Tâm Linh có liên quan là thuộc cung Khôn của Hình Vuông Mặt Trời.
- * Các phần tử Tâm Linh có liên quan là thuộc cung Ly của Hình Vuông Mặt Trời.
- * Các phần tử Tâm Linh có liên quan là thuộc cung Kǎm của Hình Vuông Mặt Trời.

Sau đây là một số ví dụ để minh họa. Bạn đọc có thể tìm nhiều minh họa khác, dựa vào các bảng của Hình Vuông Mặt Trời.

Ví dụ cụ thể

TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT HAI CUNG KHÔN VÀ KIẾN

(Một trong hai | In > đóng vai | Act >)

		In >	In >	Out >
TRƯỜNG HỢP N1	ke	$i \otimes ke$ LUÂN XA 2	$j \otimes ke$ LUÂN XA 4D	$k \otimes I$ LUÂN XA 5
TRƯỜNG HỢP N2	ke	$j \otimes ke$ LUÂN XA 4D	$k \otimes ke$ LUÂN XA 1	$i \otimes I$ LUÂN XA 6
TRƯỜNG HỢP N3	ke	$k \otimes ke$ LUÂN XA 1	$i \otimes ke$ LUÂN XA 2	$j \otimes I$ LUÂN XA 4

TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT HAI CUNG LY VÀ KHÍEN

		In >	In >	Out >
TRƯỜNG HỢP M1	e	i ⊗ e LÊ DOÀI TRUNG XUNG XUNG DƯƠNG GIẦN SỨ	j ⊗ e GIẢI KHÉ KHÚC TRẠCH NỘI ĐỊNH LA O CUNG	k ⊗ I <i>Luân Xa 5</i> <i>Chân Linh</i>
TRƯỜNG HỢP M2	e	j ⊗ e GIẢI KHÉ KHÚC TRẠCH NỘI ĐỊNH LA O CUNG	k ⊗ e NỘI QUAN ĐIỀU KHẨU HẦM CỐC ĐẠI LĂNG	i ⊗ I <i>Luân Xa 7</i> <i>Hara</i>
TRƯỜNG HỢP M3	e	k ⊗ e NỘI QUAN ĐIỀU KHẨU HẦM CỐC ĐẠI LĂNG	i ⊗ e LÊ DOÀI TRUNG XUNG XUNG DƯƠNG GIẦN SỨ	j ⊗ I <i>Luân Xa 4</i>

II. BÀNG NGỮ NGHĨA CỦA 64 QUÈ HẬU THIÊN (◊, Z)

	KIẾN	DOÀI	TỐN	KHẨM	LỊ	CHẨN	CẨN	KHÔN
KIẾN	<i>j</i> <i>Trỗi</i>	<i>i</i> <i>Lý</i> Lẽ phép	<i>j</i> <i>Cần</i> Gặp gõ	<i>k</i> <i>Tung</i> Kiên cảo	<i>e</i> <i>D.Nhân</i> Công đồng	<i>ie</i> <i>Vô vọng</i> Kg vọng tưởng	<i>je</i> <i>Độn</i> Lui Trốn	<i>ke</i> <i>Bỉ</i> Bế tắc
DOÀI	<i>i</i> <i>Quá</i> Quá quyết	<i>-j</i> <i>T. Doái</i> Vui	<i>k</i> <i>Đại quá</i> Thái quá	<i>-j</i> <i>Khốn</i> Khốn cùng	<i>ie</i> <i>Cách</i> Cài cách	<i>-e</i> <i>Tuỳ</i> Theo	<i>-ke</i> <i>Hàm</i> Giao cầm	<i>je</i> <i>Tuy</i> Tụ hợp
TỐN	<i>j</i> <i>T. súc</i> Chữa góp	<i>-k</i> <i>Trg phu</i> Tin trong lòng	<i>-j</i> <i>Tốn</i> Vào. Thuận	<i>i</i> <i>Hoán</i> Lila tan	<i>je</i> <i>G.Nhân</i> Người nhà	<i>ke</i> <i>Ich</i> Thêm vào	<i>-e</i> <i>Tiệm</i> Tiến dẫn	<i>-ie</i> <i>Quán</i> Xem Quán
KHẨM	<i>k</i> <i>Nhu</i> Ânuong Tứ hì	<i>j</i> <i>Tiết</i> Hạn chiết	<i>-i</i> <i>Tinh</i> Giêng	<i>-i</i> <i>T.Khổm</i> Nước Hảm	<i>ke</i> <i>Ký tế</i> Việc xong	<i>-je</i> <i>Truân</i> Giannan ban đầu	<i>ie</i> <i>Kiến</i> Tai nạn	<i>-e</i> <i>Tỷ</i> Thân gắn
LỊ	<i>e</i> <i>Đại Hữu</i> Có nhiều H.nghi	<i>-ie</i> <i>Khuê</i> Ngang trái	<i>je</i> <i>Dinh</i> Cái vạc	<i>-ke</i> <i>Vị Té</i> Chưa xong	<i>-j</i> <i>Th. Ly</i> Lím À. sáng B. dính	<i>i</i> <i>PhêHap</i> Hợp lại	<i>j</i> <i>Lữ</i> Di xã	<i>k</i> <i>Tấn</i> Tiến dẫn
CHẨN	<i>ie</i> <i>D.Tráng</i> Lớn mạnh	<i>e</i> <i>Q.Muội</i> Về nhà	<i>-ke</i> <i>Hàng</i> Lâu dài	<i>je</i> <i>Gidi</i> Cõi mở	<i>-i</i> <i>Phong</i> Lóm mạnh	<i>-i</i> <i>T.Chán</i> Chán động	<i>-k</i> <i>T.Quá</i> Nhão hơn	<i>j</i> <i>Dư</i> Vui
CẨN	<i>je</i> <i>Đại súc</i> Chùa chất	<i>ke</i> <i>Tốn</i> Tốn thất	<i>e</i> <i>Cổ</i> Sửa lại	<i>-ie</i> <i>Móng</i> Còn non	<i>-j</i> <i>Bí</i> Trang sức	<i>k</i> <i>Đi</i> Nuôi	<i>-j</i> <i>Th.Cẩn</i> Ngân chận	<i>-i</i> <i>Bắc</i> Mòn hết
KHÔN	<i>ke</i> <i>Thái</i> Hạnh thông	<i>-je</i> <i>Lâm</i> Tôi	<i>ie</i> <i>Thăng</i> Lên	<i>e</i> <i>Sư</i> Đám đồng	<i>-k</i> <i>M. Di</i> Tốn hại	<i>-j</i> <i>Phục</i> Trở về	<i>i</i> <i>Khiêm</i> Khiêm nhường	<i>-j</i> <i>Đất</i>

TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT HAI CUNG KHẨM VÀ KIỀN

		In >	In >	Out >
TRƯỜNG HỢP P1	<i>k</i>	<i>i</i> ⊗ <i>k</i> THIẾU THẠCH DÙNG TUYỀN UYỄN CỐT PHỤC LƯU	<i>j</i> ⊗ <i>k</i> DƯƠNG CỐC ÂM CỐC TIẾN CỐC NHIỀN CỐC	<i>k</i> ⊗ <i>I</i> <i>L</i> ⊗ <i>A</i> <i>Luân Xa 5</i> <i>Chân Linh</i> <i>Mara</i>
TRƯỜNG HỢP P2	<i>k</i>	<i>j</i> ⊗ <i>k</i> GIẢI KHÈ KHÚC TRẠCH HỘI ĐÌNH LA O CUNG	<i>k</i> ⊗ <i>k</i> NỘI QUAN ĐIỀU KHẨU HÃM CỐC ĐẠI LÄNG	<i>i</i> ⊗ <i>I</i> <i>L</i> ⊗ <i>A</i> <i>Luân Xa 7</i> <i>Hara</i>
TRƯỜNG HỢP P3	<i>k</i>	<i>k</i> ⊗ <i>k</i> NỘI QUAN ĐIỀU KHẨU HÃM CỐC ĐẠI LÄNG	<i>i</i> ⊗ <i>k</i> LỆ ĐOÀI TRUNG XUNG XUNG DƯƠNG GẦN SỨ	<i>j</i> ⊗ <i>I</i> <i>Luân Xa 4</i>

Với những ví dụ sau đây, ta có thể xác định được trường hợp nào?

Nhưng điều cốt yếu là với những quan hệ luồng này, ta
nhất định phải giúp những hình ảnh đó có thể diễn ra được. Muy giờ,
Luân Xa, *Hara*, *Chân Linh* đều là những hình ảnh phản ứng
trong Nhân Vật, rốt cuộc từ đâu mà chúng xuất phát?

Khắc Phù (S. 27)

80/87

TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT BA CUNG LÝ, KHẨM VÀ KHÔN

		In >	In >	Out >	
	TRƯỜNG HỢP Q1	<i>k, e</i>	<i>i ⊗ k</i> THIẾU THẠCH DÔNG TUYỀN ỦYÊN CỐT PHỤC LƯU	<i>j ⊗ e</i> GIẢI KHÉ KHÚC TRẠCH NỘI ĐỊNH LÀ O CUNG	<i>k ⊗ ke</i> <i>Luân Xa 5</i> <i>Chân Linh</i>
	TRƯỜNG HỢP Q2	<i>k, e</i>	<i>j ⊗ k</i> DƯƠNG CỐC ÂM CỐC TIỀN CỐC NHIỀN CỐC	<i>k ⊗ e</i> NỘI QUAN ĐIỀU KHẨU HÀM CỐC ĐẠI LĂNG	<i>i ⊗ ke</i> <i>Luân Xa 7</i> <i>Hara</i>
	TRƯỜNG HỢP Q3	<i>k, e</i>	<i>k ⊗ k</i> NỘI QUAN ĐIỀU KHẨU HÀM CỐC ĐẠI LĂNG	<i>i ⊗ e</i> LỆ ĐOÀI TRUNG XUNG XUNG DƯƠNG GIÁN SỬ	<i>j ⊗ ke</i> <i>Luân Xa 4</i>

Hướng về một loại Học thuyết Thông nhất lượng tử như
Thuyết Mach Thái Tổ?

Với những ví dụ trên, chúng ta chỉ giới hạn trong nội bộ lĩnh vực hệ Sinh học.

Những liệu có thể tồn tại những quan hệ mang tính Thông
nhất giữa những lĩnh vực khác nhau, như giữa Huyết,
Luân Xa, Hara, Chân Nhân của Sinh học với Nhân cách
trong Nhân Văn, tương tự như trong thuyết

Mach Thái Tổ? [69]

VÍ DỤ TƯƠNG TỰ NHƯ MẠCH THÁI TỐ ?

	In >	In >	Out >
	14 Thiếu Dương ⊕ Khâm $i \otimes k$	20 Thiếu Âm ⊕ Ly $j \otimes e$	09 Thái Âm ⊕ Khôn $k \otimes ke$
<i>Dòng 9</i> HUYỆT DI TRUYỀN & Thiền Cơ Số Mệnh THÁI ÂM THÁI ÂM	3/1 Thiếu Thạch Dũng Tuyền 7/1 Uyển Cốt, Phục Lực Gly	4/9 Giải Khê Khúc Trạch 8/9 Nội Định, Lao Cung Pro	Cục (+) 41. 42 TATA - 7 KHÔN VXg : Kiến - Hợi
<i>Dòng 9</i> HUYỆT DI TRUYỀN & Thiền Cơ Số Mệnh THÁI ÂM THÁI ĐƯỜNG MINH	3/1 Thiếu Thạch Dũng Tuyền 7/1 Uyển Cốt Phục Lực Gly	4/9 Giải Khê Khúc Trạch 8/9 Nội Định Lao Cung Pro	Cục (+) 23. 24 TATA - 9 KHÔN VXg : Kiến - Hợi
<i>Dòng 9</i> HUYỆT DI TRUYỀN & Nhân Cách HUÂN TÂN	3/1 Thiếu Thạch Dũng Tuyền 7/1 Uyển Cốt, Phục Lực Gly	4/9 Giải Khê Khúc Trạch 8/9 Nội Định, Lao Cung Pro	Tỷ 08, 20 Địa 02 Giai

BẢNG 1 LOẠI * MẠCH THÁI TỐ * ?

853. 579

VÍ DỤ II TƯƠNG TỰ NHƯ MẠCH THÁI TỐ?

	In >	In >	Out >
	10 Thái Dương 1 ⊕ Chấn Ie	08 Thái Dương 1 ⊕ Đoài I	24 Thái Dương 1 ⊕ Ly e
Dòng 4 HUYỆT ĐI TRUYỀN & Thiền Cơ Số Mệnh THÁI ÂT THÁI ÂM	6/3 Quang Minh Tam Âm Giao 9/3 Hiệp Khê Thiên Phù Arg	6/7 Thiên Lịch Lâu Cốc 9/7 Dương Khê Âm Lãng Tuyền Arg	Cục (+) 52, 53 TATA - 2 LY VX : Mùi, Khôn <i>Glun</i>
Dòng 4 HUYỆT ĐI TRUYỀN & Thiền Cơ Số Mệnh THÁI ÂT ĐI MINH	6/3 Qg Minh Tam Âm Giao 9/3 Hiệp Khê Thiên Phù Arg	6/7 Thiên Lịch Lâu Cốc 9/7 Dương Khê Âm Lãng Tuyền Arg	Cục (+) 34, 35 TATA - 4 LY VAg : Ly, Mùi <i>Glun</i>
Dòng 4 HUYỆT ĐI TRUYỀN & Nhân Cách NHÂN VĂN	6/3 Quang Minh Tam Âm Giao 9/3 Hiệp Khê Thiên Phù Arg	6/7 Thiên Lịch Lâu Cốc 9/7 Dương Khê Âm Lãng Tuyền Arg	Dòng Nhâm 13,17 Thuần Ly 30

BÀNG II LOẠI "MẠCH THÁI TỐ" ?

TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT HAI CUNG KHÔN & KHÔN VÀ KIỀN

TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT HAI CUNG KHÔN & KHÔN VÀ KIỀN

		In >	In >	Out >
Dòng 4 HUYỆT DI TRUYỀN & Thiền Cơ Số Mệnh Thái Át	ke	I \otimes ke LUÂN XA 2	J \otimes ke LUÂN XA 4D	Không có mặt trong Hình Vuông Mặt Trời
Dòng 4 HUYỆT DI TRUYỀN & Nhân Cách Nhân Văn	ke	I \otimes ke LUÂN XA 2	J \otimes ke LUÂN XA 4D	

		In >	In >	Out >
Dòng 4 HUYỆT DI TRUYỀN & Thiền Cơ Số Mệnh Thái Át	ke	J \otimes ke LUÂN XA 4D	I \otimes ke LUÂN XA 1	I \otimes - J Không có mặt trong Hình Vuông Mặt Trời
Dòng 4 HUYỆT DI TRUYỀN & Nhân Cách Nhân Văn	ke	J \otimes ke LUÂN XA 4D	I \otimes ke LUÂN XA 1	

TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT HAI CUNG KHẨM → LY VÀ KHÔN

		In >	In >	Out >
Dòng 4 HUYỆT DI TRUYỀN & Thiền Cơ Số Mệnh Thái Ất	k,e	j ⊕ k THIỀU THẠCH DŨNG TUYỀN UYỄN CỐT PHỤC LƯU	j ⊕ e GIÁI KHÈ KHÚC TRẠCH NỘI ĐỊNH LÀ O CUNG	k ⊕ ke Thái Ất Thái Âm Cục (+) 41, 42 Thái Ất Dương Minh Cục (+) 23, 24
Dòng 4 HUYỆT DI TRUYỀN & Nhân Cách Nhân Tân	k,e	j ⊕ k THIỀU THẠCH DŨNG TUYỀN UYỄN CỐT PHỤC LƯU	j ⊕ e GIÁI KHÈ KHÚC TRẠCH NỘI ĐỊNH LÀ O CUNG	Đi 08, 20 Địa 20

B. DÒNG NƯỚC

GIẢI PHƯƠNG TRÌNH TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI
TRƯỜNG HỢP LIÊN KẾT HAI CUNG KHẨM → LY VÀ KHÔN

		In >	In >	Out >
Dòng 4 HUYỆT DI TRUYỀN & Thiền Cơ Số Mệnh Thái Ất	k,e	j ⊕ k DƯƠNG CỐC ÂM CỐC TIỀN CỐC NHIÊN CỐC	k ⊕ e NỘI QUAN DIỄU KHẨU HÀM CỐC DAI LĂNG	4 j ⊕ ke Thái Ất Thái Âm Cục (+), 64, 66 Thái Ất Dương Minh Cục (+) 46, 48
Dòng 4 HUYỆT DI TRUYỀN & Nhân Cách Nhân Tân	k,e	j ⊕ k DƯƠNG CỐC ÂM CỐC TIỀN CỐC NHIÊN CỐC	k ⊕ e NỘI QUAN DIỄU KHẨU HÀM CỐC DAI LĂNG	Tuy 46, 16 Đư 16, 12

71a

71

CHƯƠNG LVIII

24

ĐẠI SỐ OCTONION CÁC SỰ KIỆN &
DỊCH ĐÔNG PHƯƠNG TRUYỀN THỐNG
Đoản II GIẢI PHƯƠNG TRÌNH TÂM - SINH - LÝ

B. DẠNG NGƯỢC

GIẢI PHƯƠNG TRÌNH TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

Bây giờ chúng ta chuyển sang bài toán ngược như sau:
Phép tính ngược khá phức tạp, ta hãy lấy vài ví dụ cụ thể.

931 843

Ký hiệu

Phương Trình

$$\mathcal{A} \diamond X = P \quad (I)$$

a,b,c... : Quaternions , Quê 2 hào,

A,B,C... : Octonions, Quê 3 hào.

$\alpha, \beta, \dots \in$ trường số phức C,

Số -1 ở các bình phương $a^2 = -1, B^2 = -1 \dots$ xem là thuộc trường C,

Dấu Âm Ngữ nghĩa-ký hiệu là -s cho Quaternion ,hay -S cho Octonion ,
xem không thuộc trường C :

$-s \notin C, -S \notin C$,

tức là không giản ước được như sau :

$(-S)\alpha \neq -\alpha, (-S_1)(-S_2) \neq (-)(-) = +1$

$$\mathcal{A} = \alpha (a \otimes A) + \beta (b \otimes B) \dots = |In>$$

là trạng thái Tâm- Sinh- Lý

(Nhân cách, Huyệt, Thiên cơ , Số phận ...) đầu, đãi biết,

$$P = |Out>$$

là trạng thái Tâm- Sinh- Lý

(Nhân cách, Huyệt, Thiên cơ , Số phận ...) cuối, sẽ phải tối

hay được mong muốn đạt tối.

X là nguyên nhân nhiều mặt , là sự chuyển đổi cần tìm, là ẩn :

$$\boxed{\mathcal{A} = |In> \text{ Hiện tại}} \diamond X \Rightarrow \boxed{P = |Out> \text{ Tương lai}} \quad (I)$$

Ta được $|In> \diamond X = |Out>$ và $|Out> \diamond X = |In>$ là hai công thức đối xứng

Đối xứng có thể minh họa như sau:

Nó là ý rằng dù $a^2 = b^2 = 1 \in C, A^2 = B^2 \in C$, nếu nói chúng xác thực với nhau không
đến mức độ nhất định, hay nói cách khác, trong những bài toán ở đây, mỗi số riêng chỉ có thể
đạt mức độ nhất định 1.

CÁC TOÁN TỬ HOÀN VỊ

các toán tử A, B có hiệu ứng Phai Thường (hay \diamond) và Phai Không

$$\text{DN: } (-s)(a \diamond b) = b \diamond a, \quad (-S)(A \diamond B) = B \diamond A, \quad a, b \neq I, \quad A, B \neq I,$$

1. TRƯỜNG HỢP TRẠNG HÌNH ĐẦU

TA TRƯỜNG HÌNH ĐẦU

$$p(I \diamond a) = a \diamond I, \quad P(I \diamond B) = B \diamond I,$$

Nếu ta đặt $f = p \otimes P$, $E = I \otimes I$, $g = (-s) \otimes (-S)$, $f = p \otimes P$, $E = I \otimes I$, $p^2 = I$, $P^2 = I$, $(\text{tính chất involutive})$

$$\text{DN: } g = (-s) \otimes (-S), \quad f = p \otimes P.$$

$$\text{DN: } E = I \otimes I, \quad \text{đơn vị} \quad (\text{loại định nghĩa đặc biệt A})$$

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } fE &= (p \otimes P) \diamond E = (p \otimes P) \diamond (I \otimes I) = (p \otimes P) \diamond (I \diamond I \otimes I \diamond I) = \\ &= p \diamond (I \diamond I) \otimes P \diamond (I \diamond I) = (I \diamond I) \otimes (I \diamond I) = I \otimes I = E, \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } fE = f \diamond E = E, \quad E \cdot gE = g \diamond E = E.$$

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } g[(a \diamond b)(A \diamond B)] &= g \diamond [(a \diamond b) \otimes (A \diamond B)] + \\ &= (-s) \otimes (-S)[(a \diamond b) \otimes (A \diamond B)] = (-s)[(a \diamond b) \otimes (-S)(A \diamond B)] \\ &= (b \diamond a) \otimes (B \diamond A), \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } g[(a \diamond b)(A \diamond B)] = (b \diamond a) \otimes (B \diamond A)$$

$$\begin{aligned} \text{và: } f[(I \diamond b) \otimes (I \diamond B)] &= (p \otimes P) \diamond [(I \diamond b) \otimes (I \diamond B)] = \\ &= p(I + b) \otimes P(I + B) = (b + I) \otimes (B + I) \quad (\text{loại công thức B}) \end{aligned}$$

TÍNH CHẤT IDEMPOTENT

$$\text{Đặt: } v = I + p \otimes (-S) \text{ hay } v' = I + (-s) \otimes P.$$

$$\text{Ta được: } v^2 = 2v = \text{idempotent}, \quad v'^2 = 2v' = \text{idempotent}, \quad (\text{loại công thức C})$$

TÍNH CHẤT CHỈ CÓ LŨY THỦA TUYẾN TÍNH

Ta lưu ý rằng do $a^2 = \pm I \in C$, $A^2 = \pm I \in C$, nên nói chung các lũy thừa cấp cao sẽ không hiện ra trong bài toán, hay nói cách khác, trong những bài toán ở đây mỗi số hạng chỉ có lũy thừa cao nhất bằng 1.

Để chứng minh điều này, ta cần chứng minh $v^k = v$ và $v'^k = v'$ với $k \geq 2$.

Vậy

$$v^k = v \otimes v \otimes \dots \otimes v = v \otimes v = v$$

Ví dụ

$$= \lambda/\alpha (i \diamond j) \otimes (j \diamond ie) = \lambda/\alpha (k \otimes ke) = \lambda/\alpha (\text{Thái Âm} \otimes \text{Khôn}).$$

Qua phương trình

Thứ lại :

$$\mathcal{A} \diamond X = \alpha (i \otimes j) \diamond \lambda/\alpha (k \otimes ke) = \lambda (-j \otimes -ie) = \lambda (j \otimes ie),$$

hai dấu - trên là thuộc trường C, nên

$$\mathcal{A} \diamond X = \lambda (-j \otimes -ie) = \lambda (j \otimes ie) = P, \text{đpcm.}$$

Ví dụ 2 . Cho

$$\mathcal{A} = | In > = \alpha (k \otimes i), \text{cho trước},$$

$$P = | Out > = \lambda (j \otimes ke), \text{cho trước}.$$

Vậy

$$X = \mathcal{A} \diamond P / \alpha^2 = [\alpha (k \otimes i) \diamond \lambda (j \otimes ke)] / \alpha^2 = \lambda/\alpha (k \diamond j) \otimes (i \diamond ke) = \\ = \lambda/\alpha (-i \otimes -ke).$$

Thứ lại :

$$\mathcal{A} \diamond X = \alpha (k \otimes i) \diamond \lambda/\alpha (-i \otimes -ke) = \lambda (-j \otimes -ke) = \lambda (j \otimes ie),$$

hai dấu - trên là thuộc trường C, nên

$$\mathcal{A} \diamond X = \lambda (-j \otimes -ke) = \lambda (j \otimes ie) = P, \text{đpcm.}$$

18. TRƯỜNG HỢP CÓ XUẤT HIỆN THÁI DƯƠNG VÀ KIẾN Ở TRANG THÀI ĐẦU.

Chẳng hạn cho phương trình và trạng thái

$$\mathcal{A} = | In > = \theta (I \otimes A), A \neq I, \text{hay } a \otimes 1, a = 1, \theta \text{ là số phức.}$$

Thế thì ta có

$$\mathcal{A}^2 = \mathcal{A} \diamond \mathcal{A} = \theta^2 (I \diamond I) \otimes (A \diamond A) = \theta^2 (I) \otimes (-I) \text{ hay } (-1) \otimes (I) \\ \text{hay}$$

$$\mathcal{A}^2 = -\theta^2 (I) \otimes (I) = -\theta^2 E.$$

Và phương trình trên có lời giải sau

$$X = (\mathcal{A} \diamond P) / -\theta^2 \quad (II)$$